

THÍCH THÁI HÒA

NGUỒN SÁNG VÔ TẬN

THÍCH THÁI HÒA *** NGUỒN SÁNG VÔ TẬN *** NXB HỒNG ĐỨC

 NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

MỤC LỤC

Ngỏ.....	5
Pháp Thoại: Năm Điều Tuyên Thệ Của Công Ty FDI	
Qua Cách Nhìn Quán Chiếu	7
Bồ Thí Và Bồ Thí Ba-la-mật	52
Sứ Mệnh Phật Đản.....	65
Thân Tâm An Lạc	71
Nguồn Sáng Vô Tận	82
Pháp Thoại: Trì Giới và Trì Giới Ba-la-mật.....	97
Niềm Tin Và Sự Tỉnh Giác.....	135
Pháp Thoại: Mười Điều Thường Quán Chiếu	140
Nhẫn và nhẫn Ba-la-mật	168
Xuân và tâm lực bồ đề	198
Ta Đang Đứng Ở Đâu	207
Ý Nghĩa Giới Học	233
Ý Nghĩa Phật Đản	264

Ngỏ

Tâm là nguồn sống vô tận và ánh sáng của tâm là ánh sáng vô tận. Tâm lắng yên phiền não là tâm bình đẳng và thanh tịnh vô tận. Và cũng từ đó ánh sáng vô tận khởi hiện. Ánh sáng vô tận trong tâm ta không thể khởi hiện, vì tâm ta chứa đầy phiền não và phiền não đã tạo thành những chủng tử phân biệt và kỳ thị vận hành liên tục ở trong tâm ta, khiến cho mạch sống vô tận bị tắt nghẽn.

Ta trở về với tâm là ta trở về với đời sống vô tận; ta trở về với tâm là ta trở về tiếp xúc với ánh sáng vô tận và để sống vô tận trong ánh sáng. Ta trở về với tâm trong ý thức tỉnh giác, phiền não tự lắng yên, tánh thanh tịnh và bình đẳng của tâm tự hiện ra. Tâm ấy giúp cho ta có cách nhìn vạn hữu với sự biết ơn tròn đầy.

Niềm biết ơn tạo thành những cảm giác hạnh phúc cho ta. Niềm biết ơn tròn đầy, thì hạnh phúc trong đời sống của ta càng viên mãn.

Viên mãn thì vô tận. Vô tận trong không gian và vô tận trong thời gian. Nên, không gian nào đối với

người biết ân cũng là không gian của hạnh phúc. Thời gian nào đối với người biết ân cũng là thời gian có ý nghĩa và đối với bất cứ sự hiện hữu nào đối với người biết ân, đều là những sự hiện hữu tuyệt vời.

Trong tập sách này, các Phật tử đã có duyên nghe các băng giảng từ tôi, phát nguyện chép lại thành từng bài và xin tôi chỉnh sửa. Tôi hết sức trân trọng tâm nguyện này, nguyện cho những gì tốt đẹp có được trong tập sách này, hồi hướng đến hết thầy chúng sanh đều trọn thành Phật đạo.

Thích Thái Hòa

Pháp Thoại:
Năm Điều Tuyên Thệ Của Công Ty FDI
Qua Cách Nhìn Quán Chiếu

(Thầy Thích Thái Hòa giảng tại văn phòng công ty FDI ở Tp Hồ Chí Minh, ngày 4/4/2013)

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Cùng tất cả anh chị em trong ban Giám đốc của công ty FDI, ban Điều hành và toàn thể anh chị em nhân viên hiện diện quý mến.

Hôm nay là ngày 24 tháng 2 năm Quý Tỵ (tức ngày 4/4/2013) tại văn phòng công ty FDI ở thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi là thầy Thái Hòa với sư cô Diệu Đáo có nhân duyên đến công ty do anh Nghĩa và chị Phượng Liên mời, chia sẻ với quý vị một vài điểm cần thiết trong khi mình đang cộng tác với nhau và đang làm việc với nhau để hiểu những việc làm của mình qua cách nhìn của Phật Pháp.

Ngày nay khoa học đã tiến bộ rất nhiều và khoa học đã nhìn nhận ra rằng, trái đất là ngôi nhà chung của

toàn thể con người, không những toàn bộ con người mà còn là của mọi sinh vật trên trái đất này nữa. Tầm nhìn của những nhà khoa học như vậy là rất trân quý. Với cách nhìn ấy, giúp chúng ta xóa dần những cách nhìn cục bộ, phiến diện trong cuộc sống con người.

Trong cuộc sống con người, nếu chúng ta sống và hành xử theo cách nhìn cục bộ, phiến diện bao nhiêu, thì chúng ta làm cho đời sống con người của chúng ta ngày càng nghèo đi và khổ đau bấy nhiêu. Nếu cách nhìn phiến diện, cục bộ được xóa đi bởi tuệ giác lớn bao nhiêu, bởi sự hiểu biết lớn bao nhiêu, thì đời sống của con người càng xích lại gần nhau bấy nhiêu. Con người bấy giờ có khả năng bắt tay hợp tác với nhau trong mọi công việc một cách chân thành để xây dựng một nếp sống lành mạnh và văn minh. Không những con người bắt tay với nhau mà con người còn có khả năng bắt tay với môi trường, với thiên nhiên để kiến tạo ngôi nhà bình an cho toàn thể nhân loại.

Tôi nghĩ rằng, đó là cách nhìn phải mất mấy ngàn năm, con người mới phát hiện ra được, nhưng

mà trước đây 2600 năm, đức Phật đã thấy những điều đó và Ngài đã dạy: “Ngoài thế giới này còn có rất nhiều thế giới khác và mình muốn yêu thương cái của mình, thì mình phải biết yêu thương cái không phải của mình. Người nào biết yêu thương cái không phải của mình, người ấy mới có khả năng yêu thương cái của mình”.

Thật vậy, chúng ta muốn bảo vệ chúng ta, thì chúng ta phải biết bảo vệ những cái không phải của chúng ta. Bảo vệ những cái không phải của chúng ta, thì chúng ta mới bảo vệ được chúng ta một cách chính xác. Với cách nhìn mọi sự hiện hữu bằng tuệ giác này, đức Phật đã hiến tặng cho thế giới loài người chúng ta trải qua hai mươi sáu thế kỷ, nhưng với tri thức khoa học, thế giới con người ngày nay mới phát hiện ra và nhận ra được lời dạy quý báu đó của đức Phật.

Ví dụ: anh Nghĩa muốn bảo vệ anh Nghĩa thì anh Nghĩa phải biết bảo vệ chị Phượng Liên. Nếu trong hạnh phúc gia đình, anh Nghĩa chỉ biết bảo vệ anh Nghĩa mà không biết bảo vệ chị Phượng Liên, thì hạnh phúc gia đình của anh Nghĩa sẽ không bao giờ

xảy ra. Và chị Phượng Liên cũng vậy. Chị Phượng Liên muốn bảo vệ hạnh phúc gia đình của chị, thì chị phải biết bảo vệ anh Nghĩa. Hai người phải biết bảo vệ hạnh phúc cho nhau, bảo vệ sự an lạc cho nhau, ấy là những người biết bảo vệ mình một cách thông minh. Nếu hai người chỉ biết đơn thuần bảo vệ cái riêng mình, thì cả hai đều không bảo vệ được chính mình.

Nói như vậy để chúng ta thấy rằng, muốn bảo vệ chúng ta, chúng ta phải biết bảo vệ người khác, phải biết bảo vệ môi trường sinh hoạt của chúng ta. Trong môi trường sinh hoạt của chúng ta nếu có một người bệnh hoạn, khổ đau, thì hạnh phúc của chúng ta sẽ bị giảm thiểu, đây là một sự thật mà chúng ta cần phải thấy biết.

Người Sài Gòn muốn khỏi bệnh hoạn, chúng ta không phải chỉ biết bảo vệ công ty, bảo vệ ngôi nhà mình mà còn phải bảo vệ dòng sông Sài Gòn nữa chứ, nếu dòng sông Sài Gòn bị ô nhiễm, thì cho dù chúng ta có ở trong nhà cũng bị ô nhiễm và đau ốm thôi.

Nói như vậy để chúng ta thấy rằng, chúng ta muốn bảo vệ gia đình của chúng ta, bảo vệ đời sống

của chúng ta, thì chúng ta phải biết bảo vệ công ty của chúng ta, vì sao? Vì công ty là ngôi nhà của chúng ta. Nếu ngôi nhà này mệnh hệ như thế nào, thì nó ảnh hưởng đến đời sống của các thành viên trong ngôi nhà ấy, cũng như ảnh hưởng đến đời sống gia đình huyết thống của họ. Công ty không phải chỉ là ngôi nhà của ban Giám đốc, ban Điều hành mà còn là ngôi nhà của mọi thành viên của công ty. Cho nên, tôi đọc năm điều tuyên thệ của công ty FDI, tôi rất thích và nhận thấy có nhiều ý nghĩa rất hay và rất thiết thực trong năm điều ấy, vì vậy hôm nay tôi muốn chia sẻ đến toàn thể quý vị ý nghĩa của năm điều tuyên thệ này qua cách thấy và cảm nhận của tôi.

Điều 1: Với công ty tuyệt đối trung thành

Điều này các anh chị em có cảm thấy quá đáng không? Bởi vì trên thế gian này có cái gì tuyệt đối đâu mà đòi hỏi người khác tuyệt đối trung thành, thế gian này là tương đối, phải không? Mọi cái là tương đối, nhưng nếu muốn bảo vệ sinh mệnh thì phải là bảo vệ tuyệt đối, không thể là tương đối được. Bởi vì nếu bảo vệ sinh mệnh mình mà bảo vệ tương đối thì tuyệt đối

sinh mệnh đó sẽ bệnh hoạn và tuổi thọ đó sẽ giảm ngay. Mọi chuyện là tương đối, nhưng bảo vệ sinh mệnh là phải tuyệt đối, an toàn tuyệt đối, cũng như đi lên máy bay thì phải bảo vệ an toàn tuyệt đối, từ Đà Nẵng đến Sài Gòn, còn nếu mà bảo vệ tương đối, thì không ai dám đi trên chiếc máy bay được bảo vệ tương đối ấy hết.

Cho nên, công ty muốn tồn tại thì mọi thành viên trong công ty phải tuyệt đối trung thành với công ty của mình, đó là sự tồn tại đúng ý nghĩa và từ sự tồn tại đúng ý nghĩa ấy, nó đáp ứng cho ta những khát vọng, những nhu cầu của chúng ta đúng ý nghĩa của một công ty, còn nếu chúng ta trung thành tương đối với công ty, và mọi người thể hiện cái trung thành tương đối của mình đối với công ty, thì công ty trước sau gì nó cũng rã. Hơn hai trăm nhân viên mà chỉ cần mỗi người lơ đãng một chút xíu thôi là thành hơn hai trăm vấn đề lơ đãng xảy ra, công ty không thể tồn tại lâu dài được.

Vì vậy, điều thứ nhất là tuyệt đối trung thành với công ty, cái đó không có gì là quá đáng. Bởi vì

sinh mệnh của công ty gắn bó với sinh mệnh của chính mình, khi mà công ty gắn bó với sinh mệnh của chính mình và gia đình mình như vậy, thì nó tồn tại một cách có ý nghĩa. Công ty hiện hữu có ý nghĩa và những thành viên của công ty hiện hữu cũng có ý nghĩa, và ý nghĩa sâu sắc hơn nữa là chúng ta đóng góp sự có mặt của công ty cho xã hội, cho cuộc đời, mà nhất là công ty FDI này, nó không những vận chuyển hàng hóa ở quốc nội mà cả quốc tế, không phải chỉ chuyển vận hàng hóa bằng đường thủy, đường bộ mà cả đường hàng không. Nên, nếu chúng ta không trung thành tuyệt đối, chúng ta sẽ không có trái tim tuyệt đối để trung thành; chúng ta sẽ không có sự suy nghĩ tuyệt đối để bảo vệ cho sự tồn tại này, thì tai nạn sẽ xảy ra và nó gây thiệt hại cho rất nhiều người và thiệt hại tài sản cho xã hội.

Cho nên, đây là lời tuyên thệ rất cần thiết và các thành viên của công ty cần phải thực tập, thà mình sống và làm việc hết lòng với công ty rồi, mà những sơ suất vẫn xảy ra, thì đó không còn là chuyện của mình, không còn là chuyện của nội lực mà là chuyện

chương ngại của ngoại duyên. Nên, người xưa có nói “lực bất tòng tâm” là vậy. Lực nó tách khỏi trọng tâm rồi, thì mình chịu, vì mình không còn điều khiển được nó nữa. Nhưng mà lực đang ở trong trọng tâm, đang chịu dưới sự điều khiển của mình, đang trung thành với mình mà mình lơ đãng, để sơ suất khiến điều không may xảy ra, thì đó là điều hết sức đáng tiếc, hết sức ân hận.

Cho nên, tôi thấy tôi ngủ rất khỏe, bởi vì mỗi ngày tôi làm việc với cái gì, thì tôi làm hết lòng với cái đó, tôi làm từ trái tim của tôi, dù cho có ai biết hay không có ai biết, tôi không cần biết, bởi vì trái tim tôi biết cho tôi. Tôi làm cái gì cũng làm hết lòng, cho nên có ai biết hay không ai biết, điều ấy với tôi không còn quan trọng. Quan trọng là đạo lý nhân quả ở nơi tâm tôi, tự nó đã hình thành cho tôi. Đạo lý nhân quả nơi tâm tôi hình thành đời sống cho tôi, nhận ra được đạo lý ấy để sống và hành xử mới quan trọng. Cái thấy được nhân quả hình thành ngay nơi tự tâm là cái thấy vô cùng quan trọng, vì cái thấy ấy giúp ta có một đời

sống chân thật và trung thành. Với cái thấy ấy đạo Phật đã hiến tặng cho thế giới con người.

Mình có thể dối gạt được thiên hạ, nhưng mình không thể dối gạt được trái tim của mình, mà mình có thể dối gạt được trái tim của mình, nhưng mình không thể dối gạt được nhân quả hình thành trong lòng mình. Đó là điều mà tại sao mình phải tuyệt đối trung thành. Nên, đọc điều thứ nhất trong năm điều tuyên thệ của công ty FDI tôi rất thích.

Trung thành là lý đương nhiên để sinh ra thành công và hạnh phúc. Nếu thiếu trung thành thì sẽ không có hạnh phúc. Vợ không trung thành với chồng thì làm sao đời sống gia đình hạnh phúc được. Rõ ràng yếu tố trung thành là điều không thể thiếu để xây dựng sự bền vững hạnh phúc và phát triển hạnh phúc, ở trong đó có cả sự phát triển kinh tế. Trung thành đi đôi với tín thành, với thành tín. Cho nên, sống trên đời, nếu thiếu sự trung thành thì nó trở thành sự phản bội. Phản bội thì chỉ có thể thành công nhất thời, nhưng lại là sự thất bại vĩnh viễn. Cho nên, trung thành hay tín thành là điều để chúng ta thực tập, để cho chúng ta

ứng dụng vào đời sống, chứ không phải lý thuyết và càng không phải là lý luận mà chính nó là cuộc sống của thành công và hạnh phúc.

Ở trong đời có ai là người không thích kẻ khác trung thành với mình? Rõ ràng, ai cũng muốn người khác trung thành với mình hết phải không? Muốn người khác trung thành với mình thì mình phải trung thành với người khác. Ai cũng muốn người khác thương mình, thì trước hết mình phải mở trái tim ra để thương người khác, mình thương người khác thì nhất định người khác sẽ thương mình.

Mình trung thành với người khác thì nhất định người khác sẽ trung thành với mình. Họ không trung thành với mình kiểu này thì họ cũng trung thành với mình kiểu khác, chắc chắn là như thế. Nhưng, nếu như họ đã lỡ phản bội rồi thì trước sau gì họ cũng sẽ trở về.

Điều này, tôi kể cho quý vị nghe, chiều hôm qua tôi vui lắm. Chiều qua tôi đang nằm trên chiếc võng, thì có một anh đã phản bội tôi và bỏ tôi ra đi bảy năm. Suốt cả bảy năm tôi không hề giận hờn hay lên án gì anh ta cả, thì chiều hôm qua anh ấy tự trở lại, quỳ sụp

xuống và nói : “Thầy ơi, bảy năm con đã bỏ thầy để ra đi lang thang, khô kiệt cả hiểu biết, khô kiệt cả trí tuệ, xin thầy tha thứ cho con, xin thầy hãy cầm tay con một cái, để thầy truyền năng lượng cho con”. Tôi vẫn vui cười với anh ta, với cái tâm bình thản tự nhiên. Tôi cầm tay anh ấy và anh ấy kể cho tôi nghe bảy năm trời anh ấy bỏ tôi ra đi, nhưng trong lòng lúc nào cũng cảm thấy nôn nao khó chịu và chiều hôm qua là chiều anh ấy quyết định trở lại thăm tôi và nói những lời sám hối với tôi. Tôi thương anh ta lắm và đã tặng cho anh ta hai tập sách: *Thanh thoi mọi nẻo đường về* và *Miến điện mặt trời lên*. Cho nên, nếu họ không hiểu hết về mình, họ bỏ mình ra đi là chuyện đương nhiên, nhưng mà đi đâu rồi họ cũng thấy rằng, họ vẫn cảm thấy không thỏa mãn, vẫn không ai hiểu họ, thì có một ngày tự họ sẽ quay về.

Như vậy, ai phản bội mình là quyền của người ta, chứ mình có quyền gì mà cấm người ta phản bội. Phản bội là quyền của người ta, nhưng trung thành là quyền của mình. Điều này không phải chỉ ở trong công ty FDI, mà ngay trong cuộc sống cũng vậy. Nếu

có ai phản bội mình là quyền của người ta, nhưng mình chỉ có một cái quyền duy nhất là luôn luôn trung thành và thương họ. Nếu mình trung thành với công việc của mình và thương họ, thì trước sau gì họ cũng trở về với mình.

Vì vậy mà trong bài thơ **Tình đạo sĩ** tôi có nói rằng:

“Đưa ai đi giữa tháng ngày đông bão

Dù ai về giữa trăm thắng ngàn thua”.

Cuộc đời này mình mà bỏ cha mẹ mình ra đi, bỏ chồng mà ra đi, bỏ vợ mà ra đi, bỏ thầy mà ra đi là cái thành công chỉ là rất ít, mà cái thất bại là rất nhiều. Cho nên, những bậc có chí lớn, có tâm nguyện lớn, thì vẫn đứng đó đợi chờ những người phản bội mình có cơ hội trở về và mình sẽ đan đôi cánh tay ra, mở rộng trái tim mình ra mà đón họ, vì sao? Vì mình biết rất rõ, nếu người ta phản bội mình thì người khác sẽ phản bội họ và khi họ bị phản bội, họ mới thấm thía thế nào là trung thành và tự họ quay trở lại. Cho nên, điều thứ nhất rất là quan trọng, chúng ta cố gắng thực tập.

Điều thứ 2: *Đối với khách hàng phải tôn trọng và lễ phép*

Hôm kia tôi có nói chuyện với nhân viên FDI Hà Nội, tôi nói: mình đi tới nhà người nào mà họ tiếp mình có vẻ sơ sài và coi thường, thì mình lỡ tới một lần thôi, còn lần sau tự dặn lòng là không bao giờ tới nữa, nếu có đi ngang qua cổng nhà họ thì cũng không để ý luôn.

Rõ ràng, khách hàng cũng vậy, mình đối xử vui vẻ, tôn trọng họ, thì họ lui tới đối tác với công ty, mình đối xử không dễ thương với họ, không tôn trọng họ, thì họ đi tìm đối tác khác. Mình là công ty, mình là chủ, nhưng mình cũng là khách làm thuê cho họ, khách hàng là khách, nhưng họ cũng là chủ, họ cũng làm thuê cho mình và mình cũng làm thuê cho họ. Trong cuộc sống đối tác, họ cũng nhờ mình, mà mình cũng nhờ họ. Họ là chủ mà cũng là khách, mình là khách mà cũng là chủ. Trong đối tác, khách với chủ, chủ với khách, chỉ cần hoán vị một cái là chủ hóa thành khách và khách hóa thành chủ.

Cho nên, mình tồn tại cũng nhờ khách hàng, khách hàng được việc cũng nhờ mình. Trong mỗi

quan hệ hỗ trợ lẫn nhau mà mình biết tôn trọng lẫn nhau, kính quý lẫn nhau thì thật tuyệt vời, không có cái tuyệt vời nào hơn cái tuyệt vời sống biết kính quý nhau này; không có cái đẹp nào bằng cái đẹp sống biết tôn trọng nhau. Và nếu mình biết tôn trọng và quý mến khách hàng thì họ trước sau gì cũng đến với mình, và cho dù họ có đi đâu, đi đối tác với bất cứ công ty nào, mà các công ty ấy không tôn trọng khách hàng, thì khách hàng sẽ quay lại đối tác với công ty FDI, vì sao? Vì các công ty khác không có điều tuyên thệ thứ hai này và không áp dụng điều tuyên thệ này vào trong đối tác. Trong lúc đó công ty FDI, từ tổng Giám đốc, đến các Giám đốc Điều hành, các Trưởng phòng cho đến nhân viên đều thực hiện đúng lời tuyên thệ thứ hai này, nên quá dễ thương đối với khách hàng.

Ở trong đời, ai cũng thích người dễ thương hết, không ai muốn tiếp xúc với người dễ ghét cả. Cho nên, đức Phật nói rằng: “Tất cả chúng sinh đều có Phật tính”. Nghĩa là tất cả chúng sinh đều có tính dễ thương, nhưng chẳng qua không có điều kiện biểu hiện thôi. Giờ đây Công ty khi khách hàng đến làm

việc với Công ty thì trước hết mình phải nở một nụ cười tươi, sẵn sàng giúp đỡ khách hàng, thì khách hàng sẽ thương và gắn bó với mình.

Mỗi khi khách hàng đã quý mến, tin tưởng lòng quý trọng của công ty đối với khách hàng, thì tự họ quảng cáo cho công ty. Các khách hàng quảng cáo cho công ty có giá trị và thu hút hơn nhân viên của công ty quảng cáo. Khách hàng quảng cáo cho công ty, nó thiết thực hơn tivi, internet, báo chí quảng cáo.

Khi người khách hàng đến với công ty, họ không rành, nhưng nhân viên công ty chào hỏi, quý trọng và giúp đỡ họ tận tình không điều kiện nào cả, thì nhân viên công ty sẽ nhận lại một tình cảm rất lớn từ tâm tư của khách hàng. Mỗi khi khách hàng đã có tình cảm và tin tưởng công ty, họ không bao giờ để cho công ty bị thiệt hại mà còn tìm đủ mọi cách yểm trợ để công ty được phát triển và tiền do lợi nhuận từ đối tác, có khi không bằng tiền do khách hàng đối tác mang lại.

Như bản thân tôi cũng vậy, tôi đi xe thô hay đi xe taxi mà tài xế chân tình và tận tụy, có khi tôi còn tặng tiền gấp đôi giá tiền xe theo thỏa thuận nữa. Tặng

cho họ mà họ nhận là mình thấy hạnh phúc. Trái lại, mình đi xe thấy tài xế mặt mày nhăn nhó, không chân tình ưa kèo nài là tôi không thích và chắc chắn là tôi sẽ không tặng cho họ đồng nào. Cảm giác này dường như không phải tâm lý của thầy Thái Hòa mà đó là tâm lý chung của tất cả chúng ta.

Nên, khi đi Ấn Độ, đến núi Linh Thứu, tôi rất xúc động, vì ở nơi đây tôi cảm nhận được hình ảnh của đức Phật ngày xưa hiện về trong tôi với bao nhiêu chuyện mà tôi đọc được từ kinh điển, lòng dặn lại lòng là sau khi lạy Phật xong, mình tự nguyện rút tiền ra để cúng dường từ trong trái tim mình. Nhưng, khi lạy chưa xong lạy thứ ba, thì có một giáo sĩ Ấn giáo quản lý Phật tích, vỗ vào người tôi và gợi ý cúng dường. Bây giờ trong tôi tự nhiên sinh khởi cảm giác khó chịu và không còn có cảm giác thích thú cúng dường nữa. Nên, đáng lẽ cúng dường một trăm, thì mình chỉ cúng dường mười đồng thôi. Nhưng, giả như ông giáo sĩ Ấn giáo ấy không có động tác gợi ý, thì không những tôi cúng dường mười đồng mà tôi cúng dường một trăm đồng và tôi cảm thấy rất hạnh phúc.

Nếu ông quản lý Thánh tích của Phật, thấy Phật hơn thấy tiền, thì ông sẽ truyền bá được văn hóa của Thánh tích do ông đang giữ cho mọi người và mọi người sẽ biết ơn ông, biết ơn quốc gia của ông. Nhưng, nếu ông thấy tiền hơn thấy Phật, thì việc ông càng giữ gìn Thánh tích của Phật, ông lại càng làm cho Thánh tích bị ô nhiễm và làm cho nét nhân tính, nhân văn nơi ông bị xói mòn và khuất lấp.

Cho nên, biết đối xử tốt và biết tôn trọng khách hàng là mình không bao giờ bị thiệt hại, công ty bị thiệt hại vì nhân viên của công ty không biết đối xử tốt và tôn trọng khách hàng. Mình cứ sống hết lòng và chân tình với khách hàng, khách hàng sẽ không giúp mình cách này, lúc này thì họ cũng sẽ tìm cách giúp mình lúc khác và cách khác. Khi sống với nhau, mình đem tấm lòng chân thật để sống và hành xử với nhau, chứ đừng quá sòng phẳng và thực dụng mà nhất là đừng quá sòng phẳng và thực dụng với khách hàng.

Xã hội con người càng ngày càng trở nên khô cứng, vì con người đã sử dụng máy móc để đối tác với

nhau, nên đối tác với nhau quá sòng phẳng và thực dụng, khiến đưa đến lạnh lùng và vô cảm.

Nên, khi đối tác, ta hãy tôn trọng nhân cách đối tác của nhau. Nhân cách đối tác với nhau càng tuyệt vời, thì lợi nhuận đưa tới cho nhau lại càng tuyệt vời hơn. Nhưng, khi đối tác khách hàng của công ty không dễ thương, mà công ty vẫn đối xử dễ thương với họ, đây là điều mà mọi nhân viên của công ty cần phải thực kiên trì thực tập. Kiên trì thực tập là vì chiến lược lâu dài của công ty mà không phải là chiến thuật trước mắt.

Một công ty kinh doanh có chiến lược lâu dài, có chiến thuật tạm thời rất dễ đưa tới thành công. Xác suất thành công trong sự nghiệp kinh doanh đối với họ là rất cao.

Khách hàng không dễ thương mà mình vẫn tôn trọng và đối xử dễ thương với họ, đó là chiến lược kinh doanh của những nhà kinh doanh đầy trải nghiệm và tài hoa, chính chiến lược này dẫn họ đến thành công trong sự nghiệp kinh doanh.

Với chiến lược này, chỉ có những nhà trải nghiệm kinh doanh mới khám phá ra và mới có phương pháp ứng xử khiến nó trở thành một lời tuyên thệ.

Còn đối với chiến thuật kinh doanh, khách hàng đối xử dễ thương với mình, thì mình đối xử dễ thương lại với họ, họ đối xử không dễ thương với mình, thì mình đối xử không dễ thương lại với họ. Nhưng, đối với chiến lược kinh doanh của người trải nghiệm và tài hoa, khi thấy người đối xử dễ thương với mình, thì mình lại càng đối xử dễ thương và chân thành với họ; và khi thấy người đối xử với mình không dễ thương và không chân thành, thì mình vẫn đem cái dễ thương và chân thành mà đối xử với họ.

Người đối xử với mình dễ thương và mình đối xử dễ thương lại, điều này không cần học, không cần phải đỗ tiến sĩ, thạc sĩ mới biết mà trẻ thơ cũng biết cách đối xử này. Nhưng, những người đối xử với mình không dễ thương mà mình vẫn đem cái dễ thương để đối xử lại với họ, điều này không phải ai cũng làm được mà chỉ có những người sống có bản lĩnh, sống có trí tuệ và tình thương lớn mới thể hiện được. Thực

hiện được điều này là cả một công trình tôi luyện hay cả một chiến lược kinh doanh lâu dài. Thực hiện được chiến lược này phải là người có khả năng, chứ không phải chỉ có tài năng. Có tài năng mà thiếu khả năng, thì sự thành công chỉ tạm thời, nhưng khi tài năng đã trở thành khả năng thường trực, thì sự thành công không phải là ước mơ mà là hiện thực, không phải ngắn hạn mà trường kỳ.

Cho nên, người có khả năng họ không ngại gì khi đối diện với khó khăn và nhất là đối với những người khó tính. Người khó tính tự nó đã bị thiệt hại, không cần ai gây hại cho họ nữa. Đối xử dễ thương với người khó tính phải là người có khả năng, nếu không có khả năng không dễ gì đối xử dễ thương với người khó tính.

Điều mà chúng ta cần lưu ý và thực tập: “Thương ai là mình hạnh phúc trước, ghét ai là mình đau khổ trước; thương ai thì mình có lợi trước, ghét ai thì mình bị thiệt hại trước”. Đó là điều mà tất cả chúng ta cần lưu ý và cần phải thực tập.

Cho nên, đối với một công ty FDI đối tác không phải chỉ là khách hàng quốc nội mà cả khách hàng quốc tế như thế này, mà mình biết tôn trọng và lễ phép với khách hàng, thì trong trái tim của mọi khách hàng đều có không gian của công ty FDI. Mở rộng không gian kinh doanh, trước hết phải biết mở rộng không gian tâm hồn. Mở rộng không gian tâm hồn, trước hết là mình phải biết ôm ấp cái hay của người để học hỏi và phát triển; và phải biết ôm ấp cái khiếm khuyết của người để giúp họ tự hoàn chỉnh và sánh vai cùng với mình đi lên.

Cho nên, đức Phật có dạy mình cần nhìn vào cái mặt tích cực của mỗi người để thương thì mình sẽ có cái hạnh phúc rất lớn. Nhưng, nếu mình nhìn vào cái tiêu cực của mỗi người để ghét, thì cái ghét đó nó thành một khối lớn mà cái khối lớn đó, nó làm khổ mình, nó đốt cháy cái hạnh phúc của mình.

Trên đời này đau khổ là chuyện có thật, thì tại sao hạnh phúc là chuyện không có thật được. Đau khổ ở trên đời này của con người là chuyện có thật là vì tâm kiêu mạn và khinh người của con người tạo ra. Tâm

khinh người thường tạo nên sự oán thù và đối kháng. Hạnh phúc ở trên đời này cũng có thật là do con người biết thương người và biết tôn trọng lẫn nhau.

Nên công ty FDI muốn khách hàng tôn trọng, thì trước hết công ty phải biết tôn trọng khách hàng. Và mình biết tôn trọng khách hàng cũng chính là mình đang biết tôn trọng công ty của chính mình.

Đây là điều mà mọi thành viên của công ty cần phải thực tập.

Điều ba: *Đối với công việc tận tụy, sáng tạo*

Tôi nhớ có một vị minh triết nói rằng: “Tận tụy cộng với sự ngu dốt là phá hoại”. Nhiệt tình cộng với ngu dốt là phá hoại, thì nhiệt tình cộng với thông minh là xây dựng, cho nên đây là tận tụy sáng tạo, tức là mình phải tận tụy với công việc, nhưng mà phải sáng tạo trong cái tận tụy đó, thì công việc mình mới thành. Tận tụy mà cứ làm theo khuôn mẫu, cứ chăm chỉ để làm mà không đổi cơ được, không đổi thời được thì không thành công, cho nên tận tụy mà sáng tạo.

Có những điều mình làm, có thể ban Giám đốc chưa biết, nhưng nhân viên thấy hết. Cái máy chạm điện

sắp cháy, mình giựt cái ổ cắm ra không sử dụng, chứ không dám giựt cái ổ cắm ra mà phải đi trình ban Giám đốc đợi phê duyệt, cho phép thì cái máy đó cháy mất. Đáng lý ra chỉ tốn mười ngàn, giờ tốn cả trăm ngàn. Cho nên tận tụy cộng với ngu dốt là phá hoại, phá sản. Tận tụy mà sáng tạo là làm việc hết lòng và thông minh.

Sáng tạo trên tiêu chuẩn nào? Tôi làm bất cứ cái gì có lợi cho công ty, có lợi cho anh em chúng tôi là tôi làm. Dù giám đốc chưa phê duyệt, nhưng tôi sẵn sàng chịu phê bình trước giám đốc, vì lợi ích của công ty, vì sự tồn tại của công ty, tôi sẵn sàng hy sinh. Bởi vì mỗi người đều có trí tuệ và thông minh tự thân, nên cần phải nắm lấy cơ hội cho công ty qua điều kiện thông minh và sáng tạo linh hoạt của mình. Điều ứng xử linh hoạt và thông minh này của nhân viên, thì ban giám đốc, ban điều hành phải biết để khen thưởng đúng lúc, đúng việc. Tuy, có những trường hợp nhân viên tự động giải quyết công việc, chưa qua ý kiến của ban giám đốc hay ban điều hành, nhưng ban giám đốc, ban điều hành vẫn tán dương khả năng sáng tạo của họ, trong khi họ hành xử vì lợi ích và danh dự của

công ty. Nên, có những tự động của nhân viên mà mang lại lợi ích cho công ty rất lớn, thì mình cho phép họ tự động, còn có những cái tự động mà gây thiệt hại cho công ty, mất danh dự, mất quyền lợi của công ty thì cái tự động đó không nên. Cho nên, sự tận tụy và sáng tạo rất cần thiết trong doanh nghiệp. Nguyên tắc là để bảo đảm tính tổ chức của doanh nghiệp. Tận tụy và sáng tạo là để đối ứng và phát triển doanh nghiệp một cách linh hoạt.

Có một ông chủ có được ba người trợ lý với ba khả năng. Người thứ nhất quá cẩn thận, người thứ hai quá lo xa, người thứ ba quá lẽ phép.

Một hôm người trợ lý lẽ phép đưa một đứa con ông chủ đi tắm sông, con ông chủ bơi ra giữa sông sắp sửa uống nước, người đó thấy con ông chủ sắp sửa uống nước như vậy, thì liền chạy về xin phép ông chủ cho ông ta được vớt đứa bé lên, nếu không nó uống nước nhiều quá và sẽ chết. Người chủ nói : “Thế thì tại sao mày không vớt nó liền đi mà chạy về xin phép, xin phép xong chắc nó uống nước chết quá!”. Đúng là sau khi xin phép xong, ông ta chạy ra sông thì thằng

bé đó đã chết rồi. Cho nên, đôi khi có những lễ phép không cần thiết, có những cái thừa trình không cần thiết, vì sao? Vì cái gì cũng thừa trình, cũng giữ lễ, có những khi giữ lễ là tốt, nhưng có khi giữ lễ lại bị mất cơ hội thực hiện tài năng.

Một hôm bà chị của ông chủ chết, ông chủ kêu cậu trợ lý lo xa đi mua quan tài. Cậu ấy đi đến nơi bán quan tài, thấy chỉ có hai cái quan tài, cậu mua hết cả hai cái chở về. Khi chở về, ông chủ hỏi: “Ta bảo mua một cái, tại sao mua hai cái”. Cậu lo xa trả lời: “Dạ thưa ông chủ, tôi thấy chỉ còn có hai cái nên tôi mua luôn, một cái cho chị ông, và một cái cho ông, lỡ sau này ông chết thì không có quan tài để mua”. Như vậy, có những cái lo xa là tốt, nhưng có những cái lo xa là không cần thiết.

Một hôm, người cẩn thận đưa ông chủ đi nắm tình hình, khi ông chủ đi qua một đoạn đường bị sinh lầy, xe không qua được, Cậu cẩn thận cúi lưng xuống và thưa ông chủ ngồi lên lưng của cậu ấy để cậu cõng qua cho khỏi sinh lầy. Rồi cậu ấy gỡ đôi giày ông chủ ra, cất trong túi của anh ta. Ông chủ ngồi trên lưng đi

được một đoạn, thấy xúc động, vì người phụ tá quá nhiệt tình và quá cẩn thận. Ông liền nói: “Tao có đứa con gái út học ở trên Sài Gòn, bữa nào học ra trường, tao gả cho mày”. Khi nghe nói như vậy, người trợ lý cẩn thận thả ông chủ xuống một cái bịch giữa bùn để chấp tay cung kính cảm ơn. Anh chàng này quá cẩn thận và nhiệt tình, nhưng ứng xử không đúng lúc, khiến sự cẩn thận và nhiệt tình bị phản tác dụng.

Cho nên, cẩn thận cũng phải đúng lúc, cũng cần phải có trí tuệ, mà lo xa cũng phải có trí tuệ, nhiệt tình và lễ phép cũng phải có trí tuệ. Nên, nhiệt tình mà thiếu sáng tạo cũng chết, sáng tạo mà tùy tiện không có nguyên tắc nào cả, thì lại càng chết sớm. Nói một cách khác, làm cái gì cũng phải có trí tuệ.

Vì vậy, trong kinh Bát đại nhân giác, đức Phật dạy: “Duy tuệ thị nghiệp”. Nghĩa là đệ tử Phật, thì phải lấy trí tuệ làm sự nghiệp. Lấy trí tuệ làm sự nghiệp, cho nên trí tuệ phải luôn có mặt ở trong nhiệt tình, khiến cho sự nhiệt tình dẫn đến hiệu quả tốt. Trí tuệ có mặt ở trong lễ phép, khiến cho lễ phép dẫn đến thành công. Trí tuệ có mặt trong sự cẩn thận thì sự cẩn

thận sẽ dẫn đến thành công. Cho nên, chữ sáng tạo được sử dụng trong điều tuyên thệ thứ ba này của công ty FDI, có nghĩa người hành sự phải luôn luôn biết đối diện với công việc bằng trực giác của mình mà không phải bằng thói quen.

Như vậy, quý vị sẽ hỏi tôi làm sao có khả năng sáng tạo, làm sao để có khả năng trí tuệ. Đức Phật dạy, “muốn có trí tuệ trước hết là mình phải biết lắng nghe và học hỏi với tâm định tĩnh”. Bất cứ cái gì mà mình thấy hay là phải để ý ngay, học hỏi ngay. Không phải công việc của mình, nhưng thấy nó hay là phải để ý, nghiên cứu và khi cần thiết là làm.

Cho nên, cái gì mình cũng phải để ý để học hỏi, người ta gói một gói hàng, dù không phải là phận sự của mình, nhưng mình cũng phải để ý cách gói. Tuy mình làm máy tính giỏi, nhưng một mai trong công ty chị gói hàng có chuyện đột xuất xin nghỉ, ngoài công việc chuyên môn vi tính, mình cũng có thể phụ gói hàng đóng kiện được, chúng ta làm việc không nên cứng nhắc mà phải biết linh động. Cuộc sống của con người rất sống động, nên mình làm việc cũng phải

sống động như cuộc sống của con người vậy. Nền giáo dục Tây phương đặt nặng về khoa học kỹ thuật và làm kinh tế theo phương pháp dây chuyền nên rất cứng nhắc. Tư duy của người Tây phương nhắm tới khám phá ngoại giới. Tư duy của người Đông phương nhắm tới khám phá nội tâm. Nên cách sống của người Đông phương phong phú đa dạng và sâu thẳm. Cho nên các anh chị em phải biết lắng nghe và có nhiều phương pháp học hỏi để có khả năng thích ứng với mọi công việc và mọi hoàn cảnh. Ta có lỗ tai phải để lắng nghe âm thanh phát ra từ phía phải và ta có lỗ tai trái để lắng nghe âm thanh phát ra từ phía trái hay từ phía đối lập. Ta có hai tay, tay phải để làm việc về phía phải và tay trái là để làm việc từ phía trái. Phải và trái đều hỗ trợ cho nhau để thành tựu được một sự kiện. Ta có hai chân, chân trái bước đi là để hỗ trợ cho chân phải và chân phải bước đi là để hỗ trợ cho chân trái. Chính cuộc sống đã giúp cho mình có được kinh nghiệm như thế. Cấu trúc cơ thể sinh học, bán cầu não phải là để điều khiển những hành hoạt của nửa thân bên trái và bán cầu não trái là để điều khiển những

hành hoạt của nửa thân bên phải. Nên, phải và trái là để hỗ trợ nhau đi đến một đời sống toàn diện mà không phải để đối lập nhau.

Nên, sáng tạo phải có cơ bản, chứ không phải sáng tạo một cách tùy tiện; sáng tạo có nguyên tắc, chứ không phải sáng tạo tùy tiện. Sáng tạo có nguyên tắc là thế nào? Nghĩa là bất cứ điều gì mà đem lại lợi ích cho công ty và duy trì được niềm tin của khách hàng đối với công ty thì mình làm và trái lại thì không nên làm. Cho nên sáng tạo là sáng tạo theo nguyên tắc cơ bản này. Sáng tạo theo nguyên tắc cơ bản này ta sẽ không sợ phạm lỗi đối với mọi quy chế của công ty. Vị vua trị nước có các vị tướng giỏi biết hy sinh vì nước, vì vua thì vua liền ban cho vị tướng ấy phép “tiền trăm hậu tấu”, nghĩa phép “chém trước tâu sau”. Vị tướng giỏi khi ra chiến trường, tùy theo thế của quân địch mà ứng xử, mà không cần phải tâu vua. Thấy trong quân trận có kẻ phản trắc, chém đầu trước, tâu vua sau.

Lãnh đạo công ty phải biết rõ tài năng và khả năng của nhân viên để trao quyền hạn và trách nhiệm đúng người, đúng việc.

Điều bốn: *Với đồng nghiệp thân tình giúp đỡ*

Tất cả chúng ta đều là anh chị em trong một ngôi nhà đồng nghiệp, nên chúng ta phải biết tận tình giúp đỡ lẫn nhau. Trong chúng ta mỗi người có một hoàn cảnh khác nhau, ở trong chúng ta không có ai là không có những khó khăn riêng của chính mình, mỗi người có một cách khó khăn thì mình phải biết để mà giúp nhau. Ví dụ: chị A có con hai tuổi cần đi mẫu giáo, nhưng chưa có ai đón con, mình có thể nói chị A đi đón con đi, còn trước nửa giờ để mình làm giúp cho, để cho chị A đi đón cháu về, đó cũng là đồng nghiệp thân tình giúp đỡ lẫn nhau. Người kia thấy mình được giúp đỡ và ưu tiên cũng sanh tâm cảm thấy ái ngại, nên là đồng nghiệp thì mình phải biết ngay cái tâm ái ngại của người đó để động viên. Hoặc trong cơ sở có đồng nghiệp, vội vã đi về không tắt máy vi tính, mình về sau phát hiện máy vi tính chưa tắt, thì mình tắt máy giúp cho đồng nghiệp để bộ phận kiểm tra khỏi quở trách người đó, ấy cũng là một hành động giúp đỡ đồng nghiệp.

Cho nên, chỉ cần có tinh thần đồng nghiệp là mình có thể thực hiện được điều thân tình. Khi mọi người thấy trong cộng đồng mình, công ty mình có tình thân ái, có tình đồng nghiệp giúp đỡ lẫn nhau, yểm trợ cùng nhau như vậy, thì không ai muốn xa rời công ty FDI hết và đến làm việc ở công ty là một hạnh phúc. Cho nên, công ty như một ngôi nhà thứ hai của mình, trong ngôi nhà ấy, tinh thần đồng nghiệp biết giúp đỡ lẫn nhau rất là thiết thực và quan trọng.

Ví dụ: gia đình các nhân viên có tang chế hoặc có người thân chết đột ngột, khi công ty biết thì bộ phận phụ trách vấn đề đó phải bay đến giúp đỡ liền, vì sự ra đi đột ngột của người thân như vậy, thường làm cho người thân bối rối, không biết phải làm gì, nên những người lãnh đạo công ty thấy trong hoàn cảnh ấy của nhân viên thiếu gì thì liền giúp ngay, việc làm ấy mới là điều quan trọng và đây là điều rất cần thiết mà mình phải thể hiện cho được. Có đôi khi cả đời mình làm máy tính toán rất giỏi, nhưng đến khi cha mẹ mất, thì lúng túng, khi mời thầy đến, không biết để thầy ngồi ở đâu, pha ly nước cho thầy thì mình có kinh

nghiệm rồi, mình thay bạn làm điều đó. Tôi chỉ nói đại loại như vậy thôi, để quý vị suy nghĩ ra nhiều mặt khác nữa, nhằm có nhiều cách hỗ trợ nhau.

Ví dụ: Mỗi người chúng ta đều có gia đình, mỗi gia đình đều có những thuận lợi hoặc khó khăn. Thấy bạn mình ngày hôm qua vui lắm, tự nhiên hôm nay gặp ai cũng gây hết, thì mình cũng đừng trách móc người đó, mình ngồi yên nghe họ gây, sau đó mình nghiên cứu và biết rõ đúng là ngày hôm qua chồng cô ấy đi nhậu về, rồi quậy phá làm cho cô ta mất ngủ, nên sáng nay cau có mặt mày, khó chịu. Cho nên, mình phải biết hoàn cảnh của họ để yểm trợ. Mình phải biết hoàn cảnh của từng người để mà hỗ trợ, cho nên tinh thần hỗ trợ đó rất là thiết thực, rất cần thiết cho đồng nghiệp của chúng ta.

Điều năm: *Với gia đình thì thương yêu và trách nhiệm*

Mình đi ra xã hội kiếm tiền để làm gì? Nếu kiếm tiền để thỏa mãn những sở thích ăn chơi của mình thì việc kiếm tiền đó là vô nghĩa. Kiếm tiền để tiêu tiền cho thỏa thích lòng tham của mình thì sự kiếm tiền

như vậy là phá sản đời sống tinh thần của mình, phá sản gia đình mình và phá sản phước báu làm người của mình. Cho nên, mình đi ra giữa xã hội kinh doanh làm ra sản phẩm, kiếm tiền để giúp đỡ cho gia đình mình, ấy là một cách thể hiện tình thương và trách nhiệm của mình đối với gia đình mình, và cũng là một cách thể hiện tình thương của mình đối với đồng nghiệp, đối với mọi người, và đó mới là ý nghĩa đẹp của người dấn thân vào sự nghiệp kinh doanh.

Yêu thương gia đình là gì?

Ví dụ: anh Nghĩa ngoài chuyện làm giám đốc, anh còn có bốn phận làm con của cha mẹ, bốn phận làm chồng, bốn phận làm cha, bốn phận làm rể. Chị Phụng Liên ngoài bốn phận làm giám đốc ra, còn bốn phận làm vợ, làm mẹ, làm dâu, làm con gái, nhưng chị Phụng Liên thể hiện tư cách làm dâu bên gia nường mình rất tốt, thì anh Nghĩa đừng để chị Liên lúng túng, anh Nghĩa cũng phải thể hiện tư cách làm rể của mình đối với gia đình chị Phụng Liên thật tốt. Như vậy, khỏi lúng túng cho chị Phụng Liên, chị Phụng Liên thể hiện tư cách làm dâu, làm vợ mình

rất tốt thì khỏi làm lúng túng cho anh Nghĩa. Sự yêu thương này không phải cho nhau tiền bạc mà phải cho nhau cách hành xử thông minh.

Yêu thương gia đình không phải yêu thương từ một phía mà là yêu thương từ hai phía, còn nếu mình cầm tiền cho nhiều mà sử dụng không hợp lý, thiếu trí tuệ, thiếu cân nhắc, thì đồng tiền sẽ giết chết gia đình mình, chứ nó không phải tạo ra yêu thương gia đình mình.

Muốn người khác yêu thương mình thì mình phải yêu thương người khác, muốn bảo vệ cái của mình thì mình phải biết bảo vệ cái không phải của mình, khi nào ta có khả năng bảo vệ cái không phải của mình, thì ta mới có khả năng bảo vệ được mình. Bảo vệ mình bằng cách bảo vệ cái không phải của mình, mới gọi là người biết bảo vệ mình. Cách bảo vệ này là cách bảo vệ tuyệt vời. Còn nếu mình chỉ bảo vệ mình bằng cách chỉ nghĩ về mình, thì mình sẽ không bảo vệ được mình, vì sao? Vì đó là bảo vệ không có trí tuệ, nó chỉ là ích kỷ. Ích kỷ thì chỉ đưa tới hại mình mà không có khả năng bảo vệ được mình. Cho nên,

yêu thương phải đi kèm với trí tuệ và chỉ có trí tuệ mới bảo vệ được yêu thương. Ngoài trí tuệ, không có bất cứ một thứ gì ở trên đời này có khả năng bảo vệ được yêu thương. Yêu thương là một phép lạ và trí tuệ là phép lạ để bảo vệ yêu thương. Nhờ chất liệu yêu thương giúp ta gắn kết với gia đình và nhờ có trí tuệ giúp cho ta gắn kết với gia đình một cách có ý nghĩa, một cách có trách nhiệm. Có chồng ta phải có trách nhiệm với chồng, có vợ ta phải có trách nhiệm với vợ, có con cái, ta phải có trách nhiệm với con cái. Những trách nhiệm ấy là những trách nhiệm mang tính chất cơ bản đạo đức của con người.

Nên, tôi thấy năm điều tuyên thệ của công ty FDI này là năm điều mà các thành viên của công ty cần phải tuyên thệ mà cần phải tuyên thệ giữa nhiều người để cho nhiều người cùng biết là mình đã tuyên thệ. Tuyên thệ giữa mọi người, tạo nên ý lực sống cho ta và giúp ta vượt qua những tâm ý hèn yếu của chính mình. Không tuyên thệ ta có thể làm việc theo cảm hứng. Thích thì ta làm, không thích thì ta không làm, làm việc theo cảm hứng khó đạt đến thành công.

Bởi vì, khi đã tuyên thệ giữa nhiều người, thì khả năng tự trọng và tự ý thức trách nhiệm nơi ta phát sinh rất cao, đây là một trong những yếu tố tạo nên sự thành công cho ta trong công việc mà ta đã nguyện làm. Vì vậy, ta cần phải tuyên thệ và cần phải nắm tay nhau để tuyên thệ.

Ngoài năm điều tuyên thệ, Công ty FDI còn **có hai điều tâm niệm** nữa:

Điều 1: Khách hàng luôn luôn đúng.

Điều 2: Khách hàng có sai thì xem lại điều 1.

Hai điều tâm niệm này đúng là nghệ thuật tiếp thị. “*Khách hàng luôn luôn đúng*”, vì họ bỏ tiền ra để đầu tư hay hợp đồng với mình, nên họ có nói đúng hay sai gì, thì mình cứ ngồi yên để lắng nghe họ nói và mình thấy trong điều kiện mà mình có thể hợp đồng thì hai bên cùng bàn bạc để hợp đồng. Còn nếu hai bên đều thấy không có lợi, thì cần phải hợp bàn với nhau cho kỹ càng, kinh doanh thì chỉ nói đến lợi và hại, chứ mắc gì nói đến đúng và sai. Nếu nói đúng mà hợp đồng chưa ký thì vẫn là chưa đúng, bởi vì đúng là

đúng hợp đồng, mà sai là sai với hợp đồng, chứ làm gì có cái đúng, cái sai ngoài hợp đồng.

Nhưng, khi mình ký hợp đồng rồi, thì cái đúng là cái đúng của mình đã thực hiện, mà cái đúng của khách hàng chưa ký hợp đồng thì cái đúng đó là cái đúng của việc không công, chứ chưa phải là cái đúng mình cần đòi hỏi họ thực hiện, nên mắc gì mà cãi cho mệt, khiến mất lòng khách hàng, cho nên đây là một nghệ thuật tiếp thị.

Nói như vậy là nhân viên FDI không có tranh cãi với khách hàng khi chưa có hợp đồng. Đã có hợp đồng thì cứ theo hợp đồng mà làm cần gì phải tranh cãi. Tránh sự tranh cãi tức là tránh sự mất lòng nhau. Mất lòng nhau dẫn tới phiền toái và thiệt hại trong sự nghiệp kinh doanh. Trong sự nghiệp kinh doanh, mục đích ưu tiên của nó là lợi nhuận. Khi mình bàn bạc với nhau thấy hai bên đều có lợi và có thể thực hiện được thì mình ký hợp đồng.

Như vậy, khi kinh doanh chỉ có đúng là đúng với hợp đồng và chỉ có sai là sai với hợp đồng, chứ không có đúng sai theo sự tranh cãi.

Đúng với hợp đồng thì mình phải thi hành như thế nào, còn sai với hợp đồng thì công ty bồi hoàn hoặc khách hàng phải bồi hoàn cho công ty như thế nào là tùy theo sự quy ước với nhau trong văn bản hợp đồng. Chứ khách hàng nói tôi đúng, nhân viên công ty nói tôi đúng, hai bên cứ nói như vậy với nhau, cãi nhau, mà không căn cứ trên hợp đồng, thì hai bên đều sai hết, công việc không làm được.

Cho nên, dù khách hàng sai cứ để cho khách hàng đúng đi, họ đúng rồi họ đi, vì họ là khách mà. Trong nhà mình, trong nội bộ công ty mà tranh cãi đúng sai mới là nguy hiểm, mới đưa tới mất đoàn kết. Cho nên bữa nay, khách hàng nào tự cho họ đúng thì cứ để cho họ đúng. Nhưng mà khi bắt tay vào việc ký hợp đồng rồi, thì mình mới nói chuyện đúng sai theo hợp đồng và đúng sai ấy có luật pháp giám định. Cho nên đúng là đúng với hợp đồng, sai là sai với hợp đồng, còn không có hợp đồng thì ai nói gì cũng đúng hết, đúng theo cách nói của người ta. Mọi người có muôn ngàn cái đúng, chứ không phải chỉ có một cái

đúng đâu, ta đừng tranh cãi đúng sai với họ mà lao tâm mệt trí.

Cho nên, tôi chỉ giảng Phật pháp đúng là đúng với lời Phật dạy và tôi chỉ giảng sai là do tôi nói sai lời Phật dạy, nên cái đúng, sai của người con Phật là rõ ràng như thế. Thế giới này làm gì có chuyện đúng sai. Tôi nói đúng, vì tư cách tôi nói từ vị trí Tổng Giám Đốc, Giám Đốc. Nhân viên nói đúng, vì nhân viên đứng ở góc độ nhân viên, nhưng mà sai ở vị trí, cách nhìn nhận và trách nhiệm đối với sự việc của vị Giám Đốc. Vị Tổng Giám Đốc hay vị Giám Đốc, nhìn thấy công việc của công ty từ năm năm, mười năm, hai mươi năm, trong lúc đó nhân viên chỉ thấy công việc của công ty là trước mắt hay vồn vện tám tiếng đồng hồ, thì làm sao ta có thể nói đúng hay sai ở hai vị trí và hai tầm nhìn khác nhau như thế.

Cho nên, ta đừng nói đúng sai giữa hai vị trí khách và chủ mà hãy nói đúng sai theo tuệ giác. Đối với tuệ giác kinh doanh, người kinh doanh có thể chấp nhận thiệt hại lợi nhuận về mình ở vào thời gian đầu để giới thiệu mặt hàng và tạo nên thương hiệu, nhưng

họ có thể thu nhận lợi nhuận vào những giai đoạn kinh doanh tiếp theo và lâu dài. Với tuệ giác này, người kinh doanh không có chiến lược không thể nhận ra và không có khả năng thực hiện. Trong lúc người kinh doanh thiển cận, họ có thể lên án chiến lược kinh doanh này là sai và họ chỉ nhắm đến những lợi nhuận trước mắt. Nên, lối kinh doanh thiển cận là lối kinh doanh nguy hiểm nhất.

Cho nên, trong sự nghiệp kinh doanh không những đòi hỏi phải có căn bản trí thức mà còn phải có trực giác kinh doanh để có thể đối xử và thích ứng được với mọi tình huống của đối tác. Một công ty lớn mang tầm vĩ mô quốc tế như công ty FDI, không phải chỉ có cái nhìn thuộc về chiến thuật kinh doanh mà còn phải có chiến lược kinh doanh. Chiến thuật kinh doanh chỉ đối ứng cho một thời kỳ và cho một vài đối tác, nhưng chiến lược kinh doanh thì thích ứng cho mọi thời kỳ và cho mọi đối tác.

Sau đây là phần câu hỏi mở rộng

Đối với thuận cảnh, nên phóng trí tuệ để sống; đối với nghịch cảnh, nên phóng tâm từ bi để sống. Đối

với thuận cảnh, mình sống có trí tuệ, sẽ không bị cái thuận cảnh cuốn hút và nhấn chìm. Vì sao? Vì với thuận cảnh, mình làm ngày nay được một triệu, ngày mai được hai triệu, ngày một làm được năm triệu... Và cứ như thế, mình tưởng cuộc đời nó êm xuôi, không ngờ mọi chuyện không phải như thế. Mình biết cuộc đời này nó luôn luôn có những biến động bất ngờ. Mình có thể hôm nay làm được, ngày mai mình có thể thất bại, cho nên đối với thuận lợi mình cần phải có trí tuệ để tránh ỷ lại và chủ quan. Đối với công việc thuận lợi, cần phải phóng trí tuệ ra để sống, khiến ở trong thuận lợi, mình không bị cái thuận lợi nhấn chìm.

Nên có một nhà thơ nói: “*Đường êm ái ai đi mà nhớ ngơ*”. Đi trên đường êm ái, thiếu trí tuệ, ta dễ đánh mất cảnh giác. Nhưng, đường đời muôn vạn nẻo, chẳng có nẻo đường nào êm ái cả. Chúng không lời lờ, khúc khuỷu cách này, thì cũng lời lờ, khúc khuỷu cách khác. Nếu đi trên mọi nẻo đường đời, ta không ý thức được điều này, thì rất dễ bị tai nạn. Nên, trong thuận cảnh, ta phải phóng trí tuệ để sống.

Sống trong nghịch cảnh thì ta ta phải biết phóng từ bi để sống hay là sống với tâm từ bi. Sống trong nghịch cảnh, thì chỉ có tâm từ bi mới giúp ta sống được an lành. Có tâm từ bi ta mới có đủ khả năng ôm ấp nghịch cảnh để nhận diện và chuyển hóa. Pháp hành nhẫn nhục trong Phật giáo không phải là đè nén hay thoái lui trước nghịch cảnh mà đối diện và mở rộng tâm từ bi, để nghịch cảnh đi vào khoảng không gian rộng lớn của tâm thức và trở thành hạt giống bất hại.

Bởi vì, nếu đè nén tâm thức, thì tâm thức tự bạo động. Đối lập với tâm thức, thì tự thân tâm thức phản kháng lại tâm thức, ấy là sự phản kháng nguy hiểm nhất. Vì sao? Vì ta bắt mẫn một điều gì đó, điều đó sẽ tồn đọng và ẩn chứa ở nơi tâm thức ta và mỗi khi có cơ hội là nó bộc phát. Dồn nén càng mạnh, thì sự bộc phát càng dữ dội. Nên tu tập không phải là sự đè nén tâm mình mà mở rộng tâm ra, để cho những gì bị dồn nén ở trong tâm thức được buông thư và có cơ hội chuyển hóa.

Cho nên, sống trong cái thuận cảnh, ta phải có trí tuệ để đừng rơi vào lỗi chủ quan mà hỏng việc.

Sống trong nghịch cảnh, ta phải biết phóng tâm từ bi để ôm ấp cái nghịch cảnh đó và biết rằng, chính tác nghịch là tác thành, để từ đó ta rèn luyện cái ý chí của ta. Để rèn luyện và nuôi dưỡng ý chí, tôi có bài thơ **Hơi trượng** như sau:

*“Sỏi đá vun lên mấy cội tùng
Đất trời ai biết có ai không
Mưa chang mấy độ un tâm chí
Nắng quái bao ngày luyện khí công
Đuổi gió xua tan lòng bạc nhược
Lùa mây hội tụ khí anh phong
Đúng thời mở cửa bung hơi trượng
Non nước hoan ca bản đại hùng”.*

Cho nên, sống ở trong nghịch cảnh ta biết phải làm cái gì và sống trong thuận cảnh ta phải biết làm cái gì. Khi mưa đến mình phải biết gieo hạt gì; khi nắng đến mình phải biết trồng cây gì, sự hiểu biết ấy giúp ta thành công. Sự hiểu biết ấy, trong Phật giáo gọi là *Trạch pháp giác*. Trạch pháp giác là cái biết lựa chọn để thích ứng ở trong điều kiện có thể.

Trái cam bản chất là ngọt, nhưng chất ngọt ấy phải đi qua các thời kỳ đắng, chát và chua mới tạo nên ngọt. Nếu ta không biết hái cam đúng thời, trái cam ta hái sẽ bị vứt bỏ. Cho nên, “tri thời”, nghĩa là biết hành động đúng thời, là một trong những pháp hành rất căn bản của Phật giáo.

Đặng Dung có nói hai câu thơ về biết thời như sau:

*“Thời lai đồ điếu thành công dị
Vận khứ anh hùng ẩm hận đa”.*

Thời đến thì người câu cá thành công cũng dễ dàng, nhưng mà thời vận đi rồi thì người anh hùng uống nhiều nước hận. Cho nên, kẻ thông minh trên đời là phải biết vận dụng đúng thời, để thực hiện tài năng của mình.

Trí tuệ là chất liệu sinh khởi từ định tâm. Muốn có định tâm thì phải tôi luyện thiền định. Và thiền định thì không ai có thể luyện tập thế cho ai và không ai có thể hiến tặng thiền định cho ai được cả. Muốn có trí tuệ mỗi người phải tự luyện tập thiền định. Thiền định phải được thiết lập trên nền tảng của giới. Giới được thiết lập trên ba pháp thanh tịnh: Khéo phòng hộ

thân để thân nghiệp thanh tịnh; khéo phòng hộ ngũ đề
ngũ nghiệp thanh tịnh và khéo phòng hộ ý đề ý nghiệp
thanh tịnh.

Ba nghiệp thanh tịnh, ta có khả năng phóng ra
trí tuệ trong đời sống thuận và phóng ra từ bi giữa
những gì đối nghịch, để sống giữa hai cảnh thuận
nghịch, ta luôn được bảo hộ và an toàn.

(Nhuận Pháp Nguyên và Lâm Hải phiên tả.

Thầy Thích Thái Hòa chỉnh sửa).

Bố Thí Và Bố Thí Ba-la-mật

(Pháp thoại: Thầy Thích Thái Hòa giảng tối chủ nhật 1/11/2013, tức ngày 28 tháng 9 năm Quý Ty, tại Thiền đường Tịnh Quang, chùa Phước Duyên - Huế, cho Học chúng Văn Thù Sư Lợi)

Bố thí cơ bản có ba cách: Tài thí, Pháp thí và Vô úy thí. Ba thí đó là căn bản của người Phật tử phải thực tập dưới hình thức này hay hình thức khác.

1. Tài thí

Tài thí là đem tài sản của mình ra để chia sẻ cho những người chung quanh, có khi mình đem tiền cho người ta hoặc cho người ta một bữa cơm hay một bộ quần áo, làm nhà cho người ta ở hay dạy cho người ta làm ăn, vay vốn cho họ làm ăn hoặc chỉ bày cho người ta phương pháp làm kinh tế, tất cả những việc đó đều gọi là tài thí. Tài thí rất là rộng, mình xây một bệnh viện giúp cho người ta khỏi bệnh hoặc giảm bớt bệnh hoạn đó cũng gọi là tài thí.

Nếu trong bệnh viện đó thiết lập được lớp thiền để người ta thực tập thiền quán, áp dụng vào cơn bệnh của mình rồi an tâm cho cơn bệnh mình giảm xuống hoặc tạo cho người ta có chỗ niệm Phật để cho người ta tin tưởng và bệnh của họ giảm thiểu, đời sống tương lai của họ cao hơn, như vậy trong tài thí có pháp thí.

2. Pháp thí

Pháp thí là đem những sự học hỏi chánh pháp, sự thực hành chánh pháp của mình để chia sẻ cho những người chưa có cơ hội học hỏi. Mình học Phật pháp, thực hành Phật pháp, chia sẻ Phật pháp đến cho những người xung quanh, thì đó gọi là pháp thí, đồng thời mình phát tâm in kinh sách để ấn tống cũng gọi là pháp thí.

Pháp thí là đưa Phật pháp vào trong đời sống của những người xung quanh. Pháp thí phổ quát hơn tài thí, tài thí chỉ nhắm tới những người nghèo vật chất thôi, nhưng pháp thí là mọi thành phần đều được hưởng, bởi vì người ta tuy giàu vật chất, nhưng người ta vẫn nghèo hiểu biết về tinh thần. Pháp thí rộng về mặt phổ cập không gian, phổ cập đối tượng và nó rộng

luôn về mặt thời gian. Khi người ta nhận được pháp và thực hành pháp, thì nó không chỉ giải quyết cho người ta hạnh phúc tạm thời mà nó giải quyết cho người ta hạnh phúc lâu dài. Vì vậy mà trong kinh nói cúng dường pháp là cúng dường tối thượng, trong tất cả các sự cúng dường thì cúng dường pháp là tối thượng.

Việc giảng dạy Phật pháp, in kinh, in sách... tất cả những điều đó đều là phước đức không thể đo lường được.

Bản thân mình cũng vậy, có khi mình hiểu được lời Phật dạy mình thích thú, mình vui đến cả một ngày, một tháng, một năm... và có khi vui luôn cả một đời người, có khi thay đổi cả một đời người luôn, còn mình đem cho người ta một bữa ăn, ăn xong rồi thôi, no một chút mai đói lại liền, cho nên cho pháp mới là tối thượng.

3. Vô úy thí

Vô úy thí là bố thí sự không sợ hãi.

Sợ chết, sợ tai nạn, sợ bất hạnh... tất cả những cái sợ đó làm cho con người không có hạnh phúc. Người tu tập là làm thế nào cho có đạo lực và đem đạo

lực tu hành của mình, để che chở cho những người có nhiều sợ hãi, giúp cho người ta đừng sợ hãi những cái đó.

Sự sợ hãi lớn nhất của con người là sợ chết, cho nên mình tu học như thế nào để hiểu được biên cương của sinh tử, rồi mình thực hiện trong đời sống, biết đâu là gốc của sinh tử, mình biết cắt đứt cái duyên của sinh tử để sinh tử không còn xuất hiện ở trong đời sống của mình nữa, bổ thí như vậy gọi là vô úy thí.

Hiểu nhân duyên của nghiệp báo và chuyển hóa

Con người liên hệ với nhau bởi những kinh mạch, nếu kinh mạch bị bí thì sẽ sinh bệnh, trời đất cũng vậy.

Vì chúng ta xây dựng nhiều nhà máy thủy điện nên kinh mạch của trời đất bị chận lại, không thông. Con người vì tham, vì vô minh, thấy cái lợi trước mắt do trí năng của mình nhưng chính con người cũng chịu những thiệt hại do chính trí năng của mình tạo ra nhiều nhất và tất cả những gì xung quanh con người đều bị ảnh hưởng và đều bị thiệt hại.

Do con người không thấy được cái liên thông giữa mình và người, giữa mình và trời đất, giữa mình với muôn vật, giữa mình với đời này đời sau, giữa đời này với đời trước, vì không thấy sự liên hệ như vậy nên sinh ra nhiều sợ hãi.

Khi thấy trời nổi giông bão là bắt đầu đi khấn vái cầu nguyện dứt lốt thần linh, nhưng thật ra vô ích, bởi vì mình chỉ biết khắc phục hậu quả mà không thấy nguyên nhân, nên cứ tưởng thần thánh quở trách và lại đi cầu cạnh xin xỏ, do mình làm cho quy luật tự nhiên bị đảo lộn, thì cuối cùng mình phải chịu lấy hậu quả.

Giờ đây mình làm thế nào tu tập để hướng dẫn cho người ta hiểu rõ nhân quả nghiệp báo. Nhân quả nghiệp báo là cái của mình tạo ra, cho nên mình phải chịu lấy và nỗ lực chuyển hóa lấy, chứ không ai ban phát hay trừng phạt mình đâu.

Khi cộng đồng ý thức được như vậy và điều tu học để chuyển hóa hành động của mình, thì hành động của mình phù hợp với trời đất và sự vận hành của trời đất phù hợp với mình, tạo ra thiên thời, địa lợi, nhân hòa thì thế giới hòa bình.

Bây giờ mình đem sự không sợ hãi chia sẻ cho người ta có nghĩa là hướng dẫn cho người ta hiểu nhân quả nghiệp báo, liên hệ giữa mình với mọi người, giữa mình với trời đất... khiến con người nhận ra được sự và lý của nhân duyên nghiệp mà tu tập, nên không còn sợ hãi.

Mình sinh ra một đứa con bệnh tật, nếu mình không hiểu nhân quả, không hiểu được nghiệp báo để hóa giải thì mình sẽ buồn chán.

Ví dụ Rei (con trai của anh Trí, chị Trang), chính Rei là sự hóa giải trong gia đình, nhờ có Rei như vậy, nên Trang Trí mới sống với nhau dễ thương, giả sử Rei sinh ra thông minh giỏi giang bình thường, như các đứa bé khác, thì chưa chắc Trang Trí đã hạnh phúc nên Rei là hóa giải, hóa giải để tạo ra sự cân đối mà đôi khi mình không hiểu thấu rồi mình cho là bất hạnh, nhưng chính sự bất hạnh đó mới tạo ra cái khác để bảo hòa.

Trong gia đình nào cũng có một người chịu đựng sự bất hạnh, không hình thức này thì hình thức khác để có sự hóa giải.

Hiếu được như vậy, thì Trang Trí lại càng thương Rei hơn và hiếu được như vậy, thì mình sẽ từng bước một để tiến lên, chứ không có gì sợ hãi và mình sống rất thoải mái. Hiếu được như vậy, thì mình đem sự hiếu biết đó, sự không sợ hãi đó mà hiến tặng cho mọi người, để mọi người thấy rõ, hiếu rõ nhân quả là nhân như vậy, duyên như vậy, thì quả báo như vậy.

Dưới nhà anh Viên chị Phụng, thì o Bé là chỗ hóa giải để Trà My, Quốc Nhật, Từ Liêm, Kim Chi thành công. Mấy cháu thành công được là nhờ có o Bé, nhờ o chịu đựng và gánh vác để cho mấy cháu thành công và nếu nhận ra được điều đó, thì mấy cháu sẽ thương o Bé nhiều hơn, vì nhờ có o Bé chịu đựng để cho các cháu vươn lên.

Hiếu được như vậy để khi đối đầu với khó khăn, mình bình thản không có chi sợ hãi, không sợ hãi, vì mình thấy được vấn đề, thấy được nhân quả nghiệp báo, thấy được sự bão hòa của cuộc sống, thấy được sự bão hòa của gia đình mình và khi thấy được như vậy, các thành viên trong gia đình mình mới biết ơn nhau và mới biết thương quý nhau, nếu không hiếu

được điều đó, thì thị phi, được mất, hơn thua... xảy ra trong gia đình và gia đình mình khó mà có hạnh phúc.

Tác dụng của bổ thí

Vậy, mình làm thế nào nhận ra điều đó để sống vui, sống mạnh, sống hoành tráng, tạo ra sự không sợ hãi để hiến tặng cho người - Đó là vô úy thí.

Ngài Quán Thế Âm là vị Bồ tát nổi tiếng về vô úy thí, vì tâm từ bi của ngài lớn lắm, ngài đã ôm hết tất cả những sự sợ hãi, cho nên mỗi khi chúng sanh niệm danh hiệu ngài thì sự sợ hãi lắng xuống.

Tài thí là làm giàu đời sống vật chất cho mình hiện tại và tương lai, loại bỏ tâm bòn xén và tham lam nơi mình.

Pháp thí là nuôi dưỡng được chất liệu trí tuệ trong đời sống của mình và loại bỏ cái ngu dốt và ích kỷ của mình trong tương lai, mình biết mà mình không chia sẻ cái biết của mình cho người khác, thì sau đó mình sẽ trở thành kẻ kém cỏi và đưa tới tình trạng ngu đần.

Những người ngày nay đi xin là những người kiếp trước giàu cực kỳ, nhưng bần tiện quá nên hôm nay nghèo, cho nên đức Phật dạy tài thí là để cho chúng sanh đã giàu lại giàu thêm và nghèo thì có cơ hội thay đổi.

Những người hôm nay quá ngu đần, nói mười mà không hiểu một, tức là những người này kiếp trước thông minh cực kỳ, nhưng do ích kỷ giữ cái thông minh của mình mà không chia sẻ cho người khác, nên tái sinh lại làm người ngu đần. Đức Phật sợ chúng sinh ngu đần trong tương lai nên ngài dạy bố thí pháp.

Người mà hôm nay đụng đầu sợ đó là kiếp trước chuyên đi khùng bố người khác, nên kiếp này sinh ra loài thỏ hay loài người nhát gan sợ hãi, đây là hậu quả là dư báo của khùng bố đem lại.

Giờ đây mình phải thực tập ba hạnh như vậy để thành tựu được ba đức tính:

Bố thí tài vật để thành tựu đức tính từ bi.

Bố thí pháp để thành tựu trí tuệ.

Bố thí vô úy để thành tựu đức tính hùng dũng.

Vì vậy, tổ chức Gia Đình Phật Tử đã dựa trên tài thí, pháp thí và vô úy thí để rút ra Bi Trí Dũng cho Gia Đình Phật Tử

Rất ít người biết bi trí dũng có gốc rễ từ đâu kể cả những huynh trưởng trong Gia Đình Phật tử.

Thực sự bi trí dũng rút ra từ nơi pháp hành tài thí, pháp thí và vô úy thí.

Cái Dũng của Phật giáo không phải là cầm quân ra giữa chiến trường, mà thắng trận này trận khác. Dũng ở đây là bình thản trước cái sống và cái chết, bình thản trước sự thịnh suy, bình thản trước sự khen chê.

Vì sao như vậy?

Vì đường đi lối về đã biết, nhân quả nghiệp báo đã biết, không than trời trách đất, không oán trách cha mẹ, không oán trách ai cả.

Giữa này có vô số cõi trời sắc giới, vô sắc giới, vô số thế giới, tại sao mình sinh vào thế giới này làm gì?

Mình sinh vào thế giới nào, quốc gia nào, xứ sở nào, là vì mình có liên hệ đến nhân duyên nghiệp báo với thế giới đó, với quốc gia đó, với xứ sở đó.

Như ngày hôm qua, đi từ thiện tại Tứ Hiệp ở Quảng Nam có một vị đã nói một cách hùng tráng rằng: “Chúng con ở đây không có ánh sáng Phật pháp, vì là ở nơi biên địa hạ tiện...” đó cũng là cái Dũng, dám xác nhận chỗ đứng của mình, cái quả báo kém may mắn của mình để từ đó vươn lên, họ không từ chối quả báo kém cỏi của họ, họ chấp nhận cái quả báo đó để vươn lên, đó là Dũng.

Bố thí Ba-la-mật

Tài thí, pháp thí, vô úy thí đi từ bố thí Ba-la-mật, là sự bố thí vắng mặt cái bản ngã của mình, bố thí mà cảm ơn người nhận thí đã là khó, vì sao cảm ơn? Nếu mình bố thí mà không có người nhận thì hạnh bố thí của mình làm sao thành tựu được. Thường thường mình đi bố thí là vinh vang ta là kẻ bố thí, nhưng nếu không có người nhận, thì sự bố thí của mình có thành không? Cho nên người Việt Nam mình có câu rất là hay:

“Thương người như thể thương thân”.

Thương người chính là thương bản thân mình, bố thí cho người mà có người nhận tức là mình chính đang thương mình, thương những cái tốt đẹp của

mình, người nhận có nghĩa là họ nhận của mình 100.000 đồng hay 200.000 đồng... giá trị vật chất rất ít, nhưng mình nhận lại ở họ giá trị tình thương, giá trị tinh thần rất nhiều.

Họ nhận nơi mình 100.000 đồng hay 200.000 đồng có thể tâm thức họ không thay đổi chi cả, nhưng mà mình đem tâm từ bi, tâm thương yêu mà hiến tặng cho họ, thì tâm thức của mình thay đổi và thành tựu về mặt giá trị tinh thần quá lớn, trong lúc người nhận chỉ thành tựu xí xí thôi, như vậy ai cảm ơn ai?

Bồ thí Ba-la-mật là bồ thí không còn bản ngã, biết cảm ơn người đang nhận của mình, đang nhận cho mình, đó là bồ thí vô ngã, vắng mặt hoàn toàn ngã tướng. Bồ thí như vậy, đức Phật dạy là công đức vô lượng, Bồ thí Ba-la-mật là bồ thí vô ngã, bồ thí không còn có ý niệm về ngã.

Trong chùa có thùng phước sương là vậy, cúng dường vô danh không phải dễ, nhiều tiền hay ít tiền đều bỏ vào thùng phước sương, có vị bỏ vào thùng phước sương dù chỉ một đồng, nhưng có thành tâm thì phước đức cũng vô lượng.

Người có trí tuệ, nếu khi thấy cần cúng dường công khai có lợi lạc cho chúng sinh, thì họ cúng dường công khai, nếu khi thấy cần cúng dường im lặng bỏ vào thùng phước sương mà có lợi cho chúng sinh, thì họ cúng dường im lặng, có khi họ thấy cúng dường trực tiếp cho vị trú trì có lợi lạc cho chúng sinh thì họ cúng dường trực tiếp, có khi họ thấy cúng dường trực tiếp cho thầy Tỷ kheo mà có lợi lạc cho chúng sinh thì họ cúng dường trực tiếp cho thầy Tỷ kheo. Đó là bồ thí Ba-la-mật. Bồ thí Ba-la-mật là bồ thí với tâm vì lợi ích cho hết chúng sanh, nên người thực hành bồ thí không bị kẹt vào bất cứ hình thức nào, nên họ có thể sử dụng vô số hình thức để thực hành hạnh bồ thí. Nên, bất cứ lúc nào và ở đâu họ cũng có thể thực hành hạnh bồ thí và bồ thí không mắc kẹt. Đó là sự chia sẻ pháp thoại hôm nay cho đại chúng Văn Thù Sư Lợi.

Phật tử Tâm Ý và Hoàng Anh kính ghi

Sứ Mệnh Phật Đản

(Pháp thoại: Thầy Thích Thái Hòa giảng tại Như Lai Thiền Đường chùa Phước Duyên - Huế, PL. 2557)

Đức Phật xuất hiện giữa cõi đời, không như những vị thần linh và không hề mặc khải cho ai và cũng không hề để cho ai mặc khải, mà Ngài xuất hiện giữa cõi đời với tư cách của một bậc Giác ngộ hoàn toàn, nội hàm đầy đủ hai chất liệu đại trí và đại bi, đến và đi duyên theo đại nguyện.

Với chất liệu đại trí, Ngài có khả năng dẫn đường cho mọi người vượt ra khỏi đêm dài tăm tối; và với chất liệu đại bi, Ngài cùng đi với tất cả mọi người trên con đường dẫn đến nơi cao thượng.

Vì vậy, trong kinh A hàm và Nikàya nói rằng, ngày Phật Đản sanh là ngày gắn liền với bốn sứ mệnh như sau:

1- *Hàn gắn lại những gì đã bị đổ vỡ*

Do tri kiến sai lầm, con người đã vọng cầu về một bản ngã và do sự vọng cầu ấy, khiến cho đời sống

con người bị phân hóa thành nhiều giai cấp, để thống trị, phân biệt kỳ thị, chiếm dụng và thanh toán lẫn nhau, khiến biển đời sôi sục, lửa hận bốc cao, tình người bị đổ vỡ, đời sống nhân loại bị bế tắc, khốn cùng. Nên, đức Phật ra đời là để tuyên dương giáo lý *duyên khởi vô ngã*, nhằm hàn gắn lại những gì đã bị đổ vỡ từ những tri kiến sai lầm của thế giới con người, khai thông lại những gì mà tư duy của thế giới con người đã bị bế tắc, đưa họ vượt qua sa mạc nóng bỏng, cô độc của kiếp người, trở về sống với nhau trong tình thân tương thân, tương ái và sống chung hòa bình với nhau trong cùng một bản thể chân như. Biết nhìn nhận nhau, đồng có Phật tính và không có sự khổ đau khác nhau, giữa những giọt máu đào cùng đỏ, giữa những giọt nước mắt cùng mặn.

2- Dựng đứng lại những gì đã bị xiêu vẹo

Do tà kiến, con người đã sống và hành động theo một chiều, khiến cho mọi giá trị đạo đức, tâm linh đều bị nghiêng về một phía và sẽ dẫn đến sự xiêu vẹo, nghiêng đổ. Nên, đức Phật ra đời với sứ mệnh dựng đứng lại những gì giá trị đạo đức tâm linh cho

thế giới con người với *chuẩn mực trung đạo*, kêu gọi mọi người nên từ bỏ hai lối sống cực đoan. Một là từ bỏ lối sống ép xác khổ hạnh, vì nó không dẫn đến lợi ích đời này và đời sau. Hai là từ bỏ đời sống buông lung trong các dục, vì nó là đời sống đê tiện và hèn hạ, không có khả năng dẫn đến một đời sống chí thiện trong hiện tại và tương lai. Từ bỏ hai cực đoan ấy, con người có khả năng dựng đứng lại những gì trong đời sống đã bị tà kiến làm cho xiêu vẹo, lấy lại chủ quyền hay những giá trị cuộc sống mà tự thân con người đã bị đánh mất bởi những vô minh và tham vọng.

3- *Bật đèn cho mọi người thấy*

Do sống trong vô minh chấp ngã, nên con người không thấy rõ được sự thật về khổ đau, sự thật về nguyên nhân hay những tập khởi của khổ đau, sự thật của hạnh phúc, an lạc và sự thật về con đường diệt tận khổ đau. Nên, sứ mệnh của đức Phật ra đời là *bật ngọn đèn chánh kiến* cho mọi người thấy được bốn sự thật này, để có khả năng *tri khổ, đoạn tập, chứng diệt và tu đạo*, nhằm tự hoàn thiện đạo đức bản thân, gia đình và

xã hội, khiến bản thân thăng hoa, gia đình hạnh phúc và xã hội an hòa.

4- Dẫn đường cho mọi người đi

Phật đạo là con đường dẫn đến đời sống giải thoát và giác ngộ. Giải thoát sanh tử và giác ngộ vô minh. Dù giàu có và sang trọng đến mấy, mà chưa thấy được biên cương của sanh tử, thì vẫn mê mang và chuyển lưu trong trục xoay luân hồi; và dù tri thức cao thủ đến cỡ nào, mà vẫn còn vọng tưởng về tự ngã, thì vẫn mù lòa với tự tánh chân như; và vẫn còn kẹt mắc giữa đôi bờ có không, sinh diệt. Nên, sứ mệnh của đức Phật ra đời là để dẫn đường cho mọi người đi đến phương trời rộng lớn của giải thoát và giác ngộ của Phật đạo, không còn bị kẹt mắc bởi tri kiến nhị biên, bởi ý chỉ tông môn, giáo phái. *Phật đạo là con đường duy nhất để chấm dứt tri kiến nhị biên, đoạn tận khổ đau sanh tử và dẫn đến đời sống tự giác, giác tha và giác hạnh viên mãn. Nên, Phật đạo là biển cả để cho mọi sông rãnh tìm về hội nhập.*

Hôm nay Phật Đản, Phật lịch 2557 lại trở về với hành tinh chúng ta, đây là cơ hội để cho hàng đệ tử

Phật khắp nơi trên thế giới làm lễ kỷ niệm ngày đản sanh của Ngài, nguyện tiếp tục kế thừa và phát huy bốn sứ mệnh cao cả ấy đến cùng khắp nhân loại và muôn loài, nhằm hàn gắn lại những gì trong cuộc sống đã bị đổ vỡ, dựng đứng lại những gì đã bị xiêu vẹo, bật ngọn đèn chánh pháp cho mọi người cùng thấy và chỉ đường cho mọi người cùng đi về nơi giải thoát và giác ngộ.

Kỷ niệm Phật Đản năm nay, trùng vào năm mươi năm pháp nạn tại Việt Nam, nhắc lại pháp nạn 1963, không phải để trách móc, khơi gợi sự tủ nhục hay vinh quang của một thời, mà nhắc nhở những người lãnh đạo tôn giáo và chính quyền cần phải cẩn trọng trong mọi hành xử, đừng để rơi vào bất cứ sự thiên lệch nào và đừng bao giờ để những sự kiện đáng tiếc ấy xảy ra và tái diễn trong lịch sử của thế giới con người, như đã từng xảy ra ở cuối thế kỷ mười hai của Phật giáo Ấn Độ, đời Tam võ của Phật giáo Trung Quốc, ở thế kỷ XVI của Phật giáo Tích Lan, ở thế kỷ XIX của Phật giáo Miến Điện và thời cận đại cách đây năm mươi năm của Phật giáo Việt Nam.

Kinh nghiệm lịch sử cho thấy, dù Phật giáo được đối đãi trọng hậu, người con Phật cũng không lấy đó làm sự vinh quang và dù Phật giáo bị đối xử bạc đãi, người con Phật cũng không lấy đó làm sự tủ nhục. Người con Phật cảm thấy tủ nhục, khi tự thấy mình không làm được gì đúng như bậc Đạo sư của mình đã từng dạy và đã từng làm; và người con Phật cảm thấy vinh quang và hạnh phúc, khi thấy thế giới con người biết thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, biết tôn trọng những phẩm giá cao quý của cuộc sống, biết bảo vệ quyền sống của con người và thiên nhiên, biết sống chung với nhau trong hòa bình, nhằm nâng cao phẩm chất Trí tuệ và Từ bi để trang nghiêm cuộc sống.

Bằng tất cả tâm nguyện tiếp nối những sứ mệnh ấy của ngày Phật đản, hàng đệ tử Phật chúng ta khắp nơi, tùy theo cơ duyên và điều kiện của mình, cùng nhau đốt nén tâm hương, dâng lên cúng dường ngày đản sanh của đức Từ phụ Thích Ca Mâu Ni, ngưỡng nguyện Thế Tôn phủ thùy chứng giám.

Thân Tâm An Lạc

(Pháp thoại: Thầy Thích Thái Hòa giảng tại chùa Linh Thắng - Di Linh - Lâm Đồng)

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Cùng toàn thể Phật tử quý mến!

Trước khi nghe pháp thoại chúng tôi xin cảm ơn Hòa thượng trú trì cũng như chư Tăng và quý vị Phật tử tại chùa Linh Thắng, Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Quý vị đã vì Phật pháp, mà phát huy ngôi Tam bảo và thăng hoa đời sống bản thân của mình. Từ ngài Hòa thượng cho đến các cư sĩ tại gia đã nỗ lực tu học và tuyên dương Phật pháp.

Hôm nay, quý vị có duyên ở trong Vu lan Thắng hội, mùa Báo hiếu Phật lịch 2557 tại Chùa Linh Thắng để thể hiện tinh thần Phật tử của mình đối với mùa Báo hiếu, đối với sự tu học và với sự hộ trì Tam bảo. Tất cả những việc làm đó, mỗi người phải tự thân nỗ lực, khắc phục những khó khăn của bản thân, những khó khăn của gia đình. Khắc phục khó khăn của xã hội

để tất cả đạo tràng chúng ta có mặt nơi Vu Lan Thắng hội này, tạo ra một sức sống, trên kế thừa Tam bảo, dưới tuyên dương chánh pháp lợi lạc muôn loài. Đó là một việc làm rất có ý nghĩa. Nếu chúng ta không lập nguyện, lập hạnh thì ta khó mà có được một đạo tràng như chúng ta đang có hôm nay.

Kính thưa toàn thể Phật tử.

Đệ tử của đức Phật có bốn chúng: Chúng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Chúng Ưu Bà Tắc và Chúng Ưu Bà Di. Trong bốn chúng có hai chúng xuất gia và hai chúng tại gia. Hai chúng xuất gia nỗ lực tu tập: giới, định, tuệ để gạn lọc thân tâm, làm chỗ nương tựa tinh thần cho hai chúng tại gia. Hai chúng tại gia nương tựa vào hai chúng xuất gia để tu học và đóng góp phần mình vào an sinh xã hội. Khiến cho Phật pháp có mặt giữa cuộc đời một cách có ý nghĩa. Cư sĩ tại gia đó là chúng Ưu Bà Tắc và Ưu Bà Di.

Trên hai vai quý vị gánh nặng Đạo và Đời. Đối với Đạo, quý vị phải có bốn phận hộ trì Tam bảo và hộ trì Tăng đoàn tu học về mặt vật chất. Đối với Đời, quý vị phải làm trách nhiệm người chồng, làm trách nhiệm

người vợ, làm trách nhiệm cha mẹ và con cái trong gia đình. Quý vị có trách nhiệm làm bốn phận công dân trong một xã hội.

Chúng cư sĩ tại gia hai vai phải gánh nặng Đạo và Đời. Nhưng gánh nặng Đời mà không có Đạo thì ta đi sẽ bị lạc đường. Càng gánh thì càng nặng, càng gánh càng bế tắc. Do đó, quý vị phải nỗ lực tu học để đem ánh đạo áp dụng, soi vào gánh nặng của cuộc đời. Từ đó, gánh nặng của cuộc đời sẽ nhẹ nhàng và có ý nghĩa. Ý nghĩa đó, quý vị đã truyền tải gánh của Đời sẽ trở thành gánh của Đạo. Gánh Đạo đó, đi từ bóng tối bước ra ánh sáng, từ ánh sáng bước tới ánh sáng. Nếu quý vị muốn từ tối bước ra ánh sáng, từ ánh sáng bước tới ánh sáng thì quý vị phải luôn luôn nhớ ba pháp Qui y và năm giới cấm của mình. Quý vị dành hai ngày mỗi tháng để tu tập Bát Quan Trai. Tu tập Bát Quan Trai là để tu học giới hạnh đời sống của người xuất gia. Quý vị chưa xuất gia hoàn toàn, chưa xuất gia trọn đời nhưng quý vị tập sự xuất gia 24 tiếng. Trong 24 tiếng đồng hồ đó, quý vị tập sự làm người xuất gia qua: đi, đứng, nằm, ngồi, ăn uống, nói năng. Đi phải oai nghi, đi trong

chánh niệm, ngồi phải oai nghi trong chánh niệm. Nói cũng phải oai nghi trong chánh niệm. Quý vị thực tập như vậy, thì bước chân đi của quý vị đều có đức Phật xuất hiện có chánh pháp soi đường và Tăng thân che chở. Ta luôn sống trong sự tỉnh thức, trong chánh niệm thì phước đức sẽ tăng lên. Khi phước đức tăng lên thì tai họa trong đời sống sẽ giảm. Tâm an lạc ta tăng lên thì phiền não trong tâm sẽ lắng xuống.

Ở trên đời ai sẽ có hạnh phúc? Trong đời, người không có tiền cũng đau khổ, người có tiền cũng đau khổ. Người có tiền đau khổ theo kiểu có tiền. Người không có tiền cũng đau khổ theo kiểu không có tiền. Người có danh vọng đau khổ theo kiểu người có danh vọng. Người không có danh vọng cũng đau khổ theo cách người không có danh vọng, có địa vị trong xã hội. Người có chồng đau khổ theo kiểu của người có chồng. Người không có chồng cũng đau khổ theo kiểu người không có chồng. Người có vợ đau khổ theo kiểu người có vợ. Người không có vợ cũng đau khổ theo kiểu người không có vợ. Người có con cháu đau khổ theo kiểu người có con cháu. Người không có con cháu

cũng đau khổ theo kiểu người không có con cháu. Người trẻ đau khổ theo kiểu người trẻ. Người lớn tuổi cũng đau khổ theo kiểu người lớn tuổi. Người con trai cũng có đau khổ của người con trai. Người con gái, phụ nữ cũng có đau khổ của người con gái, phụ nữ. Thế thì phải làm sao để có hạnh phúc và an lạc. Cho nên đức Phật dạy: Người nào sống trong đời này thân không tật bệnh, tâm không phiền não thì người đó có hạnh phúc, có an lạc. Còn người có nhiều tiền, có tài sản nhiều, có vợ chồng con cái đầy đủ, có đủ thứ nhưng có nhiều phiền não thì không có an lạc. Vì vậy, ở trên đời này ai không có tâm phiền não, thân không tật bệnh là người đó có an lạc. Trong giờ phút này, quý vị đang ngồi ở đây với tâm đạo và thân đạo, thân không tật bệnh, tâm không phiền não thì quý vị sẽ có hạnh phúc và an lạc. Quý vị sẽ có an lạc nhất trong đời này.

Chúng ta đến chùa tu tập để thân không tật bệnh, tâm không phiền não là người đó đã thành công trên con đường tu tập của mình. Nếu ai muốn thân không tật bệnh, tâm không phiền não thì phải nên đến chùa để tu học. Phật dạy cho ta cách để làm cho thân

không tật bệnh, tâm không phiền não, Phật có phương pháp để cho ta thân không tật bệnh, tâm không phiền não. Cho nên ta phải đến chùa tu Bát Quan Trai để cho thân không tật bệnh, tâm không phiền não. Nếu tâm mình không phiền não thì khi đi, đứng, nằm, ngồi mình sẽ thấy thoải mái! Tâm không phiền não sẽ tạo cho ta tâm an lạc thì khi đi ta cũng thấy an lạc, đứng cũng thấy an lạc, nằm cũng thấy an lạc, nói năng cũng thấy nhẹ nhàng. Mỗi bước chân đi của ta cũng thấy an lạc. Cái an lạc đó có khi tâm ta an lạc thì việc ăn uống cũng thấy thoải mái. Vậy khi nào quý vị buồn thì đừng nên ăn mà hãy ngồi yên theo dõi hơi thở vào và thở ra để tâm ta buông bỏ những chuyện buồn đó thì những phiền não trong tâm sẽ lắng xuống. Nếu quý vị đang buồn hay đang giận mà quý vị đi thì sẽ nguy hiểm, dễ gặp tai nạn. Nếu quý vị có giận thì quý vị nên ngồi yên, đừng nghĩ và nói bất cứ một điều gì. Điều này tôi đã thực tập. Quý vị thực tập có được không? Nếu tu mà không có an lạc thì dễ thất bại. Quý vị đi chùa mười năm hay hai mươi năm mà quý vị không có an lạc thì xem như quý vị chưa được đi chùa lần nào. Nếu quý vị

đi chùa mà còn giận hờn trách móc, còn phiền não trong lòng thì cho dù quý vị có đi vào chùa cũng chỉ ở ngoài cổng chùa mà thôi. Có nhiều người mới đi chùa một ngày mà thực tập hết lòng đúng như lời Phật dạy, theo lời các Hòa thượng, chư Tôn đức Tăng Ni chỉ bảo thì khi đi, đứng, nằm, ngồi, ăn, uống, họ sẽ ở trong an tịnh và ngày đó họ sẽ có an lạc. Đi chùa như vậy sẽ có giá trị hơn đi chùa lâu năm mà không thực tập lời Phật dạy. Đây là điều quý vị nên lưu ý để thực tập tu Bát Quan Trai. Tu Bát Quan Trai là thực tập một ngày, một đêm: đi, đứng, nằm, ngồi, ăn, uống, nói năng ở trong chánh niệm, trong chánh đạo.

Đức Phật dạy: Pháp của Ngài thực tập ngày trước, ngày sau đã có hạnh phúc. Giờ đầu, giờ sau đã có hạnh phúc an lạc. Nếu quý vị đi chùa mười năm, hai mươi năm mà thực tập như vậy thì khối lượng hạnh phúc của quý vị sẽ rất lớn.

Khi quý vị giận thì đừng nên nói. Khi mình giận ai mình nói thì nói sẽ bị sai nhiều, mình nghĩ cũng sai. Mình muốn nghe đúng thì tâm phải không phiền não. Mình đến chùa tu học thì phải làm cho tâm mình giảm

bớt phiền não để có sự an lạc. Đời này có an lạc thì đời sau mới có an lạc. Nếu hôm nay mình không có an lạc thì ngày mai cũng sẽ không có an lạc.

Tôi xin kể cho quý vị nghe một câu chuyện: Có hai vợ chồng đó, có một đứa con còn nhỏ, khi hai vợ chồng cãi lộn nhau, đứa bé khóc. Người vợ cho con bú, đứa bé đó bú xong ba phút sau, đứa bé chết. Khi người vợ đang còn tức giận độc tố trong cơ thể người vợ tiết ra ở trong sữa, đứa bé kháng thể yếu nên bú vào đứa bé bị chết. Đây là điều mà quý chị phải nên lưu ý!

Khi quý vị còn đang giận thì nên lên bàn Phật ngồi yên, đừng nên đi đâu. Khi cơn giận lắng xuống thì quý vị mới nên nấu ăn. Nếu quý vị nấu ăn thì cơn giận ở trong người quý vị sẽ truyền vào thức ăn những độc tố và khi quý vị ăn sẽ sinh bệnh.

Khi quý vị có bà mẹ, vợ hay ai đó đang giận dữ mà nấu ăn, thì quý vị đừng nên ăn, vì ăn những thức ăn đó sẽ có hại cho cơ thể. Khi ăn những thức ăn đó thì thân sẽ tật bệnh, tâm sẽ phiền não. Chúng ta cũng mơ ước làm sao, trong cuộc đời này, được sống cuộc sống thân không tật bệnh, tâm không phiền não. Chúng ta

muốn thân không tật bệnh, tâm không phiền não, chúng ta phải biết cách đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng đúng.

Vì vậy, quý vị thương anh A hay chị B không đúng lúc thì sẽ tạo ra độc tố khó chịu, khi quý vị thương ai thì phải thương đúng đối tượng. Thương ai thì phải có trí tuệ, thương đúng người, đúng lúc thì cái thương đó sẽ làm mình an lạc.

Quý vị về đây tu Bát Quan Trai để có thân không tật bệnh, tâm không phiền não. Quý Hòa thượng, quý Thượng tọa, quý Thầy đã hướng dẫn quý vị trước khi ăn phải khởi tâm, trên cúng dường Tam bảo, dưới khởi tâm bố thí cho những người nghèo khổ hơn mình, bố thí cho những loài vật thấp kém hơn mình.

Khi mình ăn một chén cơm mình phải nhớ đến công lao của nhiều người. Từ hạt lúa biến thành hạt gạo không dễ, từ hạt gạo biến thành cơm cũng không dễ. Cho nên khi mình ăn, mình phải ăn với cái tâm hiếu kính và cái tâm biết ơn.

Cái ăn của người tu Bát Quan Trai có hai chất liệu quý vị cần phải thực tập. Cúng dường Tam bảo trước khi ăn là nuôi dưỡng trí tuệ. Chia sẻ những thức

ăn cho những người nghèo và những loài thấp kém hơn mình là quý vị đã nuôi dưỡng tâm từ bi. Khi đó ta mới có phước đức, ta sinh ra ở đâu cũng gặp được thầy hiền bạn tốt. Gặp những người hỗ trợ cho ta có ăn, có mặc để nuôi thân này. Có trí tuệ, có từ bi để nuôi tâm ta.

Nhờ có trí tuệ, ta biết đúng hay sai, thiện hay ác. Đúng thì làm, sai thì không làm.

Nhờ có chất liệu từ bi, ta có thể biết ơn tất cả mọi người. Người cho ta gạo, người cho ta củi, người cho ta nước, người cho ta cái soong để nấu cơm. Chúng ta phải thấy sự mâu nhiệm của thức ăn, có phước báu rất lớn nơi tự thân của mình, có phước báu rất lớn nơi giòng họ của mình. Phước báu rất lớn nơi toàn thể mọi người. Chúng ta ăn để nuôi lớn phước đức cho mình. Cái ăn đó sẽ đem lại sự bình yên cho mình.

Nếu quý vị ăn không được thì thân thể gầy gò, tâm lại phiền não, cha mẹ không ăn được, con cái lo lắng. Con cái ăn được thì đem lại hạnh phúc cho cha mẹ. Quý vị ăn được thì sẽ đem lại hạnh phúc cho gia đình và xã hội.

Do đó, quý vị ăn để nuôi lớn phước đức, trí tuệ trong đời sống của mình. Như vậy, quý vị đang tu cho chính mình, cho gia đình mình và cho xã hội.

Nếu xã hội này, tất cả đều tu thì sẽ đem lại sự an toàn cho xã hội sẽ không có những tệ nạn xã hội xảy ra.

Quý vị về chùa tu tập để đem lại sự an bình cho xã hội. Như vậy, tu là để thân không tật bệnh, tâm không phiền não. Tu như vậy là đem lại quyền lợi cho tất cả mọi người.

Chỉ có những người điên mới phá hại chùa, chỉ có những kẻ ngu si mới phỉ báng Tam bảo.

Nên quý vị có bốn phận bảo vệ chùa và tuyên dương Tam bảo./

Đệ tử: Liên Hà kính phiên tả

Nguồn Sáng Vô Tận

(Pháp thoại: Thầy Thích Thái Hòa giảng, ngày 19/11/2013, tại chùa Lam Sơn Tịnh Độ, Bình Long - Bình Phước).

Nam mô Bốn sư Thích ca Mâu ni Phật.

Kính thưa đại chúng.

Trước khi nghe pháp thoại, xin đại chúng hãy lắng nghe những tiếng chuông để tập trung theo dõi hơi thở.

Thở vào và thở ra, chúng tôi biết rất rõ trong giờ phút này, tâm bồ đề của tôi đã phát khởi đầy đủ hai chất liệu trí tuệ và từ bi.

Thở vào và thở ra, chúng con kính xin đức Phật A Di Đà, đem nguồn ánh sáng vô lượng rọi vào tâm tư con, khiến cho tất cả chúng con đều dứt sạch hết phiền não trong tâm.

Thở vào và thở ra, chúng con kính xin Đức Phật A Di Đà, đem ánh sáng thọ mạng vô lượng chuyên

chở hình hài con, để chúng con được sống với pháp thân bất sinh bất diệt.

Thở vào và thở ra, chúng con kính xin Đức Phật A Di Đà, đem ánh sáng vô lượng công đức phủ lên trú xứ của chúng con, cho chúng con sinh ra ở đâu cũng đầy đủ 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp. Chúng con sinh ra ở đâu cũng được gặp thầy hiền, bạn tốt, gặp các thiện hữu tri thức cùng phát khởi tâm bồ đề, phát khởi nguyện bồ đề, phát khởi hạnh bồ đề để trang nghiêm Tịnh độ của chư Phật, tận hư không giới và pháp giới.

Kính thưa đại chúng

Hôm nay, thứ bảy ngày 17/10/ năm Quý Tỵ, tức là ngày 19/11/2013 tại chùa Lam Sơn Tịnh Độ, Bình Long, tỉnh Bình Phước. Tôi rất hoan hỷ khi thấy Thượng tọa Huệ Viên trú trì, hướng dẫn quý vị tu học pháp môn Tịnh độ rất thuần tịnh. Trước hết, tôi xin thay mặt đoàn, cảm ơn Thượng tọa Huệ Viên, chịu khó, chịu nhọc để tuyên dương Phật pháp, yểm trợ cho sự tu học của Phật tử trong vùng. Đồng thời, tuyên dương tinh thần tu học hộ trì Tam bảo của quý vị điều hành ở trong đạo tràng cũng như các thành viên tham

gia tu học hộ trì Tam bảo tại chùa Lam Sơn Tịnh Độ. Đồng thời tôi cũng thấy vui mừng, khi nghe Thượng tọa Huệ Viên cho biết, mỗi buổi tối quý vị Phật tử trong vùng đã về chùa Lam Sơn Tịnh Độ, hành trì pháp môn niệm Phật. Vào buổi khuya, cũng có nhiều Phật tử đến chùa cùng với Thượng tọa Huệ Viên trì tụng Chú Lăng Nghiêm, cầu nguyện một ngày bình an cho bản thân, gia đình và xã hội.

Đó là điều chúng tôi rất hoan hỷ. Công đức như vậy, xin chư Phật thương xót hộ niệm cho sự tận tâm tu tập thực hành nguyện bồ đề của Thượng tọa Huệ Viên và cũng như quý vị đạo tràng hôm nay.

Mong rằng đạo tràng ngày càng tiếp tục phát triển và quý vị nỗ lực hộ trì cho Thượng tọa Huệ Viên vững chãi, vững tâm cùng quý vị tu học để phát triển đất nước Tịnh độ nơi quê hương Bình Long này của chúng ta.

Sau đây tôi xin chia sẻ pháp thoại **Nguồn Sáng Vô Tận** đến quý vị hôm nay.

Xin quý vị hãy nghe tôi hỏi:

1/- Trong đời này có ai muốn sống trong bóng đêm không?

2/- Trong đời này có ai muốn sống cuộc đời ngắn ngủi không?

3/- Trong đời này có ai muốn sống cuộc đời đầy tai ương, hoạn nạn không? Không, không một ai trong đời này muốn sống trong bóng đêm; không một ai trong đời này muốn sống cuộc đời ngắn ngủi; không một ai trong đời này muốn sống cuộc đời đầy tai ương, hoạn nạn.

Thưa tất cả quý vị.

Ai có thể đáp ứng cho ta đời sống của ánh sáng, để đưa chúng ta ra khỏi đời sống của bóng đêm? - Đạo Phật.

Ai có thể giúp ta kéo dài mạng sống vô tận? - Đạo Phật

Ai có thể giúp ta thoát khỏi tai nạn hiểm nghèo trong đời sống khổ đau? - Đạo Phật.

Ai là vị giáo chủ đạo Phật trong cõi Ta bà này? Đó là đức Phật Thích Ca Mâu Ni, vị Bổn sư của tất cả chúng ta. Đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni giáo chủ

cõi Ta bà; Ngài đã giới thiệu cho chúng ta một vị Phật ở Tây phương Tịnh Độ. Đó là đức Phật A Di Đà, có khả năng đáp ứng ba ước nguyện đó cho chúng ta.

- *Ước nguyện sống trong ánh sáng:*

Chúng ta không muốn sống trong bóng đêm mà muốn sống trong ánh sáng.

Đức Phật A Di Đà là một vị Phật có ánh sáng vô lượng và ánh sáng đó thành tựu từ nơi Đại nguyện của Ngài. Trong kinh nói: Thân của đức Phật A Di Đà, mỗi tế bào của Ngài phát ra vô lượng ánh sáng. Thân tướng của Ngài cao và rộng lớn hơn cả năm ngọn núi Tu Di. Như vậy, mỗi tế bào nơi thân thể của Ngài phóng ra vô lượng ánh sáng. Nên, Phật A Di Đà còn được gọi là vô lượng quang. Vị Phật phát ra ánh sáng vô lượng, ánh sáng đó không bị một bóng tối nào đối ngại. Không một ánh sáng nào trong thế gian này có thể so sánh. Ánh sáng của đức Phật A Di Đà gấp hàng ngàn tỉ lần ánh sáng của mặt trời, mặt trăng cho nên chúng ta ước nguyện không sống trong bóng đêm mà muốn bước ra ánh sáng và sống với ánh sáng. Không có ánh sáng nào có giá trị tuyệt đối, tuyệt vời vô lượng

như ánh sáng của đức Phật A Di Đà. Đức Phật A Di Đà có khả năng đáp ứng sự tu học của tất cả mọi người, mọi loài: như cỏ cây, loài vật, con người, chư thiên, các bậc Thánh hiền, Bồ tát. Nên, ánh sáng của đức Phật A Di Đà là ánh sáng vô lượng, vô biên không thể nghĩ bàn.

Vì vậy, quý vị niệm danh hiệu Phật A Di Đà là quý vị đã từ chối không sống với bóng đêm. Không những con người cần ánh sáng để sống mà ngay cả cỏ cây cũng cần ánh sáng để sống, nên cỏ cây cũng cần đức Phật A Di Đà.

Loài vật cần ánh sáng để sống, nên loài vật cũng cần đến đức Phật A Di Đà. Con người cần ánh sáng để sống, nên trong đời sống của con người không thể thiếu ánh sáng của đức Phật A Di Đà. Chư Thiên, Bồ tát, Thánh hiền cũng cần có ánh sáng để sống và sống với ánh sáng, mà ánh sáng của Phật A Di Đà là vô lượng, nên tất cả chư Thiên, Bồ tát, Thánh hiền đều cần đến ánh sáng của Phật A Di Đà, để sống và vươn lên từ hữu lượng đến vô lượng, từ hữu cùng đến vô cùng, từ hữu ngại đến vô ngại.

Nên, quý vị niệm danh hiệu Phật A Di Đà là quý vị đã từ chối không sống với bóng đêm mà khát khao sống với ánh sáng và vươn mình tới với ánh sáng vô lượng. Ta niệm Phật A Di Đà nhiều, thì tâm ta càng sáng lên, mỗi tế bào trong thân thể của chúng ta hàm trữ năng lượng ánh sáng đại nguyện của Phật A Di Đà đã phát ra vô lượng. Quý vị niệm danh hiệu Phật A Di Đà đến nhất tâm bất loạn sẽ chuyển hóa thân bệnh tật thành thân không tật bệnh, chuyển hóa tâm phiền não thành tâm không phiền não, chuyển hóa bị sinh thành bất sanh, chuyển hóa bị chết thành bất tử.

Vì vậy, tôi rất hoan hỷ khi đến đạo tràng này, khi nhìn thấy quý vị đã đem hết thân tâm trì niệm danh hiệu Phật A Di Đà. Chính với sự tu học này là quý vị đã từ chối đời sống sinh tử khổ đau, bước ra đời sống an lạc, vứt bỏ vô minh, chấp ngã, để bước tới đời sống ánh sáng của trí tuệ, vị tha và từ bi.

Như vậy, trì niệm danh hiệu Phật A Di Đà đến chỗ nhất tâm, quý vị và gia đình đều được sống an lạc và hạnh phúc. Ánh sáng Phật A Di Đà luôn luôn soi

đường cho quý vị bước ra khỏi bóng đêm và đưa dẫn quý vị bước tới đời sống hạnh phúc vô lượng.

Nên, từ các vị Bồ tát, chư Thiên, các bậc Thánh hiền, loài người, cỏ cây hoa lá đều cần đến ánh sáng vô lượng của đức Phật A Di Đà để sống và qua ánh sáng ấy mà được vươn mình lên cao với thế giới vô cùng, với hạnh phúc vô tận.

Mỗi khi nấu ăn, giặt giũ, trồng rau, cà phê hay cao su, quý vị đều niệm Phật A Di Đà thì tâm thân của quý vị được thanh tịnh ngay nơi những hoạt động ấy, khiến cho những người khi có cơ duyên thọ dụng những thành quả do quý vị lao tác, họ sẽ gián tiếp nhận được ánh sáng vô lượng của Phật A Di Đà từ quý vị, làm cho thân tâm từ thô trược của họ cũng từ từ chuyển hóa thành thanh tịnh và họ cũng có thể kết duyên với pháp hành Tịnh độ và thành tựu Tịnh độ ngay trong hiện tại và cả tương lai.

Như vậy, chúng ta đã góp phần biến cảnh giới Ta bà thành cảnh giới Tịnh độ như đức Phật A Di Đà. Quý vị thực tập những hạnh đó thì đức Phật, chư Bồ tát và chư Thiên, Hộ pháp sẽ rất hoan hỷ. Mỗi khi ta

được nhìn bằng đôi mắt hoan hỷ của mọi người, thì oán đời của ta và mọi người tự tiêu diệt và phước đức liền phát sanh.

- *Ước nguyện đời sống vô lượng:*

Trong đời này có ai muốn sống cuộc đời ngắn ngủi không?

Không ai muốn sống cuộc đời ngắn ngủi, mà ai cũng muốn sống một cuộc sống thọ mạng lâu dài.

Đức Phật A Di Đà có khả năng đáp ứng đời sống lâu dài đó cho chúng ta, vì sao? Vì đức Phật A Di Đà được gọi là vô lượng thọ, tức là vị Phật có thọ mạng vô lượng. Đức Phật A Di Đà sống lâu vô lượng do Ngài tu tập, tôn trọng và bảo vệ sự sống. Khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, Ngài dạy hàng đệ tử của Ngài dù xuất gia hay tại gia không được sát sanh để bảo vệ sự sống. Ta giữ giới không sát sanh có nghĩa là ta gieo nhân sống lâu. Tất cả vàng bạc, châu báu, nhà cửa, ruộng vườn đều quý, nhưng không quý bằng sự sống. Trong đời này ai tôn trọng sự sống, giữ giới không sát sanh, biết bảo vệ sự sống sẽ sống lâu vô lượng. Đức Phật A Di Đà trải qua vô lượng kiếp, Ngài

đã giữ giới không sát sanh mà Ngài còn phóng sanh. Ngài không những bảo vệ sự sống của con người, loài vật, cỏ cây hoa lá mà Ngài còn tôn trọng sự sống của núi sông, biển cả không làm cho sự sống của núi rừng, biển cả bị hoại diệt. Có nghĩa là Ngài đã yêu chuộng tất cả mọi sự sống của con người và thiên nhiên. Ngài nỗ lực tạo dựng cho sự sống và bảo vệ sự sống, nên Ngài trở thành vị Phật có đời sống vô lượng. Tất cả chúng sinh trong cõi lục đạo và trong vũ trụ này, ai cũng muốn sống lâu vô lượng thì chỉ có đức Phật A Di Đà là có thể đáp ứng được ước nguyện đó cho hết thảy chúng sanh bằng công hạnh tu tập của chính ngài. Khi chúng ta dùng những thực phẩm thì chúng ta nguyện cho những thực phẩm đi vào trong cơ thể ta hãy trở thành ta, thành tâm ta để nuôi lớn tâm, hạnh và nguyện Bồ đề của ta. Chỉ có nuôi lớn tâm Bồ đề, hạnh Bồ đề, nguyện bồ đề thì tâm chúng ta không bị hoại diệt bởi các phiền não, ta sẽ có thọ mạng vô lượng. Bây giờ chúng ta cùng đức Phật Thích Ca Mâu Ni và đức Phật A Di Đà góp phần xây dựng quê hương Tịnh độ khắp mười phương thế giới.

Nếu chúng ta sống cuộc đời biết tôn trọng, bảo vệ, nuôi dưỡng và phát triển tâm bồ đề của chúng ta, thì tâm bồ đề chính là thọ mạng vô lượng của chúng ta và chúng ta sẽ có thọ mạng vô lượng.

- *Ước nguyện đời sống thành tựu phước đức vô lượng:*

Không ai muốn tai nạn xảy ra cho ta. Nhưng tai nạn vẫn thường xảy ra.

Tai nạn thường xảy ra cho những người kém phước đức, dưới hình thức này hay hình thức khác. Ta kém phước đức mà tiền bạc tới nhiều với ta là tai nạn cũng duyên vào tiền bạc ấy mà xảy ra cho ta. Ta kém phước đức mà nắm giữ quyền cao chức trọng thì tai nạn cũng sẽ duyên vào quyền cao chức trọng ấy mà xảy ra cho ta. Nếu chúng ta không muốn tai họa xảy ra, muốn có danh vọng giàu sang và có phước đức thì chúng ta hãy trì niệm danh hiệu Phật A Di Đà, vì sao? Vì danh hiệu của Ngài được tạo nên từ hạnh nguyện và vô lượng công đức. Đại nguyện thứ 17 trong 48 đại nguyện của Phật A Di Đà, Ngài nguyện khi thành Phật thì chư Phật mười phương đều phát tâm tán

dương danh hiệu của Ngài. Muốn đạt tới danh hiệu ấy, Ngài đã trải qua vô lượng kiếp làm những việc khó làm như: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ.

Ngài đã bố thí tài sản cho người nghèo, bố thí pháp tức sự hiểu biết cho cả người nghèo và người giàu. Có những người giàu vật chất lại nghèo trí tuệ. Ngài bố thí sự sống, sức sống, khả năng sống cho tất cả sinh vật và muôn loài. Nên, Ngài đã thành tựu vô lượng công đức.

Trong Phật giáo có ba loại bố thí:

- Tài thí: Bố thí về tài sản.
- Pháp thí: Bố thí về chánh Pháp.
- Vô úy thí: Bố thí sự không sợ hãi, hay bố thí khả năng sống.

Nhờ bố thí tài sản mà Ngài thành tựu phẩm chất từ bi.

Nhờ bố thí Pháp mà Ngài thành tựu phẩm chất trí tuệ.

Nhờ bố thí vô úy, sức sống, khả năng sống mà Ngài thành tựu được chất liệu của dũng mãnh.

Trong đời sống của đức Phật A Di Đà có cả từ bi, trí tuệ, hùng dũng nên Ngài có vô lượng công đức.

Nên Bi, Trí và Dũng có gốc rễ từ Tài thí, Pháp thí và Vô úy thí. Trong đời sống của đức Phật A Di Đà có cả từ bi, trí tuệ, hùng dũng. Nhờ có ba chất liệu đó, Ngài đã trở thành vị Phật có vô lượng công đức. Ngài nguyện bỏ điều ác làm điều lành. Từ chuyện xấu nhỏ Ngài rất cẩn trọng, không khinh thường. Ngài chăm sóc đời sống của mình để những điều ác nhỏ không phát sanh. Ngài đã làm những việc thiện nhỏ, chính những điều thiện nhỏ đó, tích lũy từ ngày này qua ngày khác, năm này qua năm khác, kiếp này qua kiếp khác, khiến lâu ngày việc thiện sẽ thành những khối lớn như những ngọn núi Tu Di. Nếu chúng ta khinh thường những chuyện xấu ác nhỏ mà làm, thì những tội ác nhỏ sẽ thành lớn, khiến phước đức của chúng ta bị xói mòn và sụp đổ. Nếu chúng ta biết từ bỏ những chuyện xấu ác nhỏ, thì những chuyện xấu ác lớn không thể xảy ra. Và nếu chúng ta biết làm những việc thiện nhỏ, thì những

việc thiện lớn chắc chắn sẽ xảy ra. Vô lượng công đức được thành tựu từ nơi những việc thiện nhỏ nhất ấy và vô lượng công đức đều thành tựu từ nơi tâm Bồ đề, tâm không còn vọng tưởng.

Chúng ta muốn có vô lượng công đức, thì chúng ta phải đến chùa để tu học theo Phật pháp. Thấy bạn đạo tốt thì chúng ta sanh tâm tùy hỷ, không ganh tị, chúng ta hãy làm những việc trong chùa từ những việc thiện nhỏ cho đến việc lớn, để đóng góp cho sự trang nghiêm của ngôi chùa, trang nghiêm trú xứ của mình và chúng ta cùng nhau tu học trong sự tương ái, tương kính, tương hộ sẽ tạo ra phước đức vô lượng. Một khi chúng ta đã có phước đức thì chúng ta sẽ không có tai họa. Phước đức ít thì tai họa nhiều. Phước đức nhiều, thì tai họa ít. Phước đức viên mãn, thì tai họa không còn. Thế giới Tịnh độ của Phật A Di Đà là thế giới tạo nên từ đại nguyện tu tập của Ngài, từ công đức tu tập của nhân loại, chư Thiên và chư Bồ tát ở thế giới Tịnh độ ấy. Ta kém phước đức, vì ta không có một thiện sự nào cả. Không có phước đức, thì không có an lạc và không thể sanh vào thế giới cực lạc. Thế giới Tịnh độ

là thế giới của những vị có đại nguyện và thành tựu phước đức từ đại nguyện.

Vậy, muốn sanh vào thế giới Tịnh độ, thành tựu vô lượng công đức, có đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp không có con đường nào khác bằng con đường phát bồ đề tâm, trì danh niệm Phật đạt đến chỗ nhất tâm bất loạn. Chính nhất tâm bất loạn của chúng ta do trì danh niệm Phật đem lại, tạo thành cho ta vô lượng công đức và là nền tảng của sự vãng sanh Tịnh độ.

Kính phiên tả: Đệ tử Hà Liên.

Pháp Thoại:
Trì Giới và Trì Giới Ba-la-mật

(Thầy Thích Thái Hòa giảng cho Học chúng
Văn Thù)

Nam mô Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Thưa đại chúng,

Hôm nay ngày 08/12/2013, tức là ngày mùng 6 tháng 11 năm Quý Tỵ, là ngày sinh hoạt hàng tháng của Học chúng Văn thù, chúng ta đang có mặt tại nhà của hai thành viên Chiến và Hiếu.

**• Niệm đức Phật A Di Đà liên hệ đến Giới-
định-tuệ**

Thưa đại chúng,

Trong lần sinh hoạt tháng trước, chúng tôi đã trình bày về Bồ thí Ba-la-mật, hôm nay chúng tôi trình bày tiếp đến Trì giới Ba-la-mật. Thông thường chúng ta nghĩ, chỉ có sáu Ba-la-mật, nhưng thật ra có đến mười Ba-la-mật của hạnh bồ tát.

Trước khi nói về Trì giới Ba-la-mật, tôi xin chia sẻ với Đại chúng câu hỏi mà một Phật tử đã hỏi tôi: “niệm đức Phật A Di Đà có liên hệ gì đến Trì giới Ba-la-mật không?; có liên hệ gì đến Giới-định-tuệ không?”.

Đây là câu hỏi có liên hệ đến pháp đàm hôm nay của chúng ta và tôi đã trả lời như sau:

Niệm Phật A Di Đà liên hệ đến Giới-định-tuệ rất chặt chẽ, liên hệ đến trì giới Ba-la-mật rất chặt chẽ, chặt chẽ ở chỗ nào?

Khi một hành giả chuyên tâm vào bản nguyện của đức Phật A Di Đà, chuyên tâm niệm danh hiệu Phật A Di Đà, thì khi nhất tâm như vậy, ý của họ không thể khởi lên điều ác, ý không khởi lên điều ác thì miệng không thể nói lời ác, miệng không nói lời ác thì thân không thể làm điều ác mà không làm điều ác thì đó là giới và trì giới.

Vì mục đích của giới là ngăn ngừa điều ác của thân, ngữ, ý. Khi tâm chuyên nhất đến danh hiệu Phật A Di Đà thì ý không có cơ hội nghĩ ác, khi ý không nghĩ ác thì miệng không có cơ hội nói ra điều ác và không có điều kiện để thúc đẩy thân làm những điều

xấu ác. Như vậy, niệm Phật A Di Đà cũng có nghĩa là giới và cũng có nghĩa là Trì giới Ba-la-mật.

Khi niệm Phật A Di Đà với tâm chuyên nhất, khi tâm chuyên nhất thì phiền não lắng xuống, tâm chuyên nhất đến Phật A Di Đà thì dễ đi vào định. Khi đã có định rồi, phiền não được nhiếp phục, từ đó tuệ phát sinh. Khi tuệ phát sinh rồi, thì ta thấy tha phương Tịnh độ của đức Phật A Di Đà và Tịnh độ ở nơi tự tâm của mỗi chúng ta không phải là hai.

Bởi vì tha phương Tịnh độ cũng từ nơi bản nguyện của đức Phật A Di Đà mà thành tựu và mình niệm Phật A Di Đà chuyên nhất thì tự tánh của đức Phật A Di Đà ở nơi tâm mình hiện ra và mình thấy rằng tự tánh của đức Phật và tự tánh nơi tâm mình không phải là hai, đó là thể tính bình đẳng. Khi thấy được thể tính bình đẳng giữa tâm mình và tâm chư Phật, cũng như giữa tâm mình và tâm của hết thảy chúng sinh là một thì đó là tuệ. Cho nên, niệm Phật A Di Đà chuyên nhất thì có tuệ ở trong đó.

Vậy, pháp niệm Phật A Di Đà là bao gồm cả Giới-Định-Tuệ.

*** Niệm đức Phật A Di Đà liên hệ đến Trì giới Ba-la-mật.**

Niệm Phật A Di Đà cũng có luôn Trì giới Ba-la-mật, vì sao? Vì do có tuệ mà thấy tự tánh của đức Phật A Di Đà và tự tánh thanh tịnh của chúng sinh là một, không những thấy *sự viên dung* mà còn thấy *lý sự viên dung* và *sự sự viên dung*, nghĩa là sự có mặt của đức Phật này, không trở ngại sự có mặt của đức Phật kia và sự có mặt của đức Phật kia, không trở ngại sự có mặt của đức Phật này.

Cũng vậy, người ngồi thiền không trở ngại với người niệm Phật, người niệm Phật không trở ngại với người hành bồ tát đạo và người hành bồ tát đạo không trở ngại với người niệm Phật hay người ngồi thiền, thì đó là *sự sự vô ngại pháp giới* do từ niệm Phật mà phát hiện ra. Cho nên, niệm Phật A Di Đà liên hệ đến Giới-Định-Tuệ rất nhiều và rất chặt chẽ.

Có nhiều vị cho rằng, pháp môn niệm Phật A Di Đà là phát triển sau này, nhưng đúng lý là không phải, đây là một pháp môn rất nguyên thủy, bởi vì một Tỷ kheo, Tỷ kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di mỗi khi tu tập

về lục niệm, thì vị đó luôn luôn niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí và niệm Thiên. Thực hành lục niệm là để đình chỉ ác niệm và hưng khởi thiện niệm. Thiện niệm phát triển đến chỗ viên mãn, tức là thiện niệm, ác đều ly, chơn tánh thanh tịnh hiện tiền, đó gọi là Trì giới Ba-la-mật, cũng gọi là Thiền định Ba-la-mật và cũng gọi là Trí tuệ Ba-la-mật.

Ngay từ thời nguyên thủy, đức Phật cũng đã giới thiệu rất nhiều vị Phật như đức Phật Tỳ Bà Thi, đức Phật Thi Khí, đức Phật Tỳ Xá Phù, đức Phật Câu Lưu Tôn, đức Phật Câu Na Hàm, đức Phật Ca Diếp... những vị Phật đã xuất hiện trước đức Phật Thích Ca và khi đã có một vị Phật, hai vị Phật thì cũng có vô số vị Phật. Cho nên, khi mình niệm danh hiệu một đức Phật là tất cả chư Phật đều cảm ứng. Khi mình niệm danh hiệu Phật A Di Đà, thì chư Phật trong mười phương cũng đều cảm ứng, bởi vì các ngài cùng một bản thể giác ngộ.

Tam bảo cũng có ba loại: đồng thể Tam bảo, thể gian trụ trì Tam bảo và xuất thể gian trụ trì Tam bảo. Chư Phật trong mười phương cũng đồng một bản thể

với nhau, cho nên mình niệm một Phật A Di Đà cũng là niệm tất cả Phật trong mười phương, mình niệm Phật Thích Ca cũng là đang niệm Phật A Di Đà. Niệm Phật A Di Đà đến chỗ thâm diệu, nhất tâm bất loạn, năng niệm, sở niệm tiêu vong, tuệ giác hiện tiền, thiện niệm hay ác niệm đều tịch diệt rỗng lặng, đó gọi là Trì giới Ba-la-mật, cũng gọi là Thiền định Ba-la-mật và cũng gọi là Trí tuệ Ba-la-mật. Do đó, trì niệm danh hiệu Phật A Di Đà, trong đó có đủ cả Giới-định-tuệ và cũng có đủ không những Trì giới Ba-la-mật mà còn có đủ cả Mười Ba-la-mật.

Nhân có người hỏi và tôi đã trả lời như vậy, nay xin chia sẻ để đại chúng hiểu thêm.

- **Trì giới và trì giới Ba-la-mật**

- 1- Đồng và dị giữa Thanh văn giới và Bồ tát giới*

Bây giờ tôi nói đến Trì giới Ba-la-mật. Trì giới là điều căn bản mà tất cả Phật tử luôn thực hiện, nhưng Trì giới Ba-la-mật là đặc thù của bồ tát giới. Trì giới đưa tới sự hoàn hảo bản thân, gọi là thọ trì Thanh văn giới. Trì giới có thêm Ba-la-mật nữa thì chất liệu đạo đức được mở ra để đem lại lợi ích cho nhiều

người và nhiều loài chúng sinh, trì giới như vậy, gọi là thọ trì Bồ tát giới.

Trì giới mang tính phát triển đạo đức bản thân thì trong Phật giáo gọi là Thanh văn giới, còn trì giới có khả năng chuyển hóa mình và người, và phát triển đạo đức có tính cách rộng lớn trong mọi không gian và trong mọi thời gian thì trong Phật giáo gọi là Trì giới Ba-la-mật, ấy là trì giới của Phật giáo Đại thừa.

Thanh văn giới là giới của Thanh văn, ấy là giới pháp phải thọ nhận trực tiếp từ vị thầy hay từ chúng Tăng trao truyền. Nếu là Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di thì giữ năm giới; Sa-di, Sa-di-ni giữ mười giới, Thức-xoa-ma-na là người chuẩn bị làm Tỷ kheo ni thì giữ thêm sáu giới nữa, gọi là sáu học giới; giới của Tỷ kheo ni là 348 giới và giới của Tỷ kheo là 250 giới. Tất cả những giới này được các nhà Phật học Luật tạng xếp vào Thanh văn giới, gọi là Nhiếp luật nghi giới. Nhiếp luật nghi giới là giới nhằm tới đình chỉ điều ác làm chủ yếu. Bồ tát giới ngoài Thanh văn giới, tức là ngoài Nhiếp luật nghi giới còn cộng thêm hai tụ giới nữa, gồm Nhiếp thiện pháp giới và Nhiêu ích hữu tình giới.

Nhiếp thiện pháp giới là giới nhằm tới tác thiện làm chủ yếu và Nhiêu ích hữu tình giới là giới nhằm tới làm lợi ích cho hết thảy chúng sanh làm chủ yếu.

Đại thừa giới bao gồm cả Nhiếp luật nghi giới, Nhiếp thiện pháp giới và Nhiêu ích hữu tình giới. Nghĩa là bao gồm cả Thanh văn giới và Bồ tát giới. Trong Bồ tát giới có Trì giới Ba-la-mật.

Thọ trì Thanh văn giới là nhằm tới chấm dứt đời sống của sanh tử. Trì giới Ba-la-mật ngoài chấm dứt sanh tử còn phát khởi tâm bồ đề để làm lợi ích cho hết chúng sanh mà thọ giới và trì giới. Vì thương chúng sinh mà thọ giới, vì thương chúng sinh mà trì giới, vì lợi ích của hết thảy chúng sinh mà thọ giới và trì giới, gọi là Trì giới Ba-la-mật.

Bồ tát vì thương chúng sanh mà sống đời sống phạm hạnh, chứ không phải vì mình. Còn Thanh văn giới là vì sự thanh tịnh của tự thân mà thọ giới và giữ giới. Cho nên, Đại thừa Bồ tát giới rộng hơn và khó giữ hơn. Bồ tát giới khó phạm mà cũng dễ phạm, vì giới này là giới thuộc về tâm, căn cứ trên bồ đề tâm

mà phát khởi, cho nên rất dễ mà cũng rất khó. Khởi tâm là phạm tội và khởi tâm sám hối thì tội tiêu trừ.

Thanh văn giới khó phạm, nhưng cũng khó sám hối, vì Thanh văn giới là giới có quy định cụ thể về hình tướng, và từ nơi hình tướng mà giới thể thiết lập và thành tựu. Giới tướng có quy định cụ thể, cho nên phạm cũng không phải dễ.

Giới sát sanh của Thanh văn là không sát hại và đối tượng sát hại đó là loài người và các loài hữu ích cho con người thì mình không nên giết, vì giết là phạm vào giới mà mình phát nguyện thọ trì. Còn nếu mình vô tình giết, như muỗi cắn mà mình đánh nó chết, đó chưa phải là phạm giới sát theo ác nghiệp của Thanh văn giới quy định, vì do mình không dụng tâm giết hại, nhưng lại phạm vào những ác hành. Ác hành là hành vi xấu ác lặp đi, lặp lại nhiều lần thành quen với điều ác, do quen làm điều ác nên dễ đưa tới hành động phạm giới.

Ví dụ: hành động giết gà là thuộc về ác hành và hành động giết gà được lặp đi, lặp lại nhiều lần thành thói quen với điều ác, nên dễ dẫn đến hành động giết

người. Giết người thì không phạm vào giới sát mà còn phạm ác nghiệp đạo sát. Do phạm vào nghiệp đạo sát, nên ác nghiệp đạo tự thành và sẽ dẫn sinh quả báo bị oán thù và khổ đau trong tương lai.

Cho nên, muốn đừng giết người, thì trước hết là đừng giết loài vật. Không giết hại loài vật là để phòng hộ hành vi giết hại loài người, ấy là điều tinh tế của giới học Thanh văn.

Trái lại, trong Đại thừa Bồ tát giới, hề khởi tâm giết hại là phạm giới, không kể là giết người hay giết vật, vì sao? Vì Bồ tát giới là giới thiết lập trên tâm Bồ đề. Nên, khởi tâm giết là phạm giới sát, vì khởi tâm như vậy làm thương tổn tâm Bồ đề.

Tuy nhiên, tội từ tâm sanh và tội cũng từ tâm mà diệt. Nên, người thọ Bồ tát giới khởi tâm sát là phạm giới và khởi tâm tự trách và sám hối về sát, thì tội lỗi về sát liền tiêu diệt, giới thể liền trở lại thanh tịnh.

Nhưng, đối với Thanh văn giới là đem thân mà lãnh thọ và giới thể thành tựu đi từ thân vào tâm, nên khi phạm giới không phải tự trách tâm mình mà còn phải đem thân hành sám theo giới tướng quy định để

tội diệt phước sanh, giới thể trở lại thanh tịnh. Đó là những sự khác nhau giữa Thanh văn giới và Bồ tát giới.

2- Ý nghĩa Tam tụ tịnh giới

Trì giới Ba-la-mật phải đầy đủ cả Tam tụ tịnh giới. Tụ ở đây có nghĩa là nhóm hay chủng loại. Tam tụ tịnh giới là ba chủng loại thuộc về giới pháp thanh tịnh. Giới pháp ấy thích ứng với Niết bàn và đưa người thọ trì hướng tới đời sống giải thoát, giác ngộ, chứng nhập Niết bàn, nên gọi là tịnh giới. Tam tụ tịnh giới gồm:

- Thứ nhất là Nhiếp luật nghi giới, bao gồm cả những giới pháp mà đức Phật dạy để mình giữ giới và phòng hộ hết thảy các điều ác. Giới thuộc chủng loại này, có tác dụng đình chỉ hết thảy điều ác. Nên, người thọ giới thuộc chủng loại này, hứa đình chỉ hết thảy điều ác, mà không đình chỉ là phạm vào các học giới thuộc chủng loại này.

- Thứ hai là Nhiếp thiện pháp giới, tức là chủng loại giới mà đức Phật dạy để thực hành tất cả điều thiện. Giới pháp thuộc chủng loại này, có tác dụng thực hành hết thảy điều thiện. Nên, người thọ giới thuộc chủng loại

này, hứa làm điều thiện mà không làm là phạm vào các học giới thuộc chủng loại này.

Nghĩa là người thọ giới thuộc về chủng loại này, hứa làm điều thiện mà không làm là phạm, thấy điều thiện mà bỏ qua là phạm. Còn đối với người thọ Nhiếp luật nghi giới, không làm thiện thì chưa phạm, mà làm ác là phạm. Cho nên, Nhiếp thiện pháp giới bao gồm cả Nhiếp luật nghi giới.

Nên, thọ trì Nhiếp thiện pháp giới thì không những không trộm cắp mà còn phải bố thí, không những không sát sanh mà còn phải phóng sanh. Nhờ vậy, sự trì giới càng mãnh liệt hơn, điều thiện phát triển được cả hai mặt dứt ác hành thiện, tự lợi và lợi tha, tự giác và giác tha. Nội dung của dứt ác, hành thiện, tự giác, giác tha, tự lợi, lợi tha đã được chủng loại giới thuộc về Nhiêu ích hữu tình, khai triển một cách rộng rãi và sâu xa.

- Thứ ba là Nhiêu ích hữu tình giới, nghĩa là chủng loại giới pháp làm lợi ích cho hết thảy chúng sinh.

Nghĩa là ta muốn đạt đến điều thiện toàn hảo, thì phải giúp cho người khác hành thiện. Ta thực hành

điều thiện và tạo điều kiện để cho những người chung quanh ta cũng ý thức được lợi ích của điều thiện và nỗ lực làm điều thiện như ta làm và làm điều thiện như ta, mới là điều thiện mà chủng loại học giới nhiều ích hữu tình đề cập.

Cho nên ta làm điều thiện và biết sử dụng nhiều phương tiện để giáo hóa cho chúng sinh cũng làm điều thiện như ta, đó mới là tinh thần của Đại thừa Bồ tát đạo.

Nhiều ích hữu tình giới thúc đẩy người trì giới làm lợi ích cho hết thảy chúng sanh và lấy hạnh phúc chúng sanh làm hạnh phúc của mình, xem nỗi khổ đau của chúng sanh là nỗi khổ đau của chính mình, tâm Bồ tát lúc nào và ở đâu cũng như vậy.

Nhiều ích hữu tình giới là thực hành giới pháp làm lợi ích cho hết thảy chúng sanh mà không hề thấy có một “cái ta” nào thi ân hay làm lợi ích cho chúng sanh gì cả, đó mới gọi là người thực hành nhiều ích hữu tình giới hay trì giới Ba-la-mật.

Vì vậy, khi đức Phật thành đạo, ngài đã chuyển vận pháp luân giáo hóa chúng sinh dưới dạng này hay

dưới dạng khác với tâm từ bi, giúp chúng sanh giác ngộ được Phật tánh nơi tự tâm của chính mình, chứ không vì mục đích nào khác. Do đó chúng sanh mới cảm đến ân đức giáo hóa của ngài mà gọi ngài là Từ phụ hay Thế tôn.

Cho nên, trong ba đức của Phật là đoạn đức, ân đức và trí đức, thì chúng sanh do cảm ân đức của ngài giáo hóa, nên họ kính trọng ngài và vâng hành theo lời ngài dạy.

Vì thực hành hạnh nguyện Nhiều ích hữu tình giới, nên chúng sanh có vô lượng căn tánh, thì Bồ tát cũng có vô lượng pháp môn để làm ích lợi cho họ và đưa họ về với Phật pháp. Nên, hạnh nguyện của Nhiều ích hữu tình giới là không thể nghĩ bàn.

Do đó, Bồ tát vì lợi ích cho hết thảy chúng sanh mà nỗ lực tu tập và học hỏi không biết mỏi mệt. Vì vậy, Phật tử là phải học, ở đâu là học đó, và làm lợi ích ngay ở đó. Đi đến phương sở nào là người Phật tử học hỏi phong tục, tập quán, phương ngữ, tâm lý quần chúng, văn hóa vùng miền của phương sở đó, để có

phương tiện thiệp nhập và làm lợi ích cho chúng sanh theo tinh thần Phật giáo ở phương sở đó.

Vì lợi ích chúng sanh mà học hỏi để có đủ năng lực dứt ác hành thiện và giúp chúng sanh hành thiện dứt ác. Điều này thuộc về chủng loại giới nhiều ích hữu tình. Cho nên, trong Đại thừa Bồ tát giới Phạm Võng, có nói: “nếu Phật tử nghe nơi nào có vị Pháp sư giảng dạy Phật pháp, dù cách xa khoảng bốn mươi dặm mà không đến cầu học là phạm giới”.

Học Phật pháp để biết rõ thế nào là ác cần phải chấm dứt và thế nào là thiện cần phải thực hành. Dứt ác hành thiện là giới luật căn bản của Phật giáo, bao gồm cả Phật giáo Nguyên thủy, Bộ phái và Đại thừa. Từ căn bản đó mà Phật giáo Đại thừa khai triển sâu và rộng. Ví dụ trong giới kinh, đức Phật dạy: “Nhất thiết ác mạc tác, đương phụng hành chư thiện, tự tịnh kỳ chí ý, thị danh chư Phật pháp”, có nghĩa là “đừng làm các điều ác, nên làm các điều lành, giữ tâm ý trong sạch, đó là lời dạy chư Phật”.

Không làm các điều ác là Nhiếp luật nghi giới, làm các việc lành là Nhiếp thiện pháp giới, giữ tâm ý

trong sạch thuộc Bồ đề tâm giới, tức là Nhiều ích hữu tình giới.

3- Đặc điểm Nhiều ích hữu tình giới:

Nhiều ích hữu tình giới tức là chủng loại giới làm lợi ích cho hết thảy chúng sinh, ở đây có thể nêu lên mười đặc điểm và tôi xin chia sẻ đại lược mười đặc điểm ấy đến đại chúng như sau:

Thứ nhất, nguyện làm thiện hữu tri thức. Nghĩa là đối với hết thảy chúng sanh, nguyện luôn luôn làm thiện hữu tri thức, để làm lợi ích cho chúng sinh về mặt đoạn đức, về mặt trí đức và về mặt ân đức.

Đoạn đức tức là giúp cho chúng sinh đoạn trừ tất cả lậu hoặc, các phiền não để chấm dứt sinh tử. Đoạn đức là đức bỏ tất làm thiện hữu tri thức với chúng sanh, để giúp chúng sanh đoạn trừ phiền não, chấm dứt mọi khổ đau do sanh tử đem lại.

Trí đức là cái đức làm cho chúng sinh phát triển về trí tuệ, hiểu ra được chánh tà, chơn vọng. Chánh thì theo, tà thì bỏ, chơn thì theo vọng thì bỏ. Vì nếu chúng sinh không có trí tuệ thì họ sẽ lấy vọng làm chơn và sẽ mãi triền miên trong sinh tử và đi từ khổ đau này đến

khổ đau khác. Vì vậy, Bồ tát phải thân cận với chúng sinh, làm thiện hữu tri thức cho họ, để giúp họ đứng dậy từ nơi trí tuệ của họ.

Ân đức là cái ân do tâm từ bi, tâm thương yêu chúng sinh mà giáo hóa không biết mệt mỏi, dùng vô số phương tiện thiện xảo giúp chúng sinh đoạn khổ, để chúng đắc an lạc, đó là ân đức.

Người thọ trì Nhiều ích hữu tình giới là người giúp cho chúng sinh biết được ba đức gồm: ân đức, trí đức và đoạn đức.

Thứ hai, Bồ tát vì lợi ích chúng sanh mà làm vị khán bệnh. Nghĩa là chúng sinh bị bệnh về tâm lý như thế nào, bệnh về sinh lý như thế nào... thì vị thọ trì Nhiều ích hữu tình giới phải khán bệnh, biết rõ nguyên nhân gây bệnh và đưa ra phương pháp trị bệnh để giúp chúng sinh thoát khỏi bệnh về sinh lý và tâm lý ấy. Nhưng, quan trọng nhất là vị khán bệnh phải biết làm thế nào, để giúp chúng sinh biết vì sao mà có căn bệnh sinh tử, căn bệnh của sống chết, nhằm giúp cho họ uống thuốc, để đoạn trừ được tận gốc rễ của căn bệnh và đạt được hoàn toàn giải thoát sinh tử.

Như vậy, vị thọ trì Nhiều ích hữu tình giới đối với chúng sanh, vừa đóng vai trò khán bệnh, vừa đóng vai trò khán hộ, nghĩa là vừa chữa bệnh và vừa chăm sóc bệnh cho chúng sanh khi đang đau, cũng như khi họ đã lành, khiến họ đừng rơi vào bệnh hoạn như cũ nữa.

Muốn vậy, Bồ tát thỉnh thoảng phải đánh lên tiếng chuông chánh niệm cho người ta nhớ, cũng như thầy giáo thỉnh thoảng phải gọi học trò: “Hoàng Anh ơi, con có khỏe không? Phước ơi, con có khỏe không?”... Gọi như vậy tức là nói lên rằng, có thầy đây con, nhắc nhở cho người học trò luôn nhớ đến những điều tốt đẹp để sống. Như trong kinh Kim Cang, đức Phật nói: “Tu-bồ-đề ư ý vân hà?”, nghĩa là “này thầy Tu-bồ-đề, thầy nghĩ như thế nào?”. Hay ở kinh Phổ Môn, đức Phật gọi: “này Bồ tát Vô-tận-ý”, hoặc trong kinh A Di Đà, đức Phật gọi “này Tôn giả Xá-lợi-phất”... gọi như vậy, có nghĩa là Thế tôn luôn luôn có mặt với các thầy và các thầy luôn luôn đi theo cái hướng này do đức Thế tôn dạy, thì có an lạc và có hạnh phúc. Cho nên, vị thọ trì Nhiều ích hữu tình giới, là vị luôn luôn là vị khán bệnh và khán hộ cho chúng

sinh, khiến cho chúng sanh chấm dứt được cơn bệnh sanh tử.

Thứ ba, nói rõ sự thật về Khổ, Tập, Diệt và Đạo. Vị thọ trì Nhiều ích hữu tình giới là vị đó phải nói rõ cho chúng sanh biết sự thật về khổ và sự thật về nguyên nhân sinh khổ là tập. Nói rõ sự thật về khổ và sự thật về tập là nói rõ sự thật về nhân và quả của thế gian.

Sự thật của khổ là sanh, già, bệnh, chết... và sự thật về nguyên nhân của khổ là do tham, sân, si, kiêu mạn, chấp ngã. Và khổ chỉ là kết quả của tham, sân, si, kiêu mạn và chấp ngã đem lại mà thôi.

Nếu chúng ta đi theo dòng chảy nhân quả của khổ đế và tập đế, thì từ khổ này dẫn sanh khổ khác. Ngoài khổ đế và tập đế, vị thọ trì Nhiều ích hữu tình giới còn phải nói đến Diệt đế và Đạo đế. Đạo đế là con đường thoát khổ sanh tử và Diệt đế là Khổ đế và Tập đế không còn.

Một vị thọ trì Nhiều ích hữu tình giới, vì lợi ích cho hết thảy chúng sanh, nên lúc nào cũng phải hiểu và trình bày đầy đủ cho chúng sanh cả hai mặt thế gian và xuất thế gian. Vị ấy phải nói rõ sự thật về thế

gian và sự thật về xuất thế gian, để giúp cho chúng sinh từ nơi khổ đau của họ, họ biết nhân duyên vì sao mà khổ đau, để họ tu tập chấm dứt nhân duyên đó, khiến cho nhân quả khổ đau nơi đời sống của họ không sinh. Nếu chỉ biết và trình bày nhân quả thế gian mà không biết rõ và trình bày nhân quả xuất thế gian cho chúng sanh tu tập, thì vẫn chưa phải là vị thọ trì Nhiều ích hữu tình giới.

Nhân quả thế gian, các nhà khoa học có thể giải thích được, nhưng nhân quả xuất thế gian thì các nhà khoa học hoàn toàn chưa có kinh nghiệm. Nhưng đối Phật giáo thì hai mặt nhân quả thế gian và xuất thế gian này, đức Phật đã giải thích cặn kẽ và quán triệt bằng sự giác ngộ của ngài.

Trong giáo lý Tứ diệu đế, thì Khổ đế và Tập đế là nhân quả thế gian. Khổ đế là quả và Tập đế là nhân. Đạo đế và Diệt đế là nhân quả xuất thế gian. Đạo đế là nhân, Diệt đế là quả. Do tu tập Đạo đế mà chứng đắc Diệt đế, chấm dứt hoàn toàn những khổ đau thuộc về sanh tử, tức là chấm dứt Khổ đế và Tập đế.

Một vị thọ trì Nhiều ích hữu tình giới phải hiểu và nói cho được điều này, qua nhiều phương tiện diễn đạt khéo léo khác nhau, để giúp cho chúng sanh hiểu và hành trì, khiến họ thoát ly sinh tử, chấm dứt khổ đau. Hành trì được điều này mới là vị thọ trì Nhiều ích hữu tình giới.

Thứ tư, tri ân và báo ân. Người thọ trì Nhiều ích hữu tình giới là người luôn luôn biết tri ân và báo ân. Nghĩa là biết Bồ tát, chư Phật là ân nhân của mình, nhưng cũng phải biết chúng sinh cũng là ân nhân của mình. Nếu ta bố thí mà không có người nhận thí, thì làm sao sự bố thí của ta có thể thành tựu. Nên, người nhận thí là ân nhân của người thực hành pháp bố thí. Nếu mình thực hành pháp nhẫn nhục mà không có người đối nghịch, thì tâm nhẫn nhục của ta không có điều kiện để tôi luyện. Nên, người đối nghịch là ân nhân của người thực hành pháp nhẫn nhục. Vì vậy, nghịch cảnh là ân nhân của những vị thực hành pháp nhẫn nhục.

Chúng sinh là môi trường để Bồ tát thực hiện tâm bồ đề, thực hiện hạnh nguyện bồ đề và nhờ vậy mà giới pháp thuộc bồ đề tâm của Bồ tát viên mãn.

Ta tu học là để báo ân chúng sinh mà trong đó có cha mẹ ta. Vì trong lục đạo chúng sinh có sự luân hồi liên tục, đời này mình làm con, nhưng đời trước mình có thể đã từng làm cha, làm mẹ và có nhiều đời cha mẹ có thể đã từng làm con cái của mình. Trong dòng chảy luân hồi ta và cha mẹ ta đã từng thay nhau làm cha mẹ và con cái như thế ở trong lục đạo chúng sanh. Vì vậy, ta tu tập, thọ trì Nhiều ích hữu tình giới là để báo ân chúng sanh, trong đó có cha mẹ chúng ta.

Thứ năm, giúp chúng sinh thoát khỏi sự sợ hãi. Sự sợ hãi lớn nhất của chúng sanh là sợ mất đi sanh mạng của chính họ, sợ mất đi sanh mạng của những người họ thương yêu, mất đi tất cả tài sản, địa vị mà họ đang có được. Nên, vị thọ trì Nhiều ích hữu tình giới phải biết đem sự không sợ hãi mà hiến tặng cho chúng sanh, khiến cho chúng sanh có được ích lợi.

Muốn làm lợi ích cho chúng sanh, trước hết là phải tìm đủ mọi cách để thân cận và an ủi họ trong lúc họ đang sợ hãi và sau đó tìm đủ mọi cách để giải thích cho họ, từ cận tới sâu, từ hẹp tới rộng giúp cho họ hiểu, khiến sự sợ hãi trong họ lắng xuống.

Đối với người sợ mất tài sản, ta phải tìm cách nói cho họ hiểu rằng, tài sản đó không phải của mình mà là của mọi người. Nó đi từ người này qua người khác với nhiều hình thức khác nhau. Mình mất 500 đồng, không có nghĩa là 500 đồng đã bị mất mà 500 đồng không có mặt trong túi của mình, nhưng nó đang có mặt ở trong túi của người khác. Khi hết duyên thì mình không làm sở hữu chủ của nó và khi đủ duyên, thì nó về lại với mình. Muôn sự, muôn vật giữa này đều như vậy cả. Tài sản không mất, mà mình chỉ mất đi cái duyên sở hữu đối với tài sản mà thôi. “Đủ duyên thì tụ, hết duyên thì tán”. Mình giải thích cho họ biết, chân lý vốn như vậy và nhắc nhở họ tu tập, có phước đức bao nhiêu, thì tài sản cùng tụ lại với mình bấy nhiêu, không có phước đức mà mong cầu cho tài sản tụ lại là điều không thể xảy ra. Nhờ chúng sanh hiểu được như vậy, khiến cho tâm sợ hãi mất mát tài sản ở nơi họ sẽ được chuyển hóa.

Đối với những người sợ hãi mất mát người thân yêu, ta cũng phải khéo léo trình bày đạo lý dưới nhiều hình thức khác nhau, để cho sự sợ hãi của họ được

chuyển hóa. Ta có thể nói với người mất người thân rằng, người thân của quý vị không mất thật đâu, người ấy chẳng qua chỉ thay đổi hình hài mà thôi. Người ấy đang tiếp tục sống một đời sống khác, trong một không gian khác. Người thân của mình đang ở bên kia núi và mình đang ở bên này núi, nên không thấy đó thôi. Bên kia núi người ấy vẫn tiếp tục lộ trình của họ... mà ở bên này với đôi mắt thường, ta không thấy đó thôi.

Nếu muốn thấy người ta thương ở một không gian khác, không có cách nào khác hơn là phải tu tập để có trí tuệ hay có thiên nhãn, như ngài Mục Kiền Liên thấy được mẹ mình và tìm cách cứu mẹ. Mình không thể níu kéo người thân ở mãi bên mình, vì vạn vật vô thường, nên trước sau gì họ cũng phải ra đi. Nhưng họ đi đâu và đang ở đâu, nếu ta tu tập có trí tuệ, có thiên nhãn, có tuệ nhãn, có pháp nhãn và Phật nhãn là ta sẽ biết. Sự sống là duyên sinh, đủ duyên thì sinh, duyên tán thì diệt, ấy là quy luật của các pháp duyên khởi. Cho nên, ta không thể bám víu vào bất cứ cái gì và không thể níu kéo bất cứ cái gì mà ta yêu thích tồn tại mãi với ta được, ngay cả thân thể này ta

cũng không thể níu kéo nó tồn tại theo ý muốn của ta được. Nhưng khi tâm của ta thanh tịnh, không bị phiền não quấy nhiễu, khiến ta có tuệ giác lớn và bấy giờ ta có thể nhìn thấy được sự liên hệ của ta với người ta thương yêu, từ một đời, hai đời cho đến nhiều đời. Và chính bản thân ta, ta cũng sẽ biết nó sẽ về đâu và điểm đến của nó là ở chỗ nào. Ta từ nơi tâm ta mà biểu hiện và khi hết duyên biểu hiện thì ta trở lại với tâm ta.

Cho nên, khi đức Phật thành đạo, Ngài thấy bản thân của ngài từ một kiếp, hai kiếp, ba kiếp cho đến vô số kiếp đã từng như thế này, đã từng như thế kia; đã từng liên hệ với dòng họ Thích Ca, với vua Tịnh Phạn, hoàng hậu Ma-gia, công chúa Da-du-đà-la và La-hầu-la bao nhiêu đời, dưới hình thức này hay hình thức khác. Và với Phật nhãn, ngài thấy sự liên hệ của ngài với chư Phật quá khứ, với chư Phật hiện tại và với thế giới Ta bà này trải qua bao nhiêu thời kỳ như thế nào, như thế nào, ngài đều biết rõ. Tất cả sự hiểu biết ấy, đều do tu tập đoạn trừ các phiền não lậu hoặc nơi tâm mà chứng đạt.

Nên, Nhiều ích hữu tình giới là giới pháp nhằm đến làm lợi ích cho hết thấy chúng sanh, giúp chúng sanh vượt ra khỏi mọi sự sợ hãi, ngay cả sợ hãi sự sống chết.

Thứ sáu, phải biết chia sẻ tài sản vật chất và tinh thần cho những người nghèo khổ. Nghèo ở đây có nhiều mặt, có người nghèo về vật chất, nhưng không nghèo về tinh thần; có người giàu về vật chất, nhưng nghèo về tinh thần; có người giàu cả vật chất, giàu cả tinh thần; có người nghèo cả vật chất lẫn nghèo cả tinh thần.

Vị thọ trì Nhiều ích hữu tình giới có nhiệm vụ giúp chúng sanh làm quân bình những cực đoan giàu nghèo đó cho chúng sinh. Bởi vì giàu vật chất, nghèo tinh thần; hay giàu tinh thần, nghèo vật chất, đều không phải là cuộc sống thích ứng với trung đạo. Sống trung đạo là sống an lạc, không bị chi phối bởi hai cực đoan giàu và nghèo. Giàu sinh tâm kiêu ngạo về hơn; nghèo sinh tâm mặc cảm về thua. Tất cả tâm ấy đều dẫn đến đời sống thất vọng và khổ đau.

Cũng như chim đại bàng, nếu hai cánh so le thì không thể bay xa và bay cao được. Chim đại bàng đầy

sức lực, đôi cánh phải cân bằng với nhau mới bay cao và bay xa. Con người cũng vậy, muốn làm được việc lớn, thì hai loại phước và trí phải trang nghiêm. Trí là trang nghiêm về tinh thần, về tuệ giác; phước là trang nghiêm về hình hài, về vật chất và hoàn cảnh. Trí có khả năng làm cân đối những giá trị thuộc về tinh thần. Phước có khả năng làm cân đối những giá trị thuộc về vật chất. Nên, người có phước trí ở đâu, thì ở đó có sự trang nghiêm đầy đủ cả hai mặt vật chất và tinh thần.

Muốn nuôi dưỡng và thành tựu đời sống trí tuệ, thì ta phải thực hành hạnh cúng dường và muốn nuôi dưỡng và thành tựu đời sống phước đức, thì ta phải thực hành hạnh bố thí.

Nhờ phát tâm kính tín các bậc Thánh trí, thân cận học hỏi và thành tâm cúng dường, nên trí tuệ nơi tâm ta được khai mở và nuôi lớn từ nơi trí tuệ của các ngài. Nhờ phát khởi tâm cứu hộ và bố thí cho chúng sanh, nên tâm từ bi của ta được nuôi lớn từ hạnh nguyện từ bi cứu hộ ấy.

Khi nào ta cũng khởi lên ý niệm chia sẻ, chứ đừng bám thủ; khi ta khởi lên ý niệm chia sẻ thì tâm ta

liền mở rộng ra. Đức Phật dạy: “Khi ta làm được mười đồng thì chỉ tiêu bảy đồng phục vụ cho bản thân và gia đình, còn ba đồng là nghĩ đến cúng dường những bậc đáng kính, như cha mẹ, các bậc tôn trưởng, các bậc sa môn và nghĩ đến chia sẻ cho những người nghèo khó. Người xưa có dạy: “Hữu phước bất khả hưởng tận”. Nghĩa là có phước không nên hưởng hết, mà mình cần chia sẻ cho người khác, nhờ vậy mà phước đức của mình lại tiếp tục nuôi dưỡng. Bồ tát thọ trì Nhiều ích hữu tình giới làm lợi ích cho chúng sanh từ tâm bồ đề một cách tự nhiên, không có tâm thủ xả.

Thứ bảy, có đủ đức hạnh làm nơi nương tựa cho chúng sinh. Bồ tát thọ trì Nhiều ích hữu tình giới, sống với đời sống đức hạnh làm nơi nương tựa đạo đức cho chúng sanh. Bồ tát vì tâm từ bi và nuôi lớn tâm ấy mà phát nguyện ăn chay; vì làm gương đạo hạnh từ bi cho chúng sanh nương tựa mà ăn chay; vì muốn làm cho tâm chúng sanh an ổn, không sợ hãi mà phát nguyện ăn chay.

Cho nên, sáng nay ngày 08-12-2013, bác sĩ Anh Phương có lên gặp tôi xin trao đổi về đề tài: “Điều tra

thử nghiệm về ăn chay có lợi ích như thế nào”. Tôi cho rằng, thử nghiệm ăn chay có lợi ích hay không, không phải đơn giản như việc khoa học thí nghiệm bằng những dụng cụ khoa học để kiểm chứng những thực phẩm ăn chay như vậy đâu. Nếu các nhà khoa học muốn nghiên cứu việc lợi ích của ăn chay chính xác, thì phải biết người ăn chay với tâm nguyện nào. Người ăn chay với tâm từ bi có tác dụng sinh lý khác hẳn với người ăn chay không có tâm từ bi; người ăn chay với chánh niệm, tỉnh giác có tác dụng sinh lý khác hẳn với người ăn chay vọng niệm hay đối phó; người ăn chay có những ước nguyện cao thượng có tác dụng sinh lý khác hẳn với người ăn chay đối bữa.

Cho nên, ta ăn chay với tâm nào, thì động cơ của tâm ấy, tác động đến thực phẩm và thực phẩm ấy có tác động đến cơ thể theo động cơ ấy.

Nghiên cứu khoa học, thiếu tâm học không khéo sẽ là phản khoa học. Đây là điều mà những nhà làm khoa học cần lưu ý.

Thứ tám, an ủi chúng sinh ở trong trạng thái sợ hãi. Ta thấy trong trận siêu bão xảy ở Philippines vừa

qua, thì ở Việt Nam từ chính quyền cho đến người dân không ai ngủ được hết, nó hơn cả một trận giặc. Giặc thì có ở chỗ này, nhưng chỗ kia không có, chứ đây tất cả đều ảnh hưởng hơn cả một trận giặc, mọi người trong mấy ngày qua không ai ngủ được hết, vì sao? Vì quá sợ hãi. Mọi người đang ở trong tình trạng sợ hãi như vậy, thì vị thọ trì Nhiều ích hữu tình giới phải làm gì? Phải có trách nhiệm an ủi, vỗ về chúng sanh, khiến họ có đủ năng lực tự tin để tránh bão. Trước hết, khuyên họ nghĩ đến điều lành, phát khởi thiện tâm, và mỗi khi tất cả chúng sanh thiện tâm đã phát khởi, thì những hung khí cuồng phong không có điểm tương ứng để xâm nhập và chúng từ từ được chuyển hóa. Tìm đủ mọi cách làm cho chúng sanh an ổn, đó là cách thọ trì Nhiều ích hữu tình giới.

Ta biết rằng, siêu bão là một loại hung khí và nộ khí của trời đất, do nghiệp lực xấu ác của chúng sanh tích lũy tạo nên. Vì vậy, để chuyển hóa siêu bão không có phương pháp nào khác hơn, là khuyên chúng sanh phát tâm bồ đề rộng lớn, tâm từ bi rộng lớn, tâm hỷ xả rộng lớn, tâm sám hối rộng lớn, tâm thanh tịnh

rộng lớn, từ những tâm ấy mà phát ra những thanh khí và nhiều năng lượng thanh khí tạo ra một lực lớn, chính lực ấy có thể làm thay đổi cuồng phong.

Như vậy, thọ trì Nhiều ích hữu tình giới là tìm đủ mọi phương tiện để an ủi, trấn tĩnh và cứu vớt chúng sanh trong lúc họ đang bị hoạn nạn.

Thứ chín, tùy hỷ với tất cả thiện sự của mọi người. Đối với người tâm đầy ganh tỵ, thì thực tập hạnh tùy hỷ đối với thiện sự của người khác là rất khó khăn. Tâm ganh tỵ là một phần của tâm ích kỷ, nên thấy người khác hơn mình, thì thường sanh tâm ganh tỵ hơn là sanh tâm tùy hỷ.

Vì vậy, thọ trì Nhiều ích hữu tình giới là ta thực hành tâm tùy hỷ với mọi thiện sự của hết thảy chúng sanh. Nhờ vậy mà đem lại lợi ích cho chúng sanh mà cũng đem lại lợi ích cho chính bản thân mình. Ngạn ngữ Việt Nam có câu rất hay: “*Cầu ta nên mình khá, cầu ta chạ mình hư*”. Ta chưa có điều kiện để học hỏi mà thấy người khác có điều kiện để học hỏi là ta chấp tay cung kính tùy hỷ; ta chưa có điều kiện để ăn chay, nhưng thấy ai phát tâm ăn chay là ta liền sanh tâm tùy

hỷ và ủng hộ; ta chưa có điều kiện để tu tập, nhưng thấy ai tu tập thì ta hết lòng làm vị hộ pháp ủng hộ... Sống với tâm tùy hỷ các thiện sự của chúng sanh như vậy là người khéo thọ trì Nhiêu ích hữu tình giới.

Thứ mười đối với người xấu ác, vị thọ trì Nhiêu ích hữu tình giới phải xử sự thế nào? Phải biết vận dụng vô số phương tiện để giúp đỡ người xấu ác buông bỏ hành vi xấu ác của họ.

Có người hỏi tôi: “Nếu người Hồi giáo đến Việt Nam tấn công Phật giáo thì thầy sẽ làm gì?”. Đây là câu hỏi giả thiết, nhưng nếu nó xảy ra đúng như câu hỏi, thì trước hết tôi phải thương thuyết với họ bằng những lời lẽ không để tạo nên những hành động thô bạo dẫn tới sự tàn sát lẫn nhau, tuy tìm đủ mọi cách khiến bạo động không xảy ra, nhưng không thành công, buộc tôi không có hành động nào khác hơn là phải cởi áo tu, tuyên bố xả giới sát sanh và sẵn sàng chiến đấu dưới bất cứ hình thức nào, dù bạo động hay bất bạo động để bảo vệ Phật giáo và lẽ phải.

Nếu sử dụng bất bạo động để giúp họ từ bỏ tà kiến quay về với chánh kiến, thì tôi sẵn sàng sử dụng

phương tiện bất bạo động; Nếu cần sử dụng bạo động để bảo vệ lẽ phải, bảo vệ sự sống còn của Phật giáo, thì tôi cũng sẵn sàng sử dụng bạo động.

Nếu sử dụng phương tiện bất bạo động với tâm hèn nhát, thì cũng không phải là người thọ trì Nhiều ích hữu tình giới; và nếu sử dụng bạo động với tâm sân hận thù oán thì cũng không phải là người thọ trì Nhiều ích hữu tình giới. Người thọ trì Nhiều ích hữu tình giới sử dụng phương tiện bạo động hay bất bạo động là vì lợi ích chúng sanh mà không phải vì bản thân mình.

Vì lợi ích chúng sanh, người thọ trì Nhiều ích hữu tình giới, có thể chấp nhận giết một người để cứu vạn người, và ngược lại cũng vì lợi ích chúng sanh, người ấy sẵn sàng giết nhiều người để cứu một người. Một người cần phải cứu ấy là vị Thánh hiền, bậc Thánh triết, bậc Minh vương. Và nhiều người cần phải giết ấy là những kẻ gian hùng, ác cứ, đồng bọn sát hại Thánh nhân. Nếu không giết những kẻ gian hùng, ác cứ, sát hại Thánh nhân ấy thì đa số Thánh nhân và chúng sanh sẽ bị bọn chúng nã hại.

Vị thọ trì Nhiều ích hữu tình giới, giết hại nhiều người xấu ác, để cứu hộ một bậc Thánh triết là vì lợi ích chúng sanh mà không phải vì thù hận, vì sự nghiệp trí tuệ của chúng sanh mà không phải vì tà kiến.

Tuy nhiên, dù giết người thiện hay người ác, vì lợi ích chúng sanh hay vì bản thân mình, khi hành động giết hại xảy ra, và đối tượng nhắm đến để giết đã thật sự bị hại, thì ác nghiệp đạo của người có hành vi giết liền thành tựu, chính hành vi ấy dẫn họ đến nhận quả báo xấu trong tương lai.

Mặc dù, bị nhận quả báo xấu, nhưng họ hoàn toàn không ân hận, họ rất tùy hỷ trả quả báo xấu do hành vi giết hại một người để cứu nhiều người đem lại cho họ và sau khi thọ quả báo xấu ấy xong, họ lại nhận quả báo tốt đẹp do hành động cứu giúp vạn người đem lại. Đó gọi là hành động của người thọ trì Nhiều ích tình giới.

Cũng có những trường hợp giết người mà lại cứu người. Như người quá hung ác để họ sống, thì họ giết cả triệu người, khiến ác nghiệp đạo của họ tăng lên dữ dội và cả hàng triệu người đều bị thiệt hại. Nên,

giết người kia là tìm cách khoanh vùng ác nghiệp đạo của họ lại, không để cho ác nghiệp đạo của họ tràn lan nhiều nơi và tồn tại nhiều thời gian để gây thiệt hại cho họ và cho nhiều người. Như vậy, giết kẻ sát nhân cũng là cứu kẻ sát nhân, khiến cho ác nghiệp đạo của họ không còn điều kiện để tiếp diễn.

Hành động thiện trong Phật giáo, khởi đầu là phải nhắm tới hai mặt, lợi mình và lợi người; lợi hiện tại và lợi tương lai và hành động đạt đến chỗ chí thiện hay đệ nhất nghĩa thiện, thì hoàn toàn quên mình vì lợi ích cho hết thảy chúng sanh. Làm lợi ích cho hết thảy chúng sanh và chúng sanh có rất nhiều lợi ích, nhưng không thấy có chúng sanh nào có bản ngã tự hữu và không thấy có một bản ngã nào tự hữu nơi chính mình đang làm lợi ích cho hết thảy chúng sanh. Đó là hành hoạt của người thọ trì Nhiều ích hữu tình giới.

4- Nhiều ích hữu tình giới và trì giới Ba-la-mật:

Người thọ trì Nhiều ích hữu tình giới, khi đối diện với người ác, biết cái ác nơi người ấy vốn không có tự tánh, chúng hiện khởi do duyên, nên có thể sử dụng vô số thiện duyên để giúp họ chuyển hóa. Khi

đối diện với người thiện, biết cái thiện của họ chưa phải cái thiện rốt ráo hoàn tất, chúng khởi do duyên, nên có thể sử dụng vô số thiện duyên thù thắng, để nâng đỡ và nuôi dưỡng cái thiện của họ phát triển đến chỗ chí thiện.

Thọ trì Nhiều ích hữu tình giới là từ nơi tâm bồ đề. Nhân quả giác ngộ đều được hình thành từ nơi tâm ấy. Đây là giáo lý uyên áo của Phật giáo mà chỉ có tuệ giác của Phật mới thấy và chính điểm này mà Phật giáo không cần giáo điều mà cần ý thức tự giác, tự liễu tri và tổ chức Phật giáo hoàn toàn thiết lập trên nền tảng quan hệ nhân quả mà phát khởi bồ đề tâm là nền tảng cho mọi quan hệ ấy. Đó là điểm đặc thù trong tổ chức Phật giáo khác hẳn với các tổ chức thế tục.

Vì vấn đề là nơi tâm và tác động bởi tâm, nên khi khởi hiện tâm thiện thì nhân thiện có mặt ngay nơi tâm và khi khởi hiện tâm ác thì nhân ác có mặt ngay nơi tâm. Và trong tâm ta có một camera cực kỳ chính xác, hễ tâm khởi lên như thế nào là nó ghi lại hình ảnh đó và nó hình thành thể tính và tướng trạng đúng như những gì nó hiện khởi.

Vì vậy, đối với Phật giáo, Tổ chức Giáo hội chỉ là hình thức nghi lễ đối ngoại mà không phải tự bản thân của chính Phật giáo. Bản thân của Phật giáo là tâm bồ đề. Tâm bồ đề của các thành viên trong Phật giáo được khơi mở và nâng lên thành tuệ giác và từ bi, thì Phật giáo hưng thịnh. Có tuệ giác thì lúc nào, ở đâu cũng sống đời thanh tịnh và có từ bi thì lúc nào, ở đâu và với ai cũng đều có khả năng thực hiện hòa hợp và thương yêu. Nên, Phật giáo hưng thịnh là hưng thịnh bằng tuệ giác và từ bi, khiến chúng sanh nương vào hai chất liệu ấy mà có lợi ích.

Cho nên, mảnh đất nào có những bậc tu chứng đầy đủ cả hai chất liệu trí tuệ và từ bi, hay đủ cả hai chất liệu phước và trí, thì ở đó Phật giáo hưng thịnh.

Tóm lại, người thọ trì Nhiều ích hữu tình giới và trì giới Ba-la-mật là người luôn luôn thực hành hạnh trí tuệ và từ bi đến chỗ viên mãn. Và trong sự hành trì ấy, họ lấy tâm bồ đề làm điểm phát khởi và điểm chí thượng là làm lợi ích cho hết thảy chúng sanh mà không hề vọng tưởng về một cái tôi nơi chúng sanh và một cái tôi của tự thân trong hành động làm lợi ích ấy,

gọi là người thọ trì Nhiều ích hữu tình giới hay trì giới và trì giới Ba-la-mật.

Trên đây là những vấn đề liên quan đến trì giới và trì giới Ba-la-mật, tôi xin chia sẻ đại loại đến đại chúng như vậy, mong Đại chúng tìm hiểu và hành trì thêm, nhằm mang lại nhiều lợi ích cho bản thân và cho tất cả chúng sanh.

Niềm Tin Và Sự Tỉnh Giác

(Pháp thoại: Thầy Thích Thái Hòa thuyết giảng tại Đại học Nalanda, bang Bihar, Ấn Độ, vào ngày 03/12 năm 2012, nhân Đại Lễ cầu nguyện cho hơn mười ngàn Tăng sĩ Phật giáo đã bị Hồi giáo sát hại vào năm 1297)

Nam mô Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Thưa đại chúng, hôm nay là ngày 03 tháng 12 năm 2012, lúc 14 giờ, tại Đại học Nalanda, bang Bihar, Ấn Độ, chúng ta có bài pháp thoại: **Niềm tin và sự tỉnh giác.**

Thưa đại chúng, niềm tin và sự tỉnh giác của người con Phật do đâu mà có?

- Niềm tin và sự tỉnh giác của người con Phật có được qua bốn trường hợp sau đây:

1- **Lắng nghe:**

Niềm tin và sự tỉnh giác của người con Phật có được là do sự lắng nghe và tiếp nhận Chánh pháp.

Thưa đại chúng, chúng ta là những người con đã từng, hay chưa từng gặp đức Phật trong quá khứ, trong hiện tại hay trong vị lai, nhưng niềm tin có được bao giờ cũng từ sự lắng nghe Chánh pháp của Ngài. Cũng từ sự lắng nghe Chánh pháp của đức Phật mà niềm tin trong sáng phát sinh trong đời sống của chúng ta, hạnh phúc an lạc có mặt cũng từ đó, đưa đời sống chúng ta đến đỉnh cao, vượt qua đông bão thác gềnh, khiến chúng ta có cuộc sống bình an từ niềm tin vững chắc. Niềm tin sinh khởi từ sự lắng nghe là niềm tin có chất liệu của tỉnh giác. Niềm tin ấy nuôi lớn tỉnh giác và tỉnh giác nuôi lớn niềm tin.

2- Chiêm nghiệm:

Chúng ta những người con Phật khi nghe Chánh pháp, chúng ta phải biết chiêm nghiệm một cách sâu sắc rõ ràng, chính xác; cái nghe như vậy sẽ loại bỏ được vọng tâm điên đảo nơi chúng ta, khiến cho cái nghe thuần tịnh có mặt. Niềm tin do chiêm nghiệm phát sinh, niềm tin ấy có nội dung của tỉnh giác. Niềm tin có tỉnh giác, niềm ấy làm dẫn sinh trí tuệ. Nó có khả năng nhiếp phục và chuyển hóa vô minh.

3- Suy luận:

Chúng ta suy luận từ lời nói của các bậc Thánh trí, các bậc tu chứng có tuệ giác, từ đó niềm tin trong ta phát sinh.

Sự suy luận này giúp chúng ta có niềm tin và sự tỉnh giác vững chắc trong cuộc sống. Niềm tin sinh khởi từ suy luận, tức là niềm tin có trạch pháp giác. Bản chất của trạch pháp giác là tuệ. Nhờ có tuệ mà tin không dẫn đến mê lầm.

4- Thực tập:

Tất cả chúng ta nghe Chánh pháp một cách sâu sắc trọn vẹn, chiêm nghiệm lời dạy đó và suy luận lời dạy đó, thì những phiền não trong tâm ta được lắng xuống, đời sống thanh thản phát sinh, nhân cách của chúng ta mỗi ngày mỗi cao quý.

Ai là người biết ứng dụng Phật pháp vào đời sống của chính mình một cách hợp lý, thì người đó có hạnh phúc ngay trong đời sống này, dù lời dạy của đức Phật rất đơn giản như:

- Buông bỏ tâm tham;

- Buông bỏ tâm sân;
- Buông bỏ tâm si;
- Buông bỏ tâm kiêu mạn.

Chúng ta thực tập như vậy thì hạnh phúc bình an sẽ có mặt ngay trong đời sống này.

Tham, sân, si, kiêu mạn là những gánh nặng mà tất cả chúng ta cần phải buông xuống.

Nếu chúng ta không thực tập buông bỏ những thứ này, thì chúng ta sẽ triền miên trong sinh tử luân hồi.

Tuy nhiên, chúng ta phải biết ứng dụng Phật pháp cho phù hợp với hoàn cảnh thực tế của chúng ta, và tùy điều kiện của chúng ta cho phép chúng ta thực hành, thì mới đưa tới kết quả tốt đẹp.

Nếu chúng ta thực tập, áp dụng quá điều kiện cho phép, thì chúng ta sẽ thất bại, chúng ta sẽ không có hạnh phúc an lạc.

Các bậc Thánh trí không bao giờ nói ra bằng ngôn ngữ tri thức, mà các Ngài nói ra bằng ngôn ngữ tu chứng, nên hiệu quả của lời dạy của các ngài rất cao.

Chúng tôi đã chia sẻ cùng đại chúng bốn trường hợp trên để thành tựu niềm tin vững chắc và sự tỉnh giác có mặt, đưa đời sống chúng ta đến đỉnh cao, an lạc của cuộc sống.

Kính chúc đại chúng thành công trên bước đường tu tập.

Kính ghi

Phật tử Nhuận Bảo Châu

Pháp Thoại:
Mười Điều Thường Quán Chiếu

(Thầy Thái Hòa giảng cho Học chúng Chánh Tâm tại chùa Từ Hàng - T.T.Huế, ngày 01-01-2014)

Nam mô Bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Thưa đại chúng!

Hôm nay là ngày 01/01/2014, nhằm ngày mùng 01 tháng 12 năm Quý Tỵ, tại chùa Từ Hàng, xã Hương Thọ, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, Học chúng Chánh Tâm, chùa Phước Duyên đã có duyên lành đến tại trú xứ Già lam này đánh lễ Tam bảo, cầu an và nghe pháp thoại đầu năm mới 2014.

Trước khi nghe pháp thoại, xin Đại chúng ngồi thật ngay thẳng và yên lặng, theo dõi hơi thở vào và ra cho thân và tâm giờ phút này được thanh tịnh để nghe pháp thoại cho được sâu sắc.

Tôi thỉnh tiếng chuông, quý vị thực tập nghe chuông với hơi thở vào và ra qua thi kệ:

“Lắng lòng nghe, lắng lòng nghe,

Tiếng chuông huyền diệu đưa về nhất tâm”.

Thưa đại chúng! pháp thoại cho chúng ta có hôm nay là “**Mười điều thường quán chiếu**”.

1. Thân người khó được mà dễ mất

Thân người khó được và dễ mất, bởi vì nếu không có cha ta, không có mẹ ta thì không thể có ta. Cho nên, thân thể ta có được là nhờ có cha mẹ, tổ tiên ông bà nội ngoại của ta, có cả trời, có cả đất, có cả không gian, có cả thời gian và có cả tâm thức mới có thân thể của ta. Nếu thiếu một trong những yếu tố đó thì không thể có thân thể của ta được. Khi tất cả những sự mầu nhiệm đó tương hợp, tương thuận với nhau sẽ tạo nên thân thể của ta. Đức Phật dạy rằng: “được làm thân người là khó, khó hơn việc con rùa một mắt ở dưới đáy đại dương một trăm năm mới nổi lên một lần và con rùa đó lại chui vào được trong bụng của một khúc gỗ trôi bèo ở trên đại dương”.

Vậy nên, được làm thân người khó lắm, mà đại chúng hôm nay đã được làm thân người, vậy quý vị thấy mình có phước đức, phước báo rất nhiều phải không? Được thân người rất khó, nhưng mất thân người lại rất dễ. Chỉ một hơi thở ra mà không thở vào

là xong. Vậy, chúng ta phải quán chiếu thường xuyên để thấy thân người được rất khó mà lại rất dễ mất, để làm gì? Để chúng ta biết thân người rất khó được, nên chúng ta ôm trọn từng khoảnh khắc sự sống của chúng ta để sống mà không lãng phí. Trước hết, chúng ta không lãng phí lời nói, chúng ta chỉ nói những gì cần nói và không nói những gì không cần nói, chúng ta chỉ làm những gì cần làm và không làm những gì không cần làm, chúng ta chỉ suy nghĩ những gì cần suy nghĩ và không suy nghĩ những gì không đáng để suy nghĩ. Bởi vì cái chúng ta đang được đó là rất quý và vì nó khó được như vậy và dễ mất như vậy, nên chúng ta phải trân trọng sự sống mà chúng ta đang có được này trong từng giây, từng phút, từng hơi thở.

Vì sự sống quan trọng như vậy, nên chúng ta chỉ nói những điều cần nói, làm những điều cần làm và nghĩ những điều cần nghĩ, nhờ vậy mà ác pháp trong đời sống của chúng ta lắng xuống và thiện pháp trong đời sống của chúng ta tăng lên. Khi thiện pháp trong đời sống của chúng ta tăng lên và ác pháp trong đời sống của chúng ta lắng xuống, thì đó là tiền đề cho

chúng ta có hạnh phúc hôm nay và ngày mai. Ở nơi này chúng ta có hạnh phúc và ở bất cứ thế giới nào chúng ta cũng có hạnh phúc. Hạnh phúc chúng ta có được là nhờ chúng ta ý thức được “thân người khó được mà dễ mất”, nên chúng ta thực hành thiện pháp một cách tinh cần, nhờ vậy mà hoa trái hạnh phúc, an lạc sinh ra trong đời sống của chúng ta mỗi ngày.

2. Ân cha nghĩa mẹ

Điều thứ hai mà đại chúng nên thường xuyên quán chiếu là ân cha và nghĩa mẹ. Ân nghĩa cha mẹ nặng hơn núi Tu Di và sâu hơn cả đại dương. Bởi, nếu không có cha ta và không có mẹ ta, thì ta không bao giờ hiện hữu giữa cuộc đời này. Và hôm nay, ta được hiện hữu giữa cuộc đời này, và cha ta biết chăm sóc ta, mẹ ta biết chăm sóc ta nên ta có mặt giữa cuộc đời này một cách có ý nghĩa. Nếu ta có mặt giữa cuộc đời này mà cha mẹ ta thiếu sự chăm sóc cho ta chu đáo, thì sự hiện hữu của ta giữa cuộc đời này chẳng có ý nghĩa mà đôi khi ta thành ra tội phạm của cuộc đời. Cho nên, ta có mặt giữa cuộc đời này một cách có ý nghĩa là nhờ ân đức của cha mẹ đối với ta. Vì vậy, ta hãy

làm bất cứ cái gì cho cha mẹ ta vui, dù đó là một việc làm rất nhỏ, như pha một tách trà cho cha mẹ ta uống hoặc giặt một chiếc khăn cho cha mẹ ta lau...

Khi chúng ta làm được điều đó thì thiện pháp trong chúng ta sẽ tăng lên và ác pháp trong chúng ta sẽ lắng xuống. Do vậy, ta sinh ra ở đâu cũng gặp được người cha dễ thương, gặp được người mẹ dễ thương. Chúng ta dứt khoát không làm con của những người cha không dễ thương và người mẹ không dễ thương ngay trong đời này và đời sau.

Chúng ta phải luôn luôn quán chiếu sự có mặt ân nghĩa của cha và của mẹ ta, để chúng ta luôn nghĩ đến sự báo ân cho cha ta và mẹ ta.

Khi một người con có hiếu, có nghĩa với cha mẹ thì người con đó, sống rất hạnh phúc. Hạnh phúc vì người đó biết ân của cha của mẹ, và người vô ân là kẻ dễ tạo ra tội lỗi nhất trên đời. Còn những người luôn luôn biết ân và tìm cách báo ân, là người luôn có khả năng tạo ra hạnh phúc, tạo ra phước đức lớn nhất ở trong đời. Đây là điều mà chúng ta cần phải lưu ý và thường quán chiếu, để cho thiện nghiệp ở trong đời

sống của chúng ta, càng ngày càng tăng và ác nghiệp ở trong đời sống của chúng ta ngày càng giảm.

3. Ân đức của thầy

Điều thứ ba mà chúng ta thường phải quán chiếu, đó là ân đức của thầy. Cha mẹ chúng ta dạy cho chúng ta tình cảm ở trong gia đình. Thầy không những dạy cho chúng ta tình cảm trong gia đình mà còn đối với xã hội, cả đời sống tâm linh của đời này và đời sau. Trong đời, chúng ta có rất nhiều bậc thầy, vì sao? Ngay khi mới lọt lòng thì cha mẹ là người thầy và cô giáo đầu tiên của ta, tập ta nói, dìu dắt ta đi, dạy cho ta bài học đầu tiên về tình cảm huyết thống, lớn lên đi học thì ta có rất nhiều thầy cô giáo tiếp tục nuôi dưỡng và dạy dỗ ta về mặt tình cảm con người và xã hội, về mặt trí thức, dạy cho ta hiểu biết những quan hệ giữa mình và xã hội, giữa mình với đất nước, giữa mình với con người, giữa mình với thiên nhiên, giữa mình với lịch sử của dòng họ, của đất nước và lịch sử của thế giới con người... Tất cả những hiểu biết đó là nhờ sự dạy dỗ của thầy. Không những vậy, chúng ta còn tu tập học hành để chúng ta có hiểu biết về đời sống tâm

linh, để hướng thiện và hướng thượng. Chúng ta biết chắc chắn rằng, chết không phải là hết mà chết là tiếp tục sống. Một sự sống khác gắn liền với những gì chúng ta tạo ra trong hiện tại này. Trong đời sống chúng ta không phải chỉ có thế giới này mà còn có những thế giới khác, nhân duyên của chúng ta còn liên hệ đến những nhân duyên khác và những thế giới khác và giờ phút này có liên hệ đến những giờ phút trong quá khứ và tương lai. Ta có tất cả hiểu biết như vậy là nhờ những bậc thầy của chúng ta đã chỉ dạy cho chúng ta.

Nhờ vậy mà chúng ta tin sâu vào nhân quả hiện tại ta đang có, chúng đã gắn liền với nhân quả của ta từ nhiều đời trong quá khứ, và nghiệp báo của ta trong tương lai, chúng gắn liền với những gì mà chúng ta đang tạo tác ở trong hôm nay. Từ sự hiểu biết nhân quả liên hệ đến nhiều đời như thế, khiến trong đời sống hiện tại chúng ta sống dễ thương, chúng ta ăn nói dễ thương, chúng ta có những cử chỉ dễ thương; cũng nhờ vào sự hiểu biết ấy mà chúng ta có khả năng tha thứ lầm lỗi của những người xung quanh đã từng tạo ra đau

khổ cho ta, cho gia đình chúng ta, cho quê hương xứ sở của chúng ta. Khi chúng ta mở được tâm bao dung và tha thứ như vậy, thì phước đức trong đời sống của chúng ta sẽ tăng lên, khiến cho những điều thiện trong đời sống của chúng ta cũng sẽ tăng lên và điều ác trong đời sống của chúng ta tự lắng xuống. Vì vậy mà chúng ta luôn luôn quán chiếu ân nghĩa của các bậc thầy để dứt ác hành thiện và giữ tâm ý trong sạch.

4. Ân của mọi người và muôn loài

Đại chúng thấy không? Sáng nay mình đi từ chùa Linh Mục lên chùa Từ Hàng được là nhờ ai? Là nhờ cha mẹ mình đồng ý và tạo điều kiện cho mình đi. Mình đi được là nhờ chồng mình đồng ý và tạo mọi điều kiện cho mình đi. Mình đi được là nhờ vợ mình đồng ý và tạo điều kiện cho mình đi. Mình đi được là nhờ con cái đồng ý và tạo mọi điều kiện cho mình đi. Mình đi được là nhờ xã hội và muôn vật tạo mọi điều kiện cho mình đi. Nhờ tất cả những người đó tạo điều kiện, nên mình mới có chuyến đi hôm nay. Nếu mình muốn đi mà cha mẹ, vợ chồng, con cái không tạo điều kiện, thì chắc chắn hôm nay mình không thể đi được. Cha mẹ tạo

điều kiện rồi, vợ chồng tạo điều kiện rồi, con cái tạo điều kiện rồi, anh em tạo điều kiện rồi, nhưng người lái thuyền không tạo điều kiện hoặc mình không có tiền, thì mình cũng không có chuyến đi hôm nay. Tất cả mọi người tạo điều kiện cả rồi, nhưng trời nổi cơn mưa bão thì mình cũng không đi được hôm nay.

Như vậy, chúng ta có được chuyến đi hôm nay là nhờ ân nghĩa của tất cả mọi người và muôn loài đang có mặt với chúng ta, đang đồng hành với chúng ta. Khi ta biết được điều đó thì chúng ta sống rất đẹp, ta sống rất dễ thương, nhìn cái gì mình cũng thấy đẹp, nhìn cái gì mình cũng thấy ân nghĩa đối với mình. Tại sao như vậy? Tại vì mình đã từng có phước đức đối với mọi người và mọi loài, mình đã từng có ân nghĩa đối với mọi người và mọi loài thì khi khởi lên một niệm đi chùa Từ Hàng, đi lên thượng nguồn, đi lên Lương Miêu thì cái duyên đó cùng hội tụ với mình và tạo cho mình một chuyến đi có ý nghĩa. Cho nên ta ngồi đây, ta đang có giây phút này là ta biết ơn tất cả.

Nếu không có thầy Trú trì ngôi chùa này, nếu không có quý Phật tử trong vùng này chăm sóc thì

ngôi chùa trở thành xiêu vẹo, đổ nát và nhất định chúng ta sẽ không có mặt ở nơi đây trong giờ phút hạnh phúc này. Cho nên chúng ta đi là tất cả mọi người, muôn loài, trời đất, vũ trụ, tổ tiên, cha mẹ của chúng ta, cùng đồng hành với chúng ta. Và khi chúng ta ngồi xuống nơi nào, thì tổ tiên, ông bà của chúng ta cũng đang ngồi cùng với chúng ta. Nếu chúng ta quán sát thường trực được như vậy thì hạnh phúc của chúng ta lớn lên vô cùng, niềm biết ơn của chúng ta tràn đầy khắp cả hư không, khắp cả vũ trụ. Tâm chúng ta từ bé nhỏ trở nên rộng lớn, sự nghi ngờ trong cuộc sống của chúng ta tự nó tan biến, nhìn cái gì chúng ta cũng thấy hạnh phúc, nhìn cái gì chúng ta cũng mỉm cười và đâu đâu chúng ta cũng nhìn thấy đức Phật có mặt, nhìn thấy tổ tiên, cha mẹ, thầy bạn của chúng ta đâu đâu cũng có mặt trong ta và ngoài ta. Cho nên, chúng ta đi là đi cho tất cả muôn loài. Đây là điều chúng ta phải thường thực tập và quán chiếu để ở đâu chúng ta cũng sống với hạnh phúc. Chúng ta luôn luôn có hạnh phúc trong mọi không gian chứ không phải chỉ có ở đây và

chúng ta luôn luôn có hạnh phúc trong mọi thời gian, chứ không phải chỉ có bây giờ.

5. Thầy hiền bạn tốt khó gặp

Đại chúng hãy quán chiếu “Thầy hiền bạn tốt khó gặp”. Có một sinh viên ăn chay trường nói với tôi rằng: “Con ra ngoài đường, con thấy cô đơn và đôi khi khó khăn quá”. Điều này nói lên rằng, người đời đồng hành với cái tốt thì quá ít, nhưng đồng hành với cái xấu thì rất nhiều. Tìm một người biết ngồi yên lặng hay ngồi niệm Phật hay biết đi từ thiện là khó lắm. Nhưng rủ cả chục người đánh số đề là có liền. Người ta ghiền đánh số đề đến nỗi, thấy hai chiếc xe tông nhau nằm lẫn ra giữa đường, mà không chịu đỡ họ dậy, người ta chỉ đến ghi số hai chiếc xe đó để về đánh số đề mà thôi. Cho nên đồng hành với người hiền thiện không phải dễ, vì sao? Vì cái ác thì đầy dẫy cả xã hội, còn cái thiện thì quá hiếm hoi. Đồng hành với thầy hiền bạn tốt không phải là dễ đâu, phước đức lắm mình mới gặp được vị thầy dễ thương, người bạn dễ thương biết giúp mình đi trên con đường dễ thương. Nếu mình thiếu phước thì mình sẽ gặp những người

bạn rủ mình đi nhậu hoặc rủ mình đi đánh số đề mà thôi, hoặc chỉ rủ mình đi ăn chơi hư hỏng. Vì vậy, mình thường xuyên quán chiếu thầy hiền bạn tốt rất khó gặp, để khi gặp được một vị thầy dễ thương, gặp được một người bạn dễ thương, thì mình phải trân quý và biết đó là do mình có phước mới gặp và mình phải sống như thế nào để cho cái dễ thương của mình, xứng đáng với thầy hiền, bạn tốt của mình.

Khổ đau của mình, phần nhiều do cha mẹ của mình tạo ra hay do con cái của mình tạo ra hoặc do bạn bè của mình tạo ra. Cha mẹ không dễ thương, tạo ra khổ đau cho con cái, thầy không dễ thương tạo ra khổ đau cho học trò và học trò không dễ thương tạo ra khổ đau cho thầy. Bạn bè không dễ thương tạo ra oán đối, thù hận và làm cho nhau khổ đau. Nhưng, trái lại cha mẹ, anh chị em cũng là điều kiện tạo ra hạnh phúc cho nhau; con cái cũng là điều kiện tạo ra hạnh phúc cho cha mẹ; thầy trò, bạn bè cũng là những điều kiện tạo ra hạnh phúc cho nhau.

Giờ đây, mình sống thật dễ thương để mình có được người cha dễ thương, người mẹ dễ thương,

người anh dễ thương, người chị dễ thương, người thầy dễ thương, người trò dễ thương, bạn bè dễ thương, để mình cùng đi trên con đường đẹp, con đường cao quý và đó không phải chỉ là ước mơ của tất cả chúng ta mà đường như là ước mơ của hết thảy mọi người. Khi mà con người có một chút tư duy, một chút hướng thượng thì ai cũng ước mơ rằng mình gặp một vị thầy dễ thương, gặp được người bạn dễ thương. Thầy có nhiều, bạn có nhiều, nhưng có thầy dễ thương, bạn dễ thương không phải dễ. Cho nên, mình phải thực tập như thế nào để đời này, đời sau đi đâu mình cũng gặp được người thầy dễ thương, người bạn dễ thương. Mình cùng với thầy và bạn đi trên con đường vui, con đường dẫn đến hạnh phúc.

6. Vô thường

Thứ sáu là luôn luôn quán chiếu về “vô thường”.

Sáng nay, Tiến đã kể về nỗi vui và buồn của Tiến. Và Tiến nói rằng, Tiến mới 18 tuổi thôi, nên cái vui là cái vui ở nơi sự học hành và cái buồn cũng là cái buồn ở nơi sự học hành. Hoặc thỉnh thoảng xin tiền mẹ không cho là buồn, thế thôi. Chứ chưa có trải

nghiệm gì, như những người lớn để có những cái vui mà không thể diễn tả được hoặc có cái buồn không thể diễn tả được. Và sau đó Tiến có nhắc đến chuyện cây cau vô thường. Anh Viên cũng từng kể về câu chuyện về vô thường.

Nước lũ (hiểu theo vật lý) cuốn trôi cái này mà có thể không cuốn trôi cái kia, nhưng nước lũ vô thường thì cuốn trôi tất cả. Nó không chừa một thứ gì ở trên thế gian này, ngay cả kim cương cũng bị nước lũ vô thường cuốn trôi. Chúng ta phải thường xuyên quán chiếu rằng, thân thể chúng ta sẽ bị nước lũ vô thường cuốn trôi bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu. Và nó đang cuốn trôi chúng ta trong từng khoảnh khắc, chúng ta cố cưỡng lại cũng không được. Mọi vấn đề chúng ta cố cưỡng lại, nhưng không ai có khả năng cưỡng lại cơn lũ vô thường trong đời sống chúng ta. Khi quán chiếu được như vậy thì cái gì đáng làm là chúng ta làm ngay mà không hẹn ngày mai. Có nhiều người không ý thức được cơn lũ vô thường này, cho nên cứ hẹn để ngày mai rồi tu, ngày mai rồi đi chùa, ngày mai rồi học Phật, ngày mai rồi làm việc thiện.

Chúng ta toàn để dành phần quà cho ngày mai mà chúng ta không đem phần quà đó ra mà tiêu thụ hôm nay. Vì vậy, chúng ta phải quán chiếu vô thường để chúng ta sống hết lòng trong từng giây phút của sự sống mà ta đang có. Chúng ta thở là chúng ta phải thở hết lòng, chúng ta đi là chúng ta phải đi hết lòng, chúng ta nói với nhau cũng nói bằng hết cả tấm lòng mà đừng hên ngày mai. Tôi đã từng kể, anh xe thô chở chị Cháu lên chùa Phước Duyên mỗi sáng chủ nhật và buổi chiều là lên đón về. Hôm đó đi ky dưới nhà anh chị Phúc Loan, chị Cháu điện thoại gọi anh xe thô đó đến nhà đưa chị đi ky, nhưng đưa con trả lời là “ba con đã mất hồi hôm rồi”. Như vậy, chúng ta thấy rằng không ai điều đình nổi với sống chết, với sinh diệt, không ai điều đình nổi với vô thường. Chúng ta có được thân thể quý hiếm này, nên chúng ta phải sử dụng thân thể quý hiếm này cho những mục tiêu tốt đẹp. Còn nếu chúng ta vụng về sử dụng thân thể này cho những mục tiêu thấp kém, thì giá trị tốt đẹp trở thành thấp kém. Khi chúng ta biết sử dụng cái quý

hiếm này cho mục tiêu cao thượng, thì cái quý hiếm này càng trở nên cao thượng.

Chúng ta phải ý thức rằng, cuộc đời biến chuyển rất nhanh chóng. Cho nên những gì cần làm là ta phải làm ngay. Đừng nghĩ rằng mình lớn tuổi mới chết, có nhiều em mới ba tuổi đã bị ung thư máu rồi. Tôi có một người học trò giáo viên 38 tuổi mới lấy chồng là một bác sĩ, 40 tuổi sinh được một đứa con trai, cả hai vợ chồng rất mừng. Nhưng ba năm sau, đứa bé đó bị ung thư máu, cả hai vợ chồng gọi điện ra cho tôi và xin tôi rằng “thầy ơi cứu con trai con với, con trai con bị ung thư máu rồi”. Trước nỗi đau cùng tột của hai học trò mình, tôi chỉ biết nói rằng “thôi được rồi, thầy sẽ lên cầu nguyện cho con của con và hai con cũng hết lòng cầu nguyện cho con mình”.

Như vậy, chúng ta thấy rằng già, bệnh, chết không chừa ai hết. Con lũ vô thường không chừa ai hết. Hễ đủ duyên thì nó xuất hiện, cho nên bây giờ đây, mình đang có thân thể khỏe mạnh, nói được, ăn được, cười được, thở được, đi đứng được, vui cười được thì mình hãy sống một cách trọn vẹn với những gì tốt đẹp

mà mình đang có, đừng để tâm mình nghĩ đến những gì gây thiệt hại cho người khác mà lợi cho mình.

Do đó, người Phật tử thông minh là luôn luôn quán chiếu vô thường, để mình có thể nhìn thấy được những điều tích cực trong cuộc sống, điều đáng làm là làm ngay không có hẹn, nhờ vậy mà phước đức của mình tăng lên và mình sống không có gì ân hận cả. Dù sống giữa vô thường mà ta vẫn thường hành và đồng hành với đời sống tốt đẹp.

7. Sự ưa thích và sợ hãi

Bây giờ đại chúng hãy quán chiếu về “sự ưa thích và sự sợ hãi”. Cái gì mình ưa thích, thì mình ưa bám víu vào nó và muốn nó luôn tồn tại với mình và cái gì mình không ưa thích, thì mình mong cho nó đi qua. Nhưng, thường thường cái mình không thích thì ở lại với mình nhiều hơn, lưu lại trong đầu nhiều hơn, nhưng những điều mình ưa thích thì thường hay bỏ mình mà ra đi. Cho nên, mình biết rằng cái mình ưa thích hay không ưa thích đều chỉ là duyên khởi vô thường mà thôi. Vì vậy mà “oán thù thì mình sợ gặp gỡ mà thương yêu thì mình sợ xa lìa”, nhưng nhân oán

thù mình đã gây ra, thì quả báo oán thù làm sao mà mình có thể tránh được? Đã gieo nhân rồi thì quả làm sao mà tránh khỏi. Nhân oán thù ta đã gây ra, vậy quả báo oán thù xảy đến, làm sao ta tránh khỏi được? Khi hiểu ý này rồi, thì mình thực tập chuyển hóa hạt giống oán thù và nếu giận ai, thì chỉ giận một chút thôi, đừng để cơn giận kéo dài qua đêm, vì để cơn giận kéo dài qua đêm là nguy hiểm, vì sao? Vì cơn giận sẽ thấm sâu vào tâm mình tạo thành hạt giống xấu ác, khiến cho tâm ta bị bức hại, khiến cho sự an lạc trong đời sống của ta bị diệt mất. Tâm ta thường nghĩ và nhớ về hình ảnh xấu ác ấy để tìm cơ hội báo thù, khiến cho sự oán thù giữa ta và người không thể chấm dứt. Mình ghét theo cách của đời thường là rất nguy hiểm, nhưng mình thương theo kiểu đời thường thì cũng không có gì bền vững cả, vì sao? Vì mình thương họ là khi họ đáp ứng được những nhu cầu của mình, còn đến khi họ không đáp ứng được những nhu cầu của mình là mình không thương nữa. Cái thương như vậy là rất nguy hiểm, vì nó là trá hình của ghét, trá hình của sự oán đối. Đây là điều mà quý vị phải ý thức cho được.

Nếu mình thương mà không cần điều kiện nào ở nơi người mình thương, thương chỉ là thương thôi, thì lúc nào và ở đâu mình cũng có hạnh phúc. Và trong tình thương đó, mình không hề gây ra bất cứ một chất liệu sợ hãi nào cho chính mình và cho chính người mình thương. Thương chỉ là thương thôi, giống như mặt trời thương chúng ta, mặt trời thương cỏ cây hoa lá, thương như vậy thì ai cũng hạnh phúc, vì mặt trời không đòi hỏi bất cứ một điều kiện nào, từ nơi chúng ta hay từ nơi cỏ cây hoa lá. Mặt trăng thương chúng ta cũng không đặt điều kiện nào với chúng ta, với cỏ cây hoa lá hết, nên con người và muôn vật tiếp nhận tình thương từ mặt trăng, mặt trời rất là tự nhiên và bình an vô cùng.

Cho nên thực tập điều thứ bảy này là “thương chỉ là thương thôi”, thì oán thù và sợ hãi sẽ lắng xuống trong đời sống của chúng ta. Nếu chúng ta thương mà không phải chỉ là thương thôi, thì mọi cái thương của chúng ta sẽ trở thành ra ghét.

8. Buông bỏ tâm hơn thua

Tâm hơn thua làm cho thế giới này tiêu hao năng lượng không phải ít. Nhưng xét cho cùng thì ai hơn ai? Mình hơn người ta cái này thì người ta hơn mình cái khác, mình thua người ta cái này nhưng người ta thua mình cái kia. Cho nên mặc cảm hơn, mặc cảm thua mình phải buông bỏ, đúng với chân nghĩa là không ai hơn ai. Vậy không hơn, không thua, thì bằng, nhưng thật ra cũng không có ai bằng ai cả, cho nên mình phải buông bỏ cái tâm kiêu ngạo hơn, buông bỏ tâm mặc cảm thua và tâm cho mình bằng người cũng cần phải buông bỏ luôn, thì mình sẽ có rất nhiều hạnh phúc, mình sẽ có rất nhiều bạn. Mình hơn người ta cái này, thì người ta hơn mình cái khác, mình thua người ta cái này thì người ta thua mình cái khác, mình ngang bằng người ta cái này thì mình không ngang bằng người ta cái khác. Cho nên hãy buông bỏ tâm so đo hơn, thua và bằng, thì mình ở đâu cũng hạnh phúc ở đâu cũng an lạc và oán đối trong đời sống của mình sẽ chấm dứt, mình sẽ có tự do rất lớn trong đời sống của mình. Sở dĩ mình không có sự tự do

trong đời sống, bởi vì mình bị ràng buộc bởi cái tâm hơn, thua và bằng này. Thấy nhà bên cạnh xây nhà ba tầng, mình cũng cố gắng ngày đêm làm lụng để xây dựng ngôi nhà cho được ba tầng như họ. Nhưng, dù ta có xây dựng ngôi nhà ba tầng bằng họ đi nữa, thì đó chỉ là bằng bên ngoài, nhưng cách thiết trí trong nhà và nhất là cách sống trong nhà cũng không thể nào giống nhau được. Họ nhiều con, mình ít con cũng không bằng. Họ nhiều con trai mình ít con trai cũng không bằng. Họ con đũa nào cũng đạo hạnh, đũa nào cũng hiếu nghĩa, còn mình cũng nhà ba tầng, cũng có ba con trai như họ, nhưng ba đũa con của mình, lại không có hiếu nghĩa như ba người con trai của nhà họ, thì có bằng không? Cho nên phải buông bỏ ý niệm so sánh về bằng, thì mình mới có tự do, mới có hạnh phúc trong đời sống của mình. Như vậy, chúng ta có còn ưa hơn nữa không? Khi buông bỏ được tâm hơn, thua và bằng đối với người khác thì mình sẽ cảm thấy nhẹ nhàng trong cuộc sống. Nhân duyên của mình ngang đâu, thì quả của mình ngang đó và mình thọ dụng ngang đó, sống với tâm như vậy, mình sẽ nhẹ

nhõm trong cuộc sống rất nhiều. Tâm hơn, thua, bằng đeo nơi tâm mình, ví như những viên đá đeo đẳng trong đời sống của mình. Và nếu mình đi nhanh thì nó đưa qua, đưa lại nhiều, và nó đánh qua, đánh lại trong đời sống của mình nhiều, khiến đời sống của mình bị thương tích nhiều. Cho nên, nếu ai đeo đuổi tâm hơn, thua, bằng đó để sống, thì chẳng khác nào tự đeo đá vào trong người của mình, càng chạy đua càng chết. Đây là điều chúng ta phải thường quán chiếu để thực tập và buông bỏ những hạt giống so sánh hơn, thua và bằng ngay ở nơi tâm của chúng ta.

9. Chấm dứt mọi tranh cãi

Tại sao mình phải tranh cãi?

Khi tranh cãi mà hơn người thì cái gì nơi mình phát sinh?

- Tâm kiêu ngạo phát sinh.

- Khi mình hơn người mình sẽ nhận cái oán thù từ đối phương. Cho nên mình phải chấm dứt mọi tranh cãi. Không cần tranh cãi, vì như tôi đã nói là không có hơn, thua, hoặc bằng. Cho nên ai nhất thì mình nhì, nếu ai hơn nữa thì mình thứ ba, phải không?

- Trong một xã hội trật tự, ai đến trước đứng trước, ai đến sau đứng sau. Một xã hội lộn xộn, phức tạp bởi vì người đến sau mà thích đứng trước, đứng vị trí đứng trước lại không chịu đứng mà chạy lui đứng ở phía sau, làm gây xáo trộn. Có khi khiêm tốn quá, lại thành ra phá trật tự. Người lớn tuổi, phẩm chất lớn, lại không chịu ngồi nơi vị trí của mình mà ngồi sau người nhỏ tuổi và người có phẩm chất nhỏ, làm lúng túng cho người trẻ, ngồi sau như vậy không phải là khiêm tốn mà phá hoại trật tự. Có khi khiêm tốn mà lại sai, vì thiếu trí tuệ, khiêm tốn phải có trí tuệ, thì sự khiêm tốn ấy mới có ý nghĩa và lợi ích. Đức Phật từng dạy: “pháp nào an trú đúng pháp ấy, thì mọi hình thái thế gian trở nên ổn định và bền vững”. Con chim nó đậu trên cành cây để hót và bay trong không gian, con cá thì ở dưới nước để bơi lội, vẫy đuôi, thế mà chim ưa xuống dưới nước để tranh giành nước với cá và cá lại ưa lên trời để giành không gian của chim. Chim cá giành nhau như vậy có được không? Không được, vậy mà chúng cũng ưa giành nhau cho nên gây lộn xộn. Cho nên đức Phật dạy “pháp nào an trú đúng vị trí của

pháp ấy”. Người nào có nhân duyên, nhân quả của người nấy, thì cứ để cho họ an trú, thọ dụng đúng như mức mà họ đáng được hưởng, chứ mình có giành cũng không được, có cố gắng giành cho mấy đi nữa, thì cũng không được. Nhân duyên, quả báo của mình ngang đâu, thì mình thọ nhận ngang đó. Bao tử của mình chứa ngang đâu, thì mình thọ dụng ngang đó, chứ không thể lạm dụng quá sức chứa đựng. Và dẫu cho thiên hạ nhường cho mình ăn hết, thì mình cũng không thể ăn hết nổi. Chính nhiều người trong xã hội không ý thức điều này, nên ham quá mức, cuối cùng làm nhà cửa để không, cho chó, chuột, nhện ở và rồi sinh sự và gây nhau. Nếu mình không ý thức được điều này, thì càng sống, mình càng lỗ bịch. Khi ta hiểu ở trong đời “pháp nào an trú đúng vị trí của pháp nấy”, thì mình sự tranh cãi hơn thua nơi tâm ta sẽ chấm dứt một cách nhẹ nhàng. Trước đây, tôi có làm bài thơ: **Cõi huyền**, xin đọc tặng đại chúng:

*Biết vui thì ở nơi này,
với hoa cỏ đá cũng đầy mộng mơ;
Biết vui am lá hóa thơ,
cõi này cũng đẹp còn mơ cõi nào;
Cõi này cũng có trăng sao,
có ngàn vạn lối để vào như nhiên;
Chim reo hót, đá tham thiền,
cõi huyền nhiệm đó một tìm nơi đâu;
Cõi huyền giữa cõi bể dâu,
nếu không dâu bể có đâu cõi huyền.*

Cho nên mình không cần tranh cãi và nếu có người chê mình là người không biết tranh cãi, thì mình cũng chỉ cười và chấp tay mô Phật! Tôi không biết tranh cãi, nhưng tôi biết sống, tôi biết thưởng thức cuộc sống, tôi biết tiêu thụ và ứng xử với cuộc sống. Còn tranh cãi cho nhiều để được hơn, thì cũng như mấy chú kiến hì hà hì hục, tha mồi về cho nhiều rồi cũng chẳng được gì. Cho nên mình không cần tranh cãi với cuộc sống, mà vốn cuộc sống có cần tranh cãi với ai đâu. Mọi chuyện hoạt động đều tự nhiên, con gà

cứ ba giờ sáng là dậy gáy sáng, mặt trời cứ đúng giờ là xuất hiện, mặt trăng cứ đến ngày rằm thì tròn, và hết rằm thì khuyết, chứ có ai làm cho mặt trăng tròn và có ai làm cho trăng khuyết đâu nhỉ! Thủy triều cứ giờ đó thì lên và cứ giờ đó thì nó xuống, chỉ có con người vì tham dục quá mức, nên làm xáo trộn quy luật tự nhiên của trời đất và tạo ra cái bất ổn cho cuộc sống. Như chúng ta thấy, những điều mà hiện nay các nhà khoa học la làng lên, đó là do con người lạm dụng thiên nhiên quá mức, khiến cho đời sống con người vốn đã mong manh lại càng thêm mong manh. Con người chúng ta có tranh cãi để hơn cái mong manh đang diễn ra trước mắt chúng ta không nhỉ!

10. Nuôi lớn tâm bồ đề

Đức Phật dạy: “tất cả chúng sinh đều có Phật tính”. Phật tính là tính dễ thương nhất ở nơi mỗi chúng ta. Có vị hỏi tôi: Phật tính là gì? Tôi nói rằng, Phật tính là cái dễ thương nhất ở nơi quý vị, quý vị về ôm ấp cái dễ thương nhất nơi quý vị, nuôi nó và phát triển nó ra trong đời sống của mình qua đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, tiếp xúc, phát triển cái dễ thương đó

đến chỗ hoàn hảo thì đó là Phật tính. Phật tính là tác nhân để có một vị Phật ra đời. Vị Phật đó là ai? Chính là cái tâm hoàn hảo nơi chúng ta biểu hiện. Bởi vậy, chúng ta hãy quay về ôm ấp cái dễ thương nhất ở nơi chúng ta. Chắc chắn trong mỗi chúng ta, ai cũng có cái dễ thương, nhưng chúng ta hãy tìm cho ra cái dễ thương nhất để ôm ấp và sống với cái dễ thương nhất đó, phát triển nó ra ngay trong đời sống. Ai cũng có cái dễ thương và ai cũng phát huy cái dễ thương đó đến chỗ cùng tốt, thì chúng ta sẽ có rất nhiều vị Phật. Vì vậy mà đức Phật Thích ca dạy, Phật nhiều như số cát sông Hằng, nghĩa là Phật nhiều lắm.

Phật là gì? Phật là sự hoàn hảo nhất ở nơi tâm của mỗi chúng ta, Phật là sự hoàn hảo nhất ở nơi mỗi hành động của mỗi chúng ta. Khi tâm chúng ta hoàn hảo, chúng ta có hành động hoàn hảo, chúng ta có lời nói hoàn hảo, chúng ta có cách ứng xử hoàn hảo thì chính cái đó là Phật, Phật là cái đó.

Thưa quý vị, trên đây là mười điều chúng ta cần thực tập, không phải chỉ thực tập năm 2014, mà chúng ta thực tập trọn đời, không những trọn đời mà còn

nhiều đời, không phải nhiều đời mà còn nhiều kiếp, nghĩa là chúng ta thực tập cho đến khi nào mà cái tính dễ thương ở nơi mỗi chúng ta trở thành hoàn hảo. Hoàn hảo ngay trong tâm hồn, hoàn hảo ngay trong cuộc sống và hoàn hảo ngay trong mọi ứng xử. Chúng ta hãy hành động ngay từ bây giờ, bởi vì chúng ta vốn có sự hoàn hảo ngay trong tâm. Sự hoàn hảo ngay trong tâm chính là Phật tính. Chúng ta hãy hành động theo Phật tính mà không hành động theo bất cứ một tính gì khác.

Quý vị biết không, thành phố Huế có mấy trăm ngàn người mà lên đây được mấy người, thì quý vị biết phước đức của quý vị lớn và may mắn như thế nào rồi.

Khi nghe tôi thỉnh tiếng chuông, quý vị hãy nhìn sâu vào dòng chảy phước đức của mình để cảm nhận một cách sâu sắc. Cảm ơn đại chúng đã lắng nghe và tôi xin chấm dứt buổi pháp thoại. Cầu nguyện Tam bảo gia hộ cho tất cả chúng ta an lành.

Nhẫn và nhẫn Ba-la-mật

(Pháp thoại: Thầy Thích Thái Hòa giảng cho Học chúng Văn Thù vào ngày tất niên năm Quý Tỵ)

Nam mô A-Di-Đà-Phật!

Thưa đại chúng, hôm nay ngày 12/01/2014, nhằm ngày 12 tháng chạp năm Quý Tỵ.

Giữa dòng sông Hương thành phố Huế, học chúng Văn Thù Sư Lợi chùa Phước Duyên - Huế tổ chức buổi lễ phóng sanh, phóng đăng, cầu an và tất niên.

Trong các lần sinh hoạt trước đây, chúng tôi đã có hai thời pháp thoại:

- Thứ nhất là bố thí và bố thí Ba-la-mật.
- Thứ hai là trì giới và trì giới Ba-la-mật.

Hôm nay tôi xin tiếp tục chia sẻ với học chúng loại thứ ba là nhẫn và nhẫn Ba-la-mật.

Thưa đại chúng, hạnh nhẫn là một trong những hạnh của các vị Bồ tát hay nói đúng hơn là hạnh thực tập của người Phật tử. Nhẫn - tiếng Phạn là ksanti và tiếng Pali gọi là khanti, có nghĩa là sự kiên trì, sự

kham nhẫn. Ở đời này, muốn thành công trong mọi công việc thì phải kham nhẫn, nếu không kham nhẫn ta sẽ không thành công bất cứ một công việc gì, dù là một công việc rất nhỏ. Quan trọng hơn, nếu muốn thành tựu một công việc về trí tuệ, về từ bi chúng ta lại càng phải kham nhẫn.

Ta muốn học hỏi thì phải kham nhẫn mới đưa sự học hỏi đến thành công và nếu chúng ta thương ai cũng phải kham nhẫn mới thương được, còn nếu không kham nhẫn, mình sẽ không thương ai được hết. Ngay cả việc mình thương cha mẹ mình cũng phải kham nhẫn mới thương được, cha mẹ mình khi lớn tuổi sẽ trở nên trái tính, khó chịu, cho nên người con phải kham nhẫn với cha mẹ mình mới thực hành hạnh hiếu với cha mẹ mình được. Cha mẹ thương con cái cũng phải kham nhẫn mới thương được. Con mình sinh ra, nhưng đôi lúc nó rất bướng, nó xin tiền để nạp tiền học, xin tiền để nạp card điện thoại, xin tiền để may áo quần, xin tiền để mua xe cộ... nhưng không phải vì vậy mà mình nói gì nó cũng nghe đâu, muốn thương con cũng phải thật kham nhẫn mới thương

được phải không? Cho nên, kham nhẫn là một phép lạ để cho mình tạo ra phước đức, trong phước đức đó có cả hai chất liệu trí tuệ và từ bi. Vì vậy, kham nhẫn hay nhẫn nhục là chất liệu tạo nên người Phật tử, người Phật tử ở đâu cũng kham nhẫn và ở đâu cũng chịu đựng. Kham nhẫn có mười loại:

1. Nội nhẫn

Nghĩa là mình phải kham nhẫn với chính mình. Khi gặp những thứ làm xác thân đau đớn hay tâm trí khủng hoảng thì mình không sinh phiền não, bực bội. Điều này rất khó, đôi khi mình cũng không chịu nổi với cái thân và cái tâm của mình đâu, nên mình phải kham nhẫn với cái tâm và cái thân của mình. Nếu mình không kham nhẫn được với cái tâm của mình thì cũng không thể kham nhẫn với cái tâm của người khác. Mình không kham nhẫn với cái thân của mình thì mình cũng không thể kham nhẫn với cái thân của người khác.

2. Ngoại nhẫn

Nghĩa là kham nhẫn đối với các ngoại cảnh. Khi đối diện với những hoàn cảnh khổ đau bên ngoài,

mình không sinh lòng sân hận. Khi nhìn sắc, mình phải kham nhẫn mới thấy được bản chất của sắc. Khi nghe âm thanh, mình cũng phải kham nhẫn mới nghe được âm thanh đúng như tự thân của nó. Khi ngửi hương vị cũng vậy, mình phải kham nhẫn mới ngửi được đúng cái bản chất hương tỏa ra. Đối với các mùi vị, mình cũng phải kham nhẫn mới cảm nhận được mùi vị do các món ăn đem lại. Tiếp xúc cũng vậy, mình cũng phải kham nhẫn, khi đó mình mới tiếp xúc được với cái dễ chịu, khó chịu, trơn, nhám trong đời sống hàng ngày. Đối với những ấn tượng tồn đọng lại trong tâm, mình cũng phải kham nhẫn thì mới tiếp xúc được đúng với những ấn tượng đó.

Cho nên, tiếp xúc với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp bên ngoài, mình cũng phải kham nhẫn, mình mới thành tựu được đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Quý vị thấy trong đời sống chúng ta, trong sinh hoạt hàng ngày có vượt ra ngoài sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp không?

Mình nhìn một hình ảnh không khả ái, tự nhiên cái sân của mình nổi lên, mà giữa thế gian này cái sắc

nào là sắc khả ái đối với mình? Đối với mọi sắc đều là biến chuyển vô thường cả. Cho nên, giây phút trước nó khả ái, nhưng giây phút sau lại không khả ái. Nhìn một hình sắc trước đó cho mình cảm giác dễ chịu, nhưng ngay sau đó nó có thể sinh ra cảm giác khó chịu. Khi ăn no, mình nhìn hình sắc nó khác, khi đói mình nhìn hình sắc nó khác, khi vui mình nhìn hình sắc khác, khi buồn mình nhìn hình sắc khác. Vậy, muốn thấy được tự thân của thực tại, mình phải có ngoại nhãn mới thấy được thực tại tự thân của mọi hình sắc.

Nghe âm thanh cũng phải kham nhẫn mới nghe được, khi vui mình nghe âm thanh với sự cảm nhận khác, khi buồn nghe âm thanh, mình cảm nhận khác, khi vô tâm, nghe âm thanh mình khác, khi chú ý nghe âm thanh, mình cảm nhận khác. Có phải ở giữa đời sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp đem lại hạnh phúc hay khổ đau cho mình không?

Trong thế gian này, hạnh phúc hay khổ đau không ra ngoài sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Khi tay tiếp xúc vào lửa, nếu hơi ấm vừa phải, ta có cảm

giác dễ chịu, nhưng nếu để lâu, nóng quá, cảm giác khó chịu liền phát sinh trong ta. Bây giờ đây, khi tiếp xúc với nhau như thế này, mình cũng phải kham nhẫn. Như quý vị thấy, ở đây mấy chục người thôi, nhưng không ai giống ai hết và nếu không có ngoại nhân mình sẽ không có hạnh phúc đâu. Cũng là đàn ông cả, nhưng không có đàn ông nào, giống đàn ông nào; cũng là phụ nữ cả, nhưng không có người phụ nữ nào giống người phụ nữ nào hết. Mình cần phải thực tập kham nhẫn trong mọi nhận thức, chúng mới có thể chế tác ra hạnh phúc cho ta. Đây là ngoại nhân, do ngoại nhân như vậy mà hạnh phúc có mặt trong đời sống của chúng ta; do ngoại nhân như vậy, mới nuôi lớn trí tuệ của chúng ta và nuôi lớn tình thương của chúng ta đối với cuộc đời, đối với mọi người và đối với muôn loài.

3. Pháp nhẫn

Pháp nhẫn là kiên trì học hỏi chánh pháp của Phật dạy. Khi có kiên trì mới học được chánh pháp. Vì chánh pháp của đức Phật dạy rất sâu thẳm và vi diệu, nhưng cái sâu thẳm vi diệu đó, lại được đức Phật dạy rất thực tế. Điều thực tế ấy, mình phải kham nhẫn,

phải kiên trì chiêm nghiệm và quán chiếu, để bung vỡ ra cái giáo lý thâm sâu ở trong lời dạy của đức Phật. Như vậy, mình phải kham nhẫn để học hỏi chánh pháp, mình đừng cho rằng, câu kinh đó dễ, nên mình đã hiểu rồi. Câu kinh Phật dạy, năm này mình hiểu như thế này, nhưng năm sau mình hiểu khác hơn, sang năm sau nữa mình hiểu khác hơn nữa. Trong hoàn cảnh này mình hiểu khác và trong hoàn cảnh khác mình sẽ hiểu khác. Khi chưa tu mình hiểu khác, tu rồi mình hiểu khác và khi tu thuần thục, mình lại hiểu câu kinh đó khác nữa. Do vậy, kinh đức Phật dạy là thậm thâm vi diệu, nếu trải qua vô lượng kiếp mà mình không kham nhẫn thì mình không thể khám phá được ý nghĩa thâm sâu trong lời Phật dạy. Có đôi người tự mãn cho rằng, mình hiểu kinh Phật hết rồi, tôi đã nắm hết các giáo lý của Phật dạy rồi... từ đó sinh ra tâm kiêu mạn và chính tâm đó, gây hạn chế cho trí tuệ của mình, trở ngại cho tình thương của mình, trở ngại cho cái đức hạnh của mình. Vì vậy, mình phải có kham nhẫn để nuôi lớn sự quán chiếu khi nghe pháp, học pháp, đàm luận về pháp và thực hành pháp. Thực hành

pháp mà không kham nhẫn là không làm được. Ví dụ, như ngồi thiền, nếu mình không thực tập thường xuyên thì một phút cũng không ngồi được, nhưng muốn ngồi được mười phút, thì phải thực tập ba phút, rồi tăng lần lên bảy phút, rồi mười phút, rồi hai giờ... Có vị ngồi suốt cả ngày, có vị ngồi suốt cả ba tháng ở trong thiền định, nhưng muốn có ba tháng thì mình phải ngồi cho được một phút đàng hoàng, đó gọi là pháp nhẫn.

4. Tùy Phạt giáo nhẫn

Tùy Phạt giáo nhẫn là thuận theo lời Phật dạy và áp dụng lời Phật dạy vào trong đời sống của mình. Đức Phật dạy rằng, mình chạy theo lòng tham của mình thì sẽ bị lòng tham của chính mình nhận chìm thiện căn xuống và nếu mình buông bỏ lòng tham, thì mình sẽ nhẹ nhàng nổi lên trên. Khi nghe đức Phật dạy như vậy thì khó hiểu và khó tin. Vì thường thường mình chạy theo lòng tham mà giờ đây đức Phật bảo mình bỏ cái tham đó đi, ai bỏ được bao nhiêu thì nhẹ bấy nhiêu. Thời đại bây giờ kêu nhau hùn vốn đầu tư để lấy lời, để có lợi nhuận thì thích, nhưng lại bảo

mình buông bỏ những việc làm lợi đó đi, vì nó không có hạnh phúc thì rất khó nghe và khó tin. Nhưng, nếu mình áp dụng theo lời dạy của đức Phật, mình sẽ thấy lời dạy đó rất đúng. Nhờ tùy thuận theo lời Phật dạy, mỗi người tùy theo hoàn cảnh của mình mà thực tập, cho nên đức Phật dạy có đến tám vạn bốn ngàn pháp môn. Tùy theo hoàn cảnh của từng người mà áp dụng lời Phật dạy vào trong đời sống của mình. Do áp dụng điều đó mà mình có kết quả, chứ không phải mình lý luận giỏi, mình trình bày Phật giáo giỏi mà có kết quả đâu. Kết quả của Phật học là khi biết ứng dụng Phật học vào ngay trong đời sống của mình, Phật học không phải là triết lý mà là một khoa học ứng dụng. Cho nên, ai không thực hiện lời Phật dạy thì vĩnh viễn không thể hiểu được lời đức Phật dạy. Mình phải kham nhẫn lắm, mới thực hành được lời Phật dạy. Cũng như hôm nay, quý vị đến được đây, vì quý vị đã khéo sắp xếp, phải kham nhẫn, phải động viên nhau, phải tính toán lắm, mới có được giờ để đi như thế này. Có người ưa đi, quyết định đi, nhưng đến giờ chót trở ngại không đi được, mình muốn là một chuyện mà

thành tựu hay không là chuyện khác, nó phụ thuộc nhiều yếu tố, cho nên phải kham nhẫn, mình mới đạt được cái mình muốn. Như chị Nguyệt Liên, hôm nay rất thích đi, nhưng không thể đi được, do công việc cơ quan quá bận rộn. Mặc dù trước đây đã sắp xếp công việc ổn thỏa rồi, nhưng đến phút cuối cùng không đi được, rất là tiếc. Mình đi được hôm nay là một sự màu nhiệm. Do kham nhẫn như vậy, tạo nhân, tạo duyên như vậy, mình mới có được giờ phút này. Nhân mà sinh ra được quả, thì nhân phải kham nhẫn với duyên. Kham nhẫn là duyên, nhưng có khi thuận duyên, có khi lại nghịch duyên. Một bông hoa sinh ra từ một cành cây là cây phải kham nhẫn với thời tiết bốn mùa, nhân mà không kham nhẫn với duyên, duyên không kham nhẫn với tác động của nhân, thì không bao giờ có quả cả. Khi kết quả thành tựu, thì trong kết quả đó, có mặt của sự kham nhẫn của nhân đối với duyên và của duyên đối với nhân.

5. Vô phương sở nhẫn

Vô phương sở nhẫn tức là kham nhẫn đối với mọi không gian, mọi thời gian, có như vậy mình mới

thành tựu. Ở mọi nơi, mình phải biến không gian đó thành không gian của mình, thành ra không gian của tâm ý. Người biết vô phương sở nhẫn là người biết rất rõ cái giận của mình đến không có phương sở nào cả, biết rằng còn có duyên thì nó tới, hết duyên thì nó đi. Ví dụ, có một người nói một câu châm biếm làm mình khó chịu và cơn sân của mình nổi lên, nhưng nếu kham nhẫn để ngồi nhìn cơn sân, thì mình thấy cơn sân đó, không đến từ đâu cả và không đi về đâu cả. Khi đủ duyên thì nó tới và nó ẩn diệt khi duyên không còn. Biết như vậy để ở đâu, chúng ta cũng kham nhẫn được, chứ không phải chỉ khi lên chùa mới kham nhẫn, còn ở nhà mình không kham nhẫn hay là kham nhẫn đối với người này còn không kham nhẫn đối với người khác. Nếu quý vị tôn trọng tôi chưa chắc tôi đã hạnh phúc, nhưng quý vị lại có hạnh phúc trước; có lúc quý vị tôn trọng tôi làm cho tôi khó chịu; có khi quý vị khinh tôi, nhưng quý vị lại thiệt hại trước. Giống như mình chăm sóc một bông hoa là mình hạnh phúc trước, chứ hoa đâu có hạnh phúc. Như vậy, mình thương ai thì mình

hạnh phúc trước và ghét ai thì mình đau khổ trước, đây là điều mà chúng ta nên quán chiếu.

6. Tu xứ xứ nhẫn

Người tu xứ xứ nhẫn là người kham nhẫn với tất cả các đối tượng, kham nhẫn với tất cả mọi loài. Mình nuôi con chó mình phải thương nó thì mới đem lại sự bình an cho nó được. Ở chùa Phước Duyên, mấy chú điếu cho chó ăn, nó không ăn, hoặc ăn không hết, nhưng thầy Thái Tịnh cho các chú chó ăn thì nó ăn hết. Vì sao? Vì mấy điếu cho chó ăn, nhưng không kham nhẫn và chưa chu đáo. Đĩa đựng thức ăn cũ hôm qua chưa rửa sạch, lại đổ thêm cơm vào, nên nó không ăn. Còn thầy Thái Tịnh trước khi cho chó ăn, thầy rửa đĩa thật sạch, múc cơm trộn thức ăn thật đều, xong thầy vuốt nhẹ lên lưng chó và nó ăn hết sạch cơm, vì nó cảm thấy được chăm sóc, vỗ về, nên nó ăn rất hạnh phúc. Như vậy, quý vị thấy, cho chó ăn cũng không phải dễ. Mình thiếu đức, thiếu trí múc nước cho chó, nó không uống, đưa cơm nó không ăn. Cho nên mình cho ai cái gì, thì ngoài trí tuệ và tình thương, mình còn phải kham nhẫn nữa. Cho nên, phải tu xứ xứ nhẫn,

nghĩa là kham nhẫn trong chất liệu trí tuệ và từ bi đối với mọi người và mọi loài.

Nhẫn ở đây là tu trong mọi động tác đi, đứng, nằm, ngồi, ăn, uống, nói, cười và làm việc. Tất cả mọi động tác đều phải thực tập kham nhẫn ở trong trí tuệ và từ bi. Vì rõ ràng, mình hạnh phúc không phải chỉ có đi mà còn hạnh phúc trong cái đứng, cái ngồi, cái nằm, cái cười, cái im lặng,... nữa chứ. Hạnh phúc của mình là một sự hòa điệu của đi, đứng, nằm, ngồi, nói, cười, ăn uống, làm việc. Tất cả những cái đó hòa điệu với nhau trong kham nhẫn để mình thực hiện chất liệu trí tuệ và từ bi, nhằm nuôi lớn chất liệu trí tuệ và từ bi đó viên mãn trong đời sống. Mình đã có phước báu để có được cái đi, nhưng phải tu tập thế nào, để cho cái đi đó, sinh ra chất liệu trí tuệ và từ bi. Mình phải đứng như thế nào, để cho cái đứng đó, sinh ra chất liệu trí tuệ và từ bi. Mình phải ngồi như thế nào, để cho cái ngồi đó, sinh ra chất liệu trí tuệ và từ bi. Mình phải nằm như thế nào, để cho cái nằm đó, sinh ra chất liệu trí tuệ và từ bi. Mình phải ăn như thế nào, để cho cái ăn đó, sinh ra chất liệu trí tuệ và từ bi. Mình phải uống

như thế nào, để cho cái uống đó, sinh ra chất liệu trí tuệ và từ bi. Mình làm việc thế nào, để cho cái làm việc của mình, sinh ra chất liệu trí tuệ và từ bi. Khi chất liệu trí tuệ sinh khởi, thì vô minh không còn và ta không tạo nghiệp sinh tử, ta không tạo thêm nghiệp cho ta; tình thương trong ta có, nên ta không tạo ra oán thù trong cuộc sống này. Bạn bè mình chơi với nhau mà không sinh khởi vô minh, không sinh khởi oán thù, thì đó là một cuộc chơi đầy hùng tráng, đầy hạnh phúc, chơi như vậy mình nên chơi. Còn có những cuộc chơi, sau khi tàn rồi, mà đầy những oán đối và trách móc, chứng tỏ rằng cuộc chơi đó, không có chất liệu của kham nhẫn của trí tuệ và từ bi.

7. Phi sở vi nhẫn

Nghĩa là lòng nhẫn nại chẳng phải do một nhân duyên nào đó sinh ra, cũng chẳng vì lý do sợ sệt, hay vì lý do muốn thi ân, hay muốn thuận theo tình hình, hay vì hổ thẹn. Tức là cách tu tập sự nhẫn nại, chẳng phải vì do một áp lực nào bên ngoài thúc đẩy. Mình phải kham nhẫn với mọi sự tương, mặc áo mình cũng phải kham nhẫn thì khi đó mình mặc áo mới đẹp được.

Tôi thấy có người mặc áo không có đẹp, vì họ vừa đi, vừa mặc, nhất là người nữ mà vừa đi, vừa mặc áo là xấu lắm, khi mặc áo mình đứng lại cho đàng hoàng, lấy áo ra rũ cho thẳng, rồi mặc, như vậy có đẹp không? Đôi khi chỉ mặc áo thôi, cũng là một bài thuyết pháp, mình cứ lạm dụng thời đại bây giờ là thời đại công nghiệp, hiện đại hóa, cho nên không có thì giờ, vừa đi, vừa mặc, vừa đi vừa ăn, vừa đi vừa uống, những hành động như vậy không có gì đẹp để cả, mình tự đánh mất cái đẹp của mình. Con người hoạt động theo thú tính nguy hiểm vô cùng, cho nên mình phải kham nhẫn với mọi sự tướng, mình có kham nhẫn trong cái đi, mình mới có tướng đi đẹp; mình có kham nhẫn trong cách ngồi, mình mới có tướng ngồi đẹp; mình có kham nhẫn trong cái đứng, mình mới có cái tướng đứng đẹp; mình có kham nhẫn trong cái nằm, mình mới có tướng nằm đẹp. Chúng ta có ai mà không thích đi đẹp không? Chúng ta đã từng xem quân đội diễu binh thì chúng ta đã từng thấy họ đi rất đẹp, rất đều nhau, mà muốn đạt được như vậy họ phải luyện tập, phải kham nhẫn. Khi tôi đi tới Bắc Kinh -Trung

Quốc vào buổi chiều, tôi đã nhìn thấy họ làm lễ hạ cờ ở Thiên An Môn rất đẹp. Họ đi đều theo tiếng nhạc, khi lá cờ được hạ xuống và xếp cũng thể hiện sự kham nhẫn. Họ không làm vội vã như chúng ta đâu, hạ cờ như thế nào, xếp cờ như thế nào, bao nhiêu người và đứng như thế nào, tất cả đều làm rất công phu, rất tỉ mỉ, thể hiện sự kham nhẫn tại mỗi động tác của họ làm. Cái kham nhẫn đó, họ luyện tập trở thành điều luyện, nghệ thuật. Mình nhìn thật thích và dường như chiều nào người dân Bắc Kinh cũng ra ngắm quân đội hạ cờ tại Thiên An Môn.

Đức Phật dạy phải kham nhẫn ở nơi mọi sự tướng, tất cả tướng nào, mình cũng phải nhẫn nhục mới nuôi được tướng đó trong chất liệu trí tuệ và từ bi, làm cho tướng đó trở thành trang nghiêm tướng. Cho nên, muốn có cái tướng đẹp, mình phải kham nhẫn, phải tôi luyện để cái tướng đó đẹp từ nơi chất liệu trí tuệ và từ bi, đẹp từ nơi sự kham nhẫn. Mình muốn viết chữ đẹp, mình cũng phải kham nhẫn mới viết được phải không? Đứa bé nào được cô giáo dạy mà rèn luyện các chữ ABC ban đầu đâu ra đó, thì đứa bé đó

lớn lên viết chữ đẹp, nhưng đứa bé nào viết cầu thả thì chữ sẽ xấu, như vậy phi sở vi nhĩ là điều mà ta nên thực tập nếu ta muốn đẹp. Cái đẹp thì ai cũng thích phải không? không ai thích mình xấu hết, cho nên mình cần phải thực tập điều nhĩ này.

8. Bất bức não nhĩ

Tức là khi gặp nghịch cảnh phải chịu khuất, chịu nhục. Mình phải thực tập nhĩ như thế nào để mình bất động trước sự bức não, giận dữ của mình. Mình phải bất động trước những thuận lợi để cái thuận lợi đó không nào hại đến mình. Mình phải kham nhĩ với những bất thuận lợi của mình thì cái bất thuận lợi đó sẽ chuyển hóa thành ra cái thuận lợi. Nếu mình không kham nhĩ với cái bất thuận lợi thì cái bất thuận lợi đó sẽ bức hại đến mình. Cho nên với cái thuận, mình cũng kham nhĩ và bất thuận, mình cũng kham nhĩ. Đối với những lời nói người ta khen, mình cũng kham nhĩ, đối với những lời nói người ta dèm pha, mình cũng kham nhĩ, lúc đầu dèm pha đùa chơi, sau trở thành dèm pha thật và cuối cùng gây thiệt hại; khi vui cũng kham nhĩ mà khi buồn, mình cũng

kham nhẫn, mình muốn thưởng thức cái vui trọn vẹn thì cũng phải kham nhẫn mới có được cái vui trọn vẹn, buồn cũng phải kham nhẫn thì cái buồn đó mới vui đi; nếu người ta tâng bốc mình mà mình không kham nhẫn thì mình sẽ bị thiệt hại do ảo tưởng về lời khen không thực đó mang lại.

9. Bi tâm nhẫn

Có nghĩa là khi bị người khác hủy nhục, chửi bới, làm xúc phạm, nhưng lòng mình vẫn không sân hận. Ngược lại, mình khởi lòng từ bi, thương xót, phát nguyện độ họ. Sự nhẫn ở đây không phải là chịu đựng mà nhẫn là mở rộng tâm mình ra, khi mở rộng tâm mình ra, thì nhẫn không còn là nhẫn nữa mà chính là bi, là thương. Tình thương của người mẹ thương con, con tè giẫm, làm xấu trên người mẹ, nhưng mẹ vẫn thương và vẫn vui vẻ. Khi tâm càng lớn thì tình thương càng lớn và sự yên ổn càng lớn. Bi tâm nhẫn là kham nhẫn bằng cách mở rộng tâm hồn mình ra. Chúng ta bỏ một nhúm muối vào trong một ly nước thì ly nước đó có mặn không? Mặn, vì ly nước đó nhỏ, nên chứa ít nước quá, nhưng nếu mình bỏ một tạ muối

vào trong sông Hương này thì chẳng ăn thua gì, vì sông Hương này quá lớn. Như vậy, tâm hồn rộng lớn và sâu thẳm thì tâm sân, tâm giận của họ rất ít. Người có tâm hồn rộng lớn thì sự giận dữ rất ít xuất hiện, trái lại người hiểu biết cạn cợt, thì sự giận dữ xảy ra với họ thường xuyên. Cho nên, mình muốn chuyển hóa cơn giận của mình, muốn chuyển hóa oán kết của mình, thì mình chỉ việc mở tâm mình ra thì sự chịu đựng của mình rất dễ dàng. Khi tâm đã rộng lớn rồi, thì sự chịu đựng đó cũng là không chịu đựng chi cả, nhẫn cũng là không nhẫn chi cả, đó là nhẫn nhục ba la mật. Nhẫn nhục ba la mật là bi tâm được mở rộng ra, gọi là bi tâm nhẫn, lòng từ bi được mở rộng ra. Mình không còn nhẫn cho mình mà nhẫn là vì hạnh phúc của gia đình, vì hạnh phúc của mọi người; mình học hành, mình làm việc, mình làm tất cả các công việc mà cảm thấy hạnh phúc. Mình làm cho mình thì họ tới trễ mình giận thiệt, nhưng thầy cô giáo không dạy cho mình, mà dạy cho học sinh, cho nên học sinh tới trễ, thầy giáo cũng cười và bảo em vào lớp đi một cách vui vẻ. Bởi vì mình dạy là dạy cho nó, chứ đâu phải

mình dạy cho mình, nếu mình dạy cho mình là mình nổi sân thiết, chứ đây mình dạy cho nó, nhưng nó chưa ý thức được, thì mình tìm cách dạy cho nó ý thức được việc học của nó. Ngày nay nó chưa ý thức được, thì ngày mai nó sẽ ý thức, nếu mình có kham nhẫn và giáo dục có phương pháp. Cho nên, giáo dục là phải kham nhẫn mà là kham nhẫn bằng từ bi tâm, thì nhân cách một vị thầy giáo sẽ rất đẹp, nhân cách một cô giáo sẽ đẹp lên và chính cái đẹp đó có ảnh hưởng trong đời sống người học trò. Tôi nhớ có lần anh Phú phó giám đốc công an tỉnh Bình Trị Thiên ngày trước, có kể cho tôi nghe trong cuộc đời đi học của mình, anh nhớ có hai vị thầy giáo đã để lại trong anh những ấn tượng xấu, tốt khác nhau. Đó là khi anh học Tiểu học, bởi vì nhà nghèo, nên sáng nào cũng phải dắt trâu ra đồng cho ăn và lừa trâu về nhà rồi mới đi học. Vì vậy, lúc nào anh cũng đi học trễ hết và khi vào lớp trễ là thầy giáo tát tai. Nhưng sang năm học sau, anh học với một vị thầy khác mà mỗi lần anh đi trễ, thầy chỉ cười và cho anh vào lớp rất vui vẻ, lần đầu cũng vậy và lần thứ hai cũng vậy, lần thứ ba cũng thấy thầy vui

vẻ nhưng sau lần này thầy đã tìm đến nhà anh Phú rất sớm, thấy nhà quá nghèo, cha mẹ vất vả, ăn sáng bằng mấy củ sắn, thấy Phú lùa trâu về mới đi học, vừa cầm mấy củ sắn ăn vừa cắp sách chạy đến trường. Khi thấy được điều đó, thầy càng thông cảm hơn và từ đó thầy ưu tiên, nâng đỡ hết lòng cho anh. Anh cảm kích và hết lòng học tập, sau này đảm nhiệm chức vụ giám đốc công an huyện Quảng Điền rồi phó giám đốc Sở công an tỉnh Bình Trị Thiên. Và nay cứ đến ngày nhà giáo là anh luôn đi tìm vị thầy đã cảm thông cho người học trò như anh với lòng biết ơn sâu sắc. Giờ đây khi kể về vị thầy đó cho tôi nghe, anh Phú vẫn còn xúc động. Nói như vậy để thấy thương là phải kham nhẫn, giáo dục là phải kham nhẫn, phải tìm hiểu nhân duyên, quả báo của người học trò mình mà nâng đỡ, chứ không phải chỉ ngang ngay sỗ thẳng, đến trể thì khỏi vào lớp. Nếu chỉ biết nguyên tắc, thì chưa phải là nhà giáo dục có bi tâm nhẫn. Bi tâm nhẫn mới là quan trọng và nhờ bi tâm nhẫn, mới đào tạo ra những người học trò, đào tạo ra những thế hệ trí thức, có đạo đức cho xã hội. Các vị giáo thọ trong Phật giáo cũng phải

thực tập Bi tâm nhẫn để nuôi dưỡng tâm từ bi, đào tạo thể hệ tương lai cho đạo Phật.

10. Thệ nguyện nhẫn

Hay còn gọi là thành tựu thệ nguyện nhẫn; những vị Bồ tát nhớ đã từng phát nguyện cứu độ chúng sinh, nhưng nay nếu sinh lòng tức giận, náo hại chúng sinh thì chẳng những không thể độ chính mình, mà chẳng đem lợi ích gì cho chúng sinh. Vì vậy, nên không khởi lòng sân mà cam thọ nhẫn nhịn. Như vậy, mình nhẫn nhục là do mình lập nguyện và làm theo hạnh nguyện nhẫn nhục của mình.

Có người hỏi tôi, thầy dạy cả ngày như vậy thầy có mệt không? Mệt chứ! Nhưng, bởi vì mình làm theo hạnh nguyện của mình, nên cái mệt đó nó thay đổi rất nhanh. Có ai bắt mình dạy đâu, tôi cũng không bắt quý vị tới ngồi đây để nghe tôi nói, cho nên tôi tới với quý vị bằng tâm thệ nguyện và quý vị tới với tôi cũng bằng tâm thệ nguyện và chính tâm thệ nguyện đó, tạo ra hạnh phúc cho nhau trong khi tôi nói và trong khi quý vị nghe. Còn nếu bị bắt buộc, bị áp lực thì lại khác, người nói cũng khổ tâm, khổ trí mà người nghe

cũng khổ thân, khổ trí. Mình không phải như thế mà mình đến với nhau từ thệ nguyện, từ nơi trái tim, nên quý vị nghe cũng không có chi dễ mà khó chịu và tôi nói cũng không có chi là nhấn nhục cả, mà đó là đi từ nơi bi tâm nhấn và nơi thệ nguyện nhấn, thì đó là nhấn nhục ba la mật. Còn nếu nhấn nhục mà chưa thiết lập bi tâm nhấn và thệ nguyện nhấn, thì cái nhấn nhục đó bị hạn chế và chưa phải là nhấn nhục ba la mật.

Nhờ sự thực tập nhấn và nhấn nhục ba la mật này, cho nên mình thành tựu được sáu phép ba la mật gọi là lục độ ba la mật. Bồ thí cũng phải kiên nhẫn mới bồ thí được, chứ không phải dễ, có của đem bồ thí cho người cũng không phải dễ, có của đem cho người khác cũng phải nhấn nhục, phải kiên trì mới thành tựu.

Tôi đã ví dụ về việc thầy Thái Tịnh cho chó ăn là ở nơi từ bi tâm, chứ các điều cho chó ăn là do phân công, phân nhiệm và làm với tính cách đối phó, vì đối phó, cho nên người nhận cũng không cảm nhận được cái hạnh phúc. Khi nào mình làm bằng bi tâm nhấn bằng thệ nguyện, thì đối tượng nhận sẽ nhận được chất liệu hạnh phúc ngay từ nơi người trao.

Trì giới cũng phải kham nhẫn, ví dụ ngày này ăn chay, nhưng họ mời đám cưới và lúc đó chuyện ăn chay, ăn mặn xung đột trong cái đầu của mình, liền nghĩ thôi thì ngày này đám cưới mình ăn mặn cho vui vẻ với bạn bè, rồi ngày mai ăn chay bù cũng được. Sự nguy hiểm ấy, chính là cái ma mãnh trong lòng mình. Nhưng, nếu mình có kham nhẫn, mình vẫn có cách giải quyết, mình vẫn đi đám cưới, mình vẫn ăn chay, vì trong buổi tiệc mặn vẫn có những thực phẩm chay ở trong đó, chứ không phải là hoàn toàn thịt cá. Ngồi ngay trong buổi tiệc mặn mà tâm mình vẫn chay và mình vẫn sử dụng những thực phẩm chay trong mặn. Như vậy, ở trong một bữa tiệc mặn, mình vẫn tham dự và vẫn thực hiện sự trì giới của mình.

Tinh tấn mình cũng phải kham nhẫn, phải thức khuya dậy sớm mới thực hiện được sự tinh cần, sự nỗ lực của mình. Thiền định cũng phải kham nhẫn, vì không kham nhẫn thì không thiền định được. Chúng ta thấy rằng, chúng ta chỉ thực tập chánh niệm trong khi đi, mình đi theo thói quen rất nhanh mà giờ đây đi chậm lại là mình đã thấy khó chịu và đôi khi đi

nghiêng qua, nghiêng về, đi nhanh thì mình đi vững, còn đi chậm là mình đi không vững phải không? Bước đầu mình chấp nhận cái không vững đó, rồi từ từ đưa gót chân xuống trước và bàn chân xuống sau lâu ngày sẽ quen. Mình muốn đi từ cái thói quen, thành ra cách đi có tỉnh giác, có chánh niệm, thì mình phải kham nhẫn, phải chịu đựng. Có khi thực tập thiền, mình thấy ngựa trong người rất khó chịu, lúc đó mình đừng để ý vào chỗ ngựa mà tập trung vào chỗ khác, thì chỗ ngựa kia từ từ giảm dần và thay đổi, còn nếu mình cứ để ý chỗ ngựa đó, thì buổi hành thiền của mình sẽ không thành công. Nên, ngồi thiền cũng phải kham nhẫn.

Trí tuệ cũng vậy, muốn có trí tuệ mình phải kham nhẫn với thiền định, thì từ thiền định trí tuệ mới phát sinh. Mình phải kham nhẫn thế nào để các phiền não nơi tâm mình lắng xuống, cũng giống như cái ly được đổ nước vào và để yên như vậy, mình đừng có khuấy thì ly nước tự lắng xuống, còn nếu mình cứ lắc qua, lắc về thì ly nước mãi không lắng xuống được. Nên, thiền định là mình chỉ cần ngồi yên thôi, nhờ ngồi yên, khiến bao nhiêu phiền não, bao nhiêu lăng xăng ở

nơi tâm mình tự lắng xuống, mình đừng nỗ lực làm cho phiền não lắng xuống, bởi vì khi mình nỗ lực làm cho phiền não lắng xuống thì nó lại tăng lên. Mình chỉ cần ngồi yên và nó như thế nào là mình ghi nhận nó như thế ấy và qua thời gian từ từ nó sẽ lắng xuống.

Cho nên nhẫn nhục và nhẫn nhục Ba-la-mật, nó có khác nhau. Nhẫn nhục có điều kiện thì chưa phải là nhẫn nhục Ba-la-mật. Nhẫn nhục không có điều kiện, nghĩa là nhẫn nhục không mang tính ngã và sở hữu của ngã, gọi là nhẫn nhục ba la mật. Khi nhẫn nhục không còn có điều kiện của ngã và ngã sở thì đó là sự nhẫn nhục tuyệt đối, nhẫn nhục an lạc hoàn toàn và không còn có bóng dáng của cái tôi và cái của tôi. Nhẫn nhục không còn có bóng dáng của cái tôi và cái của tôi, nên nhẫn nhục mà không có ai và không có cái gì nhẫn nhục cả, nên gọi là nhẫn nhục ba la mật. Cho nên người nhẫn, đối tượng để nhẫn và sự kiện nhẫn đều hoàn toàn trống rỗng, đó gọi là nhẫn nhục ba la mật. Khi mình đạt được nhẫn nhục ba la mật thì ta sẽ rất hạnh phúc và đó là mục đích của sự tu tập mà chúng ta hướng tới. Muốn vậy, chúng ta phải thực tập

những cái hàng ngày rất giản dị, ví như hằng ngày cái gì khó cảm nhận nhất thì bây giờ mình thực tập kham nhẫn với nó và chấp nhận nó, rồi từ từ nó sẽ quen với mình và sẽ là mình. Lỗi tai mình thường thường thích nghe những điều dễ nghe, thích nghe người ta khen, chứ nghe những điều chê thì buồn, giờ đây mình tập nghe những điều người ta chê mình, nhưng chê vừa vừa, chứ chê nhiều quá mà mình mới tập nghe sẽ dễ nổi sân. Phải tập nghe lời chê mình của người khác, khi đã có sức nhẫn rồi, người ta chê thế nào mình cũng chịu được. Khi mình chấp nhận được người khác chê mình, người khác phê bình mình và mình nhận ra được cái hay trong cái chê của người khác, cái hay trong sự phê bình của người khác là mình bắt đầu tiến bộ, mình bắt đầu trở thành ra con người dễ thương và hữu ích cho đời này và đời sau.

Tôi xin nói thêm chút nữa về phóng sanh và phóng đặng.

Người Phật tử chúng ta thường thực tập hạnh phóng sanh và phóng đặng, điều này rất tốt.

Phóng đăng tức là mình nuôi dưỡng chất liệu trí tuệ, mình thấy được nhân quả, thấy được nhân duyên của mình đời này, đời sau và nhiều đời, thấy nhân duyên, nhân quả người thân của mình liên hệ với nhau một đời, hai đời, ba đời cho đến mười đời; họ hàng của mình cũng liên hệ với nhau đến mười đời. Cho nên, người đời nói: “Họ hàng mười đời không rời cánh tay”.

Phóng sanh là mình nuôi dưỡng chất liệu từ bi để thấy rằng, ngay cả loài ốc, hến, cá mà mình cũng thương huống chi con người với nhau mà mình hại nhau thì không phải là cái dễ thương của con người nữa. Ngay cả các loài cá, ốc, hến mình còn tôn trọng sự sống, sự tự do của chúng huống chi là con người, mà nhất là bạn đạo, đồng học với nhau. Mình nói ra những lời không dễ thương với nhau làm cho thương tổn cái đức hạnh của mình. Nhờ nuôi dưỡng đức từ bi như vậy, mà hoàn cảnh nào mình cũng sống với nhau rất đẹp và cái đẹp đó viên mãn đến chỗ đại bi và đại trí, thì thành ra Bồ tát Văn Thù Sư Lợi, thành ra Bồ tát Quán Thế Âm, trở thành ra Bồ tát Đại Thế Chí, trở

thành ra Bồ tát Địa Tạng và bằng chất liệu đại bi, đại trí đó mình có thể hiến tặng cho cuộc đời, cho thế giới này trở nên an tịnh, hiền hòa và trở nên dễ thương và trở thành thiện hữu tri thức của nhau và là ân nhân của nhau. Cho nên, mẹ đau là cơ hội để con gieo trồng phước đức và mẹ chướng là cơ hội để con thấy rõ về con nhiều hơn. Khi biết như vậy rồi mẹ khỏe mình cũng hạnh phúc. Mẹ đau mình cũng hạnh phúc, vì có cơ hội chăm sóc và chắc rằng, ai cũng có mẹ đau dưới cách này hay cách khác, ai cũng có cha đau dưới cách này hay cách khác và ai cũng có con cái đau dưới cách này hay cách khác, nhưng dù cách nào đi nữa, mình cũng đã có phép lạ kham nhẫn thì dù nghịch cảnh mình vẫn lượm được châu báu và thắng hoa đời mình.

Thưa đại chúng, buổi pháp thoại hôm nay, xin kết thúc tại đây. Một năm qua chúng ta đã thực tập với nhau trong ánh sáng tuệ giác của học chúng Văn Thù, lẽ đương nhiên có vị sinh hoạt thường xuyên, có vị ít thường xuyên và chúng ta phải nhận ra được tất cả những cái đó đều là những khó khăn trong hoàn cảnh của họ, nhưng tất cả đều quy tụ về đây để nghe pháp

thoại như thế này là điều trân quý lắm rồi. Cho nên, chính sự trân quý đó mà những trách móc, những giận hờn của nhau nhẹ đi, những oán đối được giải tỏa, tình thương được phát triển thêm và đây chính là kết quả chúng ta có được trong buổi tổng kết cuối năm hôm nay, kính chúc quý vị cùng toàn thể gia quyến luôn an lạc, hạnh phúc.

Nam mô A-Di-Đà-Phật!

Đệ tử: Tâm Ý và Hoàng Anh kính phiên tả

Xuân và tâm lực bồ đề

(Pháp thoại: Thầy Thích Thái Hòa giảng vào ngày mùng hai tết, năm Giáp Ngọ (2014), tại Tịnh Quang Thiền đường, chùa Phước Duyên - Huế)

Trời xuân cảnh Phật

Chú ngựa đang chờ nặng và khát nước, chú ta thấy trước mặt là cỏ và nước. Lợn cỏ non xanh do người phu ngựa treo lắt lẻo ở trước mặt chú ngựa với mục đích đánh lừa, khiến chú ngựa phi nhanh. Chú ngựa càng phi nhanh, thì lợn cỏ non xanh lại càng lắt lẻo chạy về phía trước. Phi càng nhanh, chú ta lại càng khát nước, chú thấy trước mặt có những sóng nước gợn lên giữa đường nhựa trưa hè, chú nỗ lực phóng hết sức, rượt chạy theo cho kịp sóng nước để uống. Càng rượt theo sóng nước, chú ngựa mệt nhoài và quy ngã giữa đường!

Cũng vậy, phần nhiều con người chạy rượt theo hạnh phúc và đã bị những ảo tưởng hạnh phúc nơi chính họ đánh lừa. Ảo tưởng nơi chính họ đã tạo ra ảo

giác hạnh phúc cho chính họ, khiến họ mỗi ngày đều rượt đuổi theo hạnh phúc phía trước.

Nhưng than ôi, phía trước là hố thẳm! Càng rượt về phía trước, đời sống con người càng rơi vào hố thẳm thất vọng và thương đau!

Lấp cạn hố thẳm trong đời sống con người là bỏ và buông hết thảy mọi ảo tưởng về “một cái tôi và cái của tôi”. Buông bỏ mọi ảo tưởng, thì mùa xuân đích thực hiện ra. Mùa xuân đích thực luôn luôn có mặt đó cho ta, nhưng ta không thừa hưởng được hương vị của mùa xuân ấy, vì ta không biết dừng lại để cho mọi ảo tưởng lắng yên. Tâm yên Phật hiện và Phật hiện chính là mùa xuân của đất trời hiện ra. Tâm yên, thì trời xuân cảnh Phật liền hiện ra mà ta không cần phải vọng cầu hay nhọc công tìm kiếm.

Tín kính và trung kiên

Một trong những tính tốt của ngựa là tín kính, nhanh nhẹn và trung kiên. Nhờ tính tốt này, ngựa được con người xem là vật quý và nó đã góp phần tạo nên những mùa xuân cho chính nó và cho con người. Xuân Giáp Ngọ, xuân Bính Ngọ, xuân Mậu Ngọ, xuân

Canh Ngọ, xuân Nhâm Ngọ đều là những mùa xuân mang bản chất và tính tình của ngựa.

Vì tính tình của ngựa là tín kính, nhanh nhẹn và trung kiên, nên Giáp Ngọ đã tạo ra mùa xuân “cát vàng” để vui thú điền viên; Bính Ngọ đã tạo ra mùa xuân “sông nước thiên nhiên” để một mình nhàn du thỏa thích; Mậu Ngọ đã tạo ra mùa xuân “ngọn lửa thiên thần” để tự bản thân mình trở thành lữ khách chiến chinh viễn xứ; Canh Ngọ đã tạo ra mùa xuân cho “đất trên đường” để tạo thành kẻ công hầu bá tước phương xa; Nhâm Ngọ đã tạo ra mùa xuân cho “cây dương liễu” để tạo thành kẻ vinh sang, trường thọ nhưng lận đận tình yêu giữa cõi đời.

Ngựa nhờ có những tính chất tín kính, nhanh nhẹn và trung kiên, nên ngựa phóng vào cuộc sống, có khả năng tạo thành những mùa xuân đầy sinh lực, linh hoạt và đa dạng mà không hề bị biến mất bản chất của chính nó.

Nên, không có tín kính, ta sẽ không có sinh lực của mùa xuân. Tín kính Tam bảo, ta sẽ có mùa xuân tâm linh để quay về. Tín kính Phật, ta sẽ có mùa xuân

của tuệ giác, để nở sinh hoa trái tình yêu vô hạn; Tín kính Pháp, ta sẽ có mùa xuân linh hoạt và sống động để nở sinh hoa trái của tự do và giải thoát; Tín kính Tăng, ta sẽ có mùa xuân của hòa hợp và thanh tịnh để nở sinh hoa trái đạo đức và an bình; Tín kính cha mẹ, ta sẽ có mùa xuân nhân bản để quay về làm nở sinh hoa trái đôn hậu và nhân văn; Tín kính Tổ tiên, ta sẽ có mùa xuân của huyết thống để quay về, nở sinh hoa trái đoàn tụ và tin yêu; Tín kính Hồn thiêng sông núi, ta sẽ có mùa xuân quê hương để quay về và nở sinh hoa trái huyền quang, tương thân và tương ái.

Nên, tín kính và trung kiên là chất liệu tạo nên mùa xuân cho muôn vật và con người. Trong đời sống, ta thiếu tín kính và trung kiên, mùa xuân trở thành ảo ảnh hay chỉ là những miếng cỏ non treo lắt lẻo trước mặt cùng với những gợn nước cho vó ngựa rượt đuổi giữa nóng bỏng trưa hè!

Truyền trao và tiếp nhận

Xuân không tự có mà có từ mùa đông. Đông không tự có mà có từ mùa thu. Thu không tự có mà có từ mùa hạ. Hạ không tự có mà có từ mùa xuân. Bốn

mùa không tự có mà có trong sự tương quan, tương sanh, nên bản tánh của mùa nào cũng rỗng lặng sáng trong. Điểm sáng trong ấy, gọi là “*linh quang nhất điểm*”, nó không phải đục, không phải trong, không phải đục, không phải ngang, không phải thẳng, không phải cong, không phải trên, không phải dưới, không phải trong, không phải ngoài, không phải pháp, không phải phi pháp, không có bất cứ một loại ngôn ngữ nhị nguyên nào có thể diễn đạt, cứ như thế mà bốn mùa truyền trao cho nhau và tiếp nhận cùng nhau và thay nhau khi ẩn, khi hiện giữa thời gian vô cùng và không gian vô tận.

Nên, đối với truyền thống tâm linh và văn hóa Việt Nam, giờ phút giao thừa, giữa đông và xuân, giữa năm cũ và năm mới rất quan trọng và linh thiêng.

Quan trọng, vì việc làm của cái cũ không phải chỉ là hoàn tất mà còn hoàn hảo. Mùa đông đã cưu mang, ấp ủ chất xuân của mình trong lạnh lẽo băng giá, để tạo nên một mùa xuân trinh bạch thanh khiết, ấm áp, hồn nhiên và hoàn hảo cho đời.

Linh thiêng, vì cái mới đã hoàn hảo ngay trong từng giây phút ôm ấp của cái cũ. Và chính cái hoàn tất trong từng giây phút ôm ấp ấy, lại là cái hoàn hảo của cái mới tột cùng. Mỗi khi cái cũ đã hoàn hảo, thì cái cũ không còn là cái cũ nữa, chính cái cũ là cái mới viên dung. Nên, giây phút linh thiêng là giây phút của cái cũ hoàn tất và ẩn tàng để cho một cái mới hoàn hảo tột cùng biểu hiện.

Nên, đêm giao thừa là đêm quan trọng nhất và linh thiêng nhất của người Việt Nam có đời sống tâm linh và văn hóa đón tết, mừng xuân.

Đón tết là tiếp nhận linh khí tinh anh từ năm cũ truyền trao qua năm mới và mừng xuân là vui mừng, vì nhận được sức sống của ánh sáng màu nhiệm hay “*nhất điểm linh quang*” từ nơi trái tim nguyên ủy của đất trời khởi phóng và phổ truyền để dưỡng sinh muôn loại.

Sức sống hay ánh sáng màu nhiệm từ nơi trái tim nguyên ủy của trời đất ấy, gọi là pháp tánh và sức sống ấy hàm chứa nơi tâm thức của hết thảy chúng

sanh, gọi là Như lai tạng tánh, Phật tánh chủng tử hay Bồ đề tâm địa.

Nên, người đệ tử Phật đón tết, mừng xuân chính là đón nhận rằng, mình vốn có Phật tánh, vốn có Như lai tánh hay Tự tánh bồ đề và nỗ lực làm cho tánh ấy sáng ra trong đời sống của mình, qua đi đứng nằm ngồi, nói năng hành động, để mùa xuân thật sự có mặt một cách đích thật trong đời sống của chúng ta và chính chúng ta là xuân.

Thệ nguyện và lên đường

Những người con Phật, chính chúng ta là xuân mà không phải là hiện tượng của mùa xuân. Hiện tượng của mùa xuân tự nó bị giới hạn bởi thời gian và không gian, và bị điều kiện hóa bởi các duyên, nên chúng bị sanh thành và hủy diệt, bị tác động để biểu hiện hay ẩn tàng, còn xuân là Như lai, nên xuân là vô hạn.

Chính chúng ta là xuân, vì chính những người con của Phật đều được sinh ra từ tâm xuân của ngài và đã được nuôi lớn từ tâm xuân ấy. Tâm xuân chính là

Phật tính hay bồ đề. Từ nơi tâm xuân mà duyên vào đại nguyện để tạo thành tâm lực của mùa xuân, và từ nơi Phật tính mà khởi phát ước thệ từ bi, để sinh thành bồ đề nguyện lực, mà lên đường dưới vô số hình thức và tên gọi, vì lợi ích cho hết thảy chúng sanh.

Chúng sanh do vô minh vọng tưởng mà bị trôi dạt vào biển cả tử sinh, biến tâm Phật trở thành tâm chúng sanh; biến tri kiến trở thành tà kiến; biến vô cùng trở thành hữu hạn; biến tương sinh trở thành tương tranh; biến hỗ dụng trở thành lạm dụng; biến thanh tịnh trở thành ô nhiễm; biến hòa hợp trở thành phân cách; biến thanh khiết trở thành ô tạp; biến anh em trở thành thù hận; nên mùa xuân chột thành mùa hạ; mùa thu chột hóa mùa đông; chim đại bàng chột thành sâu kiến.

Vì vậy, những người con Phật, nguyện sống vô tranh giữa những kẻ đua tranh; nguyện sống hoàn hảo giữa những kẻ bất hảo; nguyện sống hết lòng giữa những kẻ phản bội; nguyện sống buông bỏ giữa những kẻ tham chấp; nguyện sống từ bi giữa những kẻ thù hận; nguyện sống dũng cảm giữa những kẻ bạc nhược;

nguyện sống giản dị giữa những kẻ xa hoa; nguyện sống im lặng giữa những kẻ lắm lời; nguyện sống bất động giữa những kẻ náo động; nguyện làm mùa xuân ngay trong mùa hạ; nguyện làm làn gió mát giữa trăng thu và nguyện làm những hạt nắng giữa trời đông để nuôi dưỡng tâm xuân và tạo thành mùa xuân giữa con rét bão nhân tính và tình người.

Ấy là xuân và tâm lực bồ đề của những người con Phật.

Xuân Giáp Ngọ - 2014

Ta Đang Đứng Ở Đâu

(Pháp thoại: Thầy Thích Thái Hòa giảng tại Công Ty FDI, văn phòng ở T.P Hồ Chí Minh)

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Thưa các anh chị em trong Ban Giám đốc FDI, cùng toàn thể nhân viên hiện tiền quý mến!

Hôm nay, ngày 18 tháng Giêng năm Giáp Ngọ, tức là ngày 17-3-2014, tại văn phòng FDI, Thành phố Hồ Chí Minh. Tôi xin chia sẻ bài pháp thoại: “***Ta đang đứng ở đâu***”.

Trong đời người của chúng ta có rất nhiều không gian để tiếp nhận cuộc sống, để thưởng thức cuộc sống và để làm cho cuộc sống có ý nghĩa. Cuộc sống có ý nghĩa như thế nào là tùy nơi không gian của chúng ta đứng để hành hoạt. Nhưng, có vô số không gian để chúng ta đứng và đứng ở bất cứ không gian nào đi nữa, thì chúng ta cũng cần phải có trí tuệ để sống và hành động.

Trong đời này, có ba không gian để chúng ta đứng. Nếu ta không chọn được điểm đứng của đời người, thì chúng ta khó mà có hạnh phúc. Chúng ta khó mà có sự an toàn trong đời sống này. Cho nên, hôm nay tôi giới thiệu cho quý vị ba không gian chúng ta cần phải có để sống.

1/- *Không gian huyết thống*

Trong tất cả chúng ta, không ai từ trên trời rớt xuống, cũng không ai từ dưới đất vọt lên mà tất cả chúng ta đều sanh ra từ trong gia đình của chúng ta. Trong gia đình của chúng ta có cha mẹ, có dòng họ nội ngoại huyết thống. Gia đình huyết thống là điểm không gian đầu tiên để chúng ta có mặt giữa cuộc đời này. Điểm đứng trước nhất, không gian của chúng ta sinh hoạt trước nhất, gắn liền với chúng ta trước nhất, đó là không gian gia đình huyết thống.

Cho nên, sống ở trong đời này, người nào bất hiếu với cha mẹ, không biết tôn kính dòng tộc, anh chị em trong dòng dõi huyết thống, thì người đó là bất hạnh nhất. Người đó không có chỗ về, không có điểm về. Không có điểm xuất phát làm sao có điểm về.

Điểm xuất phát đầu tiên là không gian huyết thống, trong không gian đó, ta có cha mẹ, có tổ tiên, ông bà nội ngoại, có anh chị em chúng ta. Nếu chúng ta không ôm ấp không gian đó để sống, để thương yêu, để thưởng thức và thi vị hóa cuộc sống thì chúng ta sẽ bơ vơ và sẽ khổ đau.

Nếu chúng ta muốn ôm không gian đó để sống có ý nghĩa, thì đức Phật dạy, các bậc minh triết dạy hay các bậc thánh hiền đều dạy chúng ta phải sống có chất liệu hiếu kính và hòa thuận.

Khi một người có hiếu kính với cha mẹ, một người cháu có hiếu kính với tổ tiên, một người anh, người chị sống có tình cảm và thuận thảo ở trong gia đình, thì từ đó ta mới gắn kết lại với nhau, hy sinh cho nhau. Từ sự hy sinh đó, chúng ta mới tạo ra niềm thương yêu với nhau. Sống trong không gian thương yêu, thì điều xấu tự lắng xuống và điều thiện trong ta tự phát sinh.

Chúng ta đang có cha mẹ, có dòng họ, có anh chị em với nhau, nhưng một đôi khi không có chánh niệm tỉnh giác, chúng ta xem thường những sự có mặt

quý báu ấy. Chúng ta thiếu ý thức “ta đang đứng ở đâu”, thì những sự hiện hữu quý báu của không gian huyết thống ấy, chúng ta lại xem thường. Nhưng, một khi mất điếm đứng đó rồi, thì chúng ta mới thấy điếm đứng đó là rất cần thiết. Cho nên, khi nào chúng ta cũng cần có ý thức rất rõ là “ta đang đứng ở đâu?”.

Khi ta có ý thức “ta đang đứng ở đâu”, thì ta liền có không gian huyết thống để ta quay về và ta đang có mặt ở trong không gian gia đình huyết thống ấy. Ta đang ở vị trí làm cha, thì phải làm cha như thế nào, để xứng đáng người cha. Ta đang ở vị trí làm mẹ, thì phải làm mẹ như thế nào để xứng đáng người mẹ. Ta đang ở vị trí làm ông bà nội ngoại, thì phải làm ông bà nội ngoại như thế nào, để thực sự xứng đáng là ông bà nội ngoại. Ta đang ở vị trí làm anh chị em ở trong một gia đình, thì phải làm anh chị em như thế nào, để xứng đáng vị trí làm anh chị em ở trong một gia đình. Chúng ta đang ở vào vị trí làm con ở trong một gia đình, thì chúng ta phải làm con như thế nào, để xứng đáng vị trí làm con của mình.

Nếu chúng ta làm vợ thì phải ý thức rõ, tôi đang làm vợ để hoàn thành thiên chức làm vợ đối với chồng.

Nếu chúng ta đang làm chồng, thì phải ý thức rất rõ tôi đang làm chồng, để hoàn thành thiên chức làm chồng đối với vợ.

Khi mọi thành viên ở trong gia đình huyết thống, ai cũng đứng vào không gian của mình và hoàn thành nhân cách của mình trong không gian đó, thì quý vị thấy gia đình đó có hạnh phúc không? Rất hạnh phúc. Vì là rất hạnh phúc, nên các thành viên ở trong một gia đình đi đâu, cũng thích về với không gian của gia đình mình.

Nhưng tại sao, có những người không muốn về với gia đình? Bởi vì, không gian của gia đình huyết thống đã bị cha mẹ hay con cái làm cho ô nhiễm, nên các thành viên của gia đình huyết thống không ai muốn trở về sinh hoạt trong không gian của gia đình huyết thống bị ô nhiễm ấy.

Trong không gian huyết thống, vị trí của bậc làm cha mẹ rất quan trọng. Nếu không gian tâm thức của người cha bị ô nhiễm, sẽ làm ô nhiễm lây tâm

thức của người mẹ. Tâm thức của người mẹ bị ô nhiễm sẽ làm ô nhiễm lây tâm thức của người cha. Tâm thức mẹ cha bị ô nhiễm, khiến con cái tìm cách lìa xa không gian ô nhiễm ấy và không muốn trở về với không gian huyết thống.

Hoặc là trong không gian huyết thống, anh chị em đối xử không dễ thương với nhau, thì các thành viên trong gia đình huyết thống, chẳng có ai muốn sống trong không gian không dễ thương ấy làm gì và ai cũng muốn thoát ra khỏi không gian ấy, để kiếm tìm một không gian khác.

Khi mình mang tâm trạng chối bỏ không gian cơ bản của mình mà đi tìm một không gian khác, bằng cái tâm thiếu thôn, thì dù đi tới một không gian khác, trăm hoa ngàn lá, tuy có đẹp thì cũng của người ta, chứ không phải của mình. Mình vẫn ôm nỗi đau mặc cảm đó trong lòng. Cho nên, mình phải sống như thế nào, để mình nuôi dưỡng, phát huy và bảo vệ được không gian huyết thống gia đình đã có, bằng cách ông bà phải làm gương cho con cháu, cha mẹ làm gương cho con cái, anh chị phải làm gương cho em, anh chị

em sống trong thương yêu thuận thảo, để làm cho gia đình được vinh dự.

Khi được một gia đình vinh dự, thì gia đình đó có tổ tiên, ông bà nội ngoại, cha mẹ, con cái, anh chị em sống hòa thuận với nhau, quý trọng nhau, mỗi người phải biết chăm sóc cái đẹp của mình để hiến tặng cho nhau. Trong không gian huyết thống, ta phải biết chăm sóc chất liệu hiếu kính và thuận thảo để tạo ra cái đẹp và an bình của không gian này.

Vì vậy, câu hỏi luôn luôn được đặt ra: Ta đang đứng ở đâu, đang đứng ở vị trí nào trong dòng dõi gia đình huyết thống của ta? Câu hỏi ấy phải luôn luôn có mặt ở trong ý thức của ta là tức khắc, gia đình của ta, mọi chuyện xáo trộn ở trong gia đình sẽ được ổn định trở lại, mọi bất hòa sẽ ổn định lại từ từ. Và nếu gia đình ta đã hạnh phúc rồi, đã yên ổn rồi, thì khi các thành viên trong gia đình đặt câu hỏi như vậy, khiến cho gia đình đã hạnh phúc lại càng hạnh phúc thêm, đã yên ổn rồi lại càng yên ổn thêm.

Như vậy, không gian huyết thống không thể thiếu ngay trong đời sống của mỗi con người chúng ta.

Và không gian ấy không thể thiếu trong những ngày xuân và nhất là đêm ba mươi tết của người Việt Nam.

Nếu những ngày xuân, mỗi người một nẻo, làm sao có xuân được. Cho nên, xuân của gia đình là tất cả mọi người đều đứng và sinh hoạt ở trong không gian huyết thống. Mỗi người thể hiện cái dễ thương của mình để tạo nên không gian huyết thống thật đẹp và thật có ý nghĩa. Không gian huyết thống là mùa xuân đầu tiên của con người và đời sống con người không thể thiếu mùa xuân này. Thiếu không gian này con người không bao giờ có mùa xuân và không bao giờ lớn lên trở thành người.

Ai có mặt trong cuộc đời này là phải có không gian đó để mình sinh hoạt, sống cùng và sống với. Còn nếu ai không có không gian đó để sống, thì không phải là người. Hễ làm người mà không có điểm đứng trong không gian gia đình huyết thống thì không thể nào hiện hữu được. Không có cha mẹ ta, thì làm sao có ta. Không gian huyết thống là không gian mà chúng ta phải ý thức rất rõ là chúng ta đang đứng ở vị trí nào, để chúng ta hành xử đúng với vị trí ấy. Từ một

không gian huyết thống có căn bản đạo đức tốt đẹp, ta lớn lên và trưởng thành. Xã hội muốn sử dụng ta, thì trước hết, họ nhìn vào không gian huyết thống của ta. Nếu không có không gian ấy, thì chúng ta sẽ không có pháp lý đầu tiên của cuộc sống này. Các công ty và các tổ chức xã hội, họ dựa vào tiêu chuẩn nào để họ chấp nhận ta, nếu không phải là dựa vào không gian đạo đức của gia đình huyết thống.

Ngày nay, theo tôi biết phần nhiều người hiểu biết của Tây phương rất thích sinh hoạt trong không gian huyết thống của người Việt Nam.

Nhưng bây giờ, không gian đó ở Việt Nam cũng đang bị ô nhiễm và bị xói mòn. Đó là những điều rất đáng quan tâm đối với những người có lương tâm đạo đức với quê hương và thế giới con người.

2/- Không gian đồng nghiệp

Chúng ta có không gian huyết thống, thì cũng cần phải có không gian đồng nghiệp. Ta không thể sống, nếu ta không có nghề nghiệp ổn định. Ta không có nghề nghiệp thì ta sẽ không có cách gì để tồn tại và bảo quản cho gia đình huyết thống của chúng ta.

Do đó, không gian thứ hai không thể thiếu trong đời sống con người, trong sinh hoạt con người, đó là không gian đồng nghiệp.

Hôm nay, tại không gian công ty FDI, đây là không gian đồng nghiệp của chúng ta. Trong không gian đồng nghiệp đó, nếu Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Giám đốc, Phó giám đốc, Trưởng phòng và các ban ngành không làm đúng chức năng của mình, thì tuổi thọ của công ty này sẽ như thế nào? Tôi nói với quý vị rằng, tuổi thọ không quá ba tháng. Cho nên, không gian đồng nghiệp rất quan trọng. Quan trọng ở chỗ là mọi người phải biết liên kết với nhau và cùng với nhau đặt sinh mệnh của mình tồn tại gắn liền với sinh mệnh của đồng nghiệp. Sinh mệnh của gia đình huyết thống phải gắn liền với sinh mệnh của đồng nghiệp. Nếu chúng ta không ý thức được điều này, thì nó sẽ ảnh hưởng đến không gian đồng nghiệp của chúng ta. Khi không gian đồng nghiệp của chúng ta bị ô nhiễm, sinh mệnh đồng nghiệp bị bệnh hoạn, nó sẽ làm cho không gian gia đình huyết thống của chúng ta bị ô nhiễm. Đây là điều mà quý vị cần phải lưu ý!

Không gian đồng nghiệp đi xuống, làm ăn thua lỗ, vỡ nợ, không tiếp tục được nữa, không gian huyết thống của mình có rơi vào tình trạng khó khăn kinh tế không?

Cho nên, chúng ta phải ý thức được rằng: Ta đang đứng ở đâu, trong không gian đồng nghiệp? Trong không gian đồng nghiệp đó, nó xảy ra một cách trật tự, thọ mạng của nó lâu dài chỉ khi nào, mọi thành viên trong cả không gian đồng nghiệp đó, mỗi người có mỗi tinh hoa và biết đem tinh hoa đó của mình và đứng ngay từ nơi vị trí của mình để hiến tặng cho không gian đồng nghiệp, thì không gian đồng nghiệp đó có thọ mạng lâu dài và có ý nghĩa. Mỗi thành viên sinh hoạt trong không gian đồng nghiệp là mỗi đóa hoa để trang nghiêm không gian đồng nghiệp và để hỗ trợ cho những đồng nghiệp ở trong những vị trí khác nhau trong cùng không gian này.

Quý vị là nhân viên của FDI, quý vị phải làm đúng chức năng của mình, quý vị đóng góp công sức cho những công ty liên hệ với mình, liên doanh với mình. Quý vị thấy không gian đồng nghiệp có quan trọng không? Nó rất quan trọng, vì nó liên hệ rất mật

thiết đến không gian huyết thống và những không gian liên doanh khác.

Nếu chúng ta chỉ biết không gian huyết thống mà không biết không gian đồng nghiệp thì chúng ta chưa phải là người trí thức, chưa phải là người có trí tuệ. Bởi vì, không gian huyết thống được đảm bảo, bảo chúng nhờ không gian đồng nghiệp này. Điều này, chúng ta cần phải học, cần phải biết để sống.

Nếu chúng ta không sống với không gian đồng nghiệp, chúng ta không biết chúng ta đang đứng ở đâu trong không gian đồng nghiệp. Ta không biết không gian đó giúp ta như thế nào? Giúp cho không gian huyết thống như thế nào? Nếu không biết không gian đồng nghiệp đã giúp cho không gian huyết thống tồn tại như thế nào, thì ta sẽ không có trách nhiệm và làm việc thiếu trách nhiệm với không gian đồng nghiệp. Chúng ta làm thiếu trách nhiệm, thì công ty FDI, từ Tổng giám đốc, Phó giám đốc, Trưởng phòng và các nhân viên đều vất vả.

Khi một người bức tức nổi lên, tất cả các nhân viên đều bị ảnh hưởng, làm việc không thấu đáo, không

sáng suốt để nhìn rõ sự việc, chỉ làm cho qua việc. Công việc không có hiệu quả, thì sẽ thiệt hại cho không gian đồng nghiệp. Chúng ta thiếu ý thức về không gian đồng nghiệp, thì không gian đồng nghiệp sẽ bị ô nhiễm và suy thoái. Nếu không gian đồng nghiệp bị ô nhiễm và suy thoái, thì không gian huyết thống cũng bị nhọc nhằn, khó khăn, ngột ngạt và suy thoái theo.

Muốn bảo vệ không gian này, thì chúng ta phải làm gì? Chúng ta phải nhiệt tình và chân thành. Hai chất liệu đó không thể thiếu, để duy trì và phát triển không gian đồng nghiệp.

Làm việc mà thiếu nhiệt tình, thì không gian đồng nghiệp, tự nó sẽ bị ô nhiễm. Làm việc thiếu chân thành thì không gian đồng nghiệp sẽ có sự nghi ngờ phát sinh. Khi nhìn nhau bằng cặp mắt nghi ngờ thì không gian đó không còn là không gian thanh thoi, không còn là không gian của an lạc, không còn là không gian của vươn lên, mà trở thành không gian của sự đối phó. Không gian đồng nghiệp mỗi khi đã trở thành không gian đối phó, thì trong không gian ấy tự phát sinh sự oi bức, ngột ngạt và mệt mỏi.

Mình tới công ty bằng chất liệu nhiệt tình, chất liệu chân thành thì khi tới công ty mình sẽ cảm thấy ấm áp, vui vẻ. Có gì khó khăn ngoài xã hội thì mình sẽ chia sẻ với đồng nghiệp, rút tĩa kinh nghiệm, cho nên mình rất thích tới công ty mỗi ngày.

Chúng ta muốn bảo vệ không gian đồng nghiệp thì phải thực tập hai chất liệu nhiệt tình và chân thành. Từ Tổng giám đốc cho đến nhân viên ai cũng thực tập hai chất liệu nhiệt tình và chân thành, thì kết quả tốt đẹp của công ty sẽ tự tới với mình, chứ không phải mình chạy bươn tới kết quả. Đây là điều quý vị nên lưu ý!

Trong lĩnh vực kinh doanh hay bất cứ lĩnh vực nào, mình chỉ phát huy tính nhiệt tình và chân thành trong công việc, làm việc có kế hoạch và cùng nhau thực hiện, thì kết quả tự nó tới. Không chân thành và nhiệt tình với công việc mà chỉ biết chạy bươn theo kết quả, thì thực tế chỉ là kết quả ảo.

Thế giới con người ngày nay đang tự hủy hoại bởi những kết quả ảo. Ví dụ: Năm 2013, chính phủ Hoa Kỳ đã đóng cửa hai tuần chỉ vì kết quả ảo của nó.

Các công ty đã sụp đổ, đóng cửa, vì chỉ thích vui với những kết quả ảo, kết quả không thực tế.

Một kết quả có thật phải đi từ nơi một tác nhân có thật và phải từ nơi những tác duyên có thật, đó là sự nhiệt tình và chân thành.

Như vậy, chúng ta muốn duy trì không gian đồng nghiệp này, thì chúng ta phải làm gì? Chúng ta phải bàn bạc với nhau trong sự nhiệt tình, tuy có cãi vã nhau dữ dội, nhưng cãi vã trong sự nhiệt tình và chân thành, còn hơn im lặng để ăn tiền. Ai nói gì thì mặc họ, chúng ta im lặng để được lòng người, thì cái đó chỉ làm cho không gian đồng nghiệp bị ô nhiễm. Chúng ta cãi vã nhau trong sự nhiệt tình, trong sự xây dựng để rút ra kinh nghiệm thì sự cãi vã đó, trở thành cái tốt. Nhưng, nếu bên ngoài êm đềm mà bên trong bị xói mòn, bị vỡ ra, thì sự êm đềm đó rất nguy hiểm. Đây là điều quý vị ở trong không gian đồng nghiệp cần phải lưu ý.

Chúng ta sống, không thể không có đồng nghiệp. Nếu chúng ta xem không gian đồng nghiệp chỉ là sự đối phó thì nguy hiểm vô cùng. Tự tâm mình sẽ cảm thấy mệt mỏi khi nghĩ tới việc làm. Chúng ta sẽ cảm

thấy già trước tuổi, không bị bệnh cũng cảm thấy như có bệnh.

Quý vị muốn không gian đồng nghiệp này tồn tại lâu dài, thì phải có sự nhiệt tình và chân thành. Quý vị sống với nhau thoải mái, xem công ty như ngôi nhà thứ hai của mình. Nó gắn liền với ngôi nhà thứ nhất, đó là không gian huyết thống. Ngôi nhà thứ hai sẽ yểm trợ cho ngôi nhà thứ nhất về kinh tế, ngôi nhà huyết thống yểm trợ cho ngôi nhà đồng nghiệp về nhân sự. Hai ngôi nhà tương trợ cho nhau và giúp nhau hiện hữu một cách có ý nghĩa.

3/- Không gian tâm linh

Không gian đồng nghiệp có được bảo chứng hay không là nhờ có không gian tâm linh. Không có không gian tâm linh, chúng ta không gắn kết được với nhau trong không gian đồng nghiệp và không gian huyết thống.

Quý vị thấy sáng này, trước khi nói chuyện với quý vị, tôi đã vào lạy bàn thờ Phật. Bàn thờ Phật của Công ty FDI, không sang trọng, không nguy nga, tráng lệ như chùa chiền, thiền viện, nhưng đó là không

gian tâm linh của công ty. Những người có tâm linh muốn gửi gắm đời sống của mình ở nơi đó.

Tôi đã đến đó cùng với anh Nghĩa, chị Liên và những người có duyên với không gian tâm linh, quì xuống cùng với tôi để cầu nguyện. Tôi đã dâng lời cầu nguyện đến chư Phật, Bồ tát, các bậc Thánh hiền, các bậc Minh triết, các vị Hộ pháp, ngay cả các vị thiện thần khắp cả không gian này. Tôi nhất tâm để cầu nguyện. Tôi đọc tên từng vị, ngày tháng năm sinh của quý vị, tôi muốn gửi gắm đời sống của quý vị đến không gian tâm linh rộng lớn hơn. Chính không gian tâm linh rộng lớn ấy có khả năng ôm ấp được không gian đồng nghiệp này. Không gian đồng nghiệp được ôm ấp bởi không gian tâm linh.

Chúng ta hướng tới cầu nguyện không gian tâm linh như thế để làm gì? Có phải để chúng ta nuôi dưỡng sinh mệnh không gian đồng nghiệp này không? Và có phải để chúng ta nuôi dưỡng sinh mệnh của không gian huyết thống không? Nếu, chúng ta nuôi dưỡng sinh mệnh mình và gia đình mình để cuối cùng ta đi đâu? Nếu chết là hết, tại sao chúng ta sống và

làm việc phải vất vả đến thế? Sinh ra chết liền cho xong chuyện, sống lâu làm gì cho rắc rối. Nhưng, chết không phải là hết. Sau cái chết này, có sự sống khác, tùy theo không gian tâm linh của người đó hướng về và họ về với không gian ấy, nên dù sống vất vả cũng phải sống, sống để thay đổi và vươn lên.

Sau không gian huyết thống, không gian đồng nghiệp, chúng ta còn có không gian tâm linh. Tùy theo không gian tâm linh của mỗi người ước nguyện mà chúng ta mở ra, chúng ta sẽ có không gian khác mệnh mệnh hơn, tùy theo ước nguyện của chúng ta, tùy theo tầm nhìn của chúng ta.

Sau không gian đồng nghiệp này, anh Kết sẽ kết thúc cuộc sống của anh và anh sẽ đi về với Thiên Chúa, bởi tâm linh của anh là Thiên chúa.

Có những vị, không có không gian tâm linh Thiên Chúa, không có không gian tâm linh của Phật giáo, thì họ có không gian tâm linh của Tổ tiên, kết thúc đời sống này, họ sẽ về với không gian tâm linh Tổ tiên của họ.

Những người Phật tử sau khi sinh mệnh này kết thúc, họ sẽ đi về với không gian tâm linh giác ngộ của họ, đó là Tịnh độ của chư Phật.

Không gian của Tổ tiên, không gian của Thiên Chúa, không gian của chư Phật, đương nhiên phải rộng lớn hơn không gian của đồng nghiệp, rộng lớn hơn không gian của gia đình huyết thống, chắc chắn chúng phải là như vậy.

Chúng ta muốn phát huy và nuôi dưỡng không gian này, thì chúng ta phải có không gian tâm linh, để chúng ta nâng cấp không gian huyết thống, không gian đồng nghiệp trở thành rộng lớn và cao thượng. Khi đã trở thành không gian rộng lớn và cao thượng rồi, thì sẽ có khả năng dung chứa tất cả những gì thấp kém, tầm thường để chuyển hóa.

Chúng ta không có không gian rộng lớn để hướng tới và sống, chúng ta chỉ sống trong không gian chật hẹp này, thì chắc chắn chúng ta sẽ va chạm nhau.

Ví dụ: ta lấy một nắm muối pha vào một ly nước, năm phút sau nó sẽ tan ra, ly nước mặn chát, không dùng được, vì sao? Vì ly quá nhỏ, chứa lượng

nước quá ít, mà lượng muối quá nhiều. Nhưng, nếu chúng ta đem một nắm muối bỏ vào một hồ nước, thì nắm muối không ảnh hưởng gì đến nước trong hồ đó, nước trong hồ chúng ta vẫn sử dụng được. Cũng vậy, ta đem một tấn muối bỏ vào sông Sài Gòn, thì một tấn muối đó cũng không ảnh hưởng gì đến dòng sông, tại sao? Tại vì không gian của dòng sông Sài Gòn quá lớn mà tác dụng một tấn muối không hề hấn gì với dòng sông ấy cả.

Vì thế, khi tâm hồn mình mở rộng ra với không gian vô cùng và với thời gian vô tận, thì mọi sự nhỏ bé trong đời sống con người, mọi mâu thuẫn trong đời sống con người không có gì là chúng ta không giải quyết được. Chúng ta đừng nói rằng: “Tôi không bao giờ quan hệ được với anh, hoặc anh không còn quan hệ được với tôi nữa”. Thật ra, sống với không gian rộng lớn, thì không có mâu thuẫn nào mà con người không hóa giải được.

Nếu không có không gian thứ ba này, thì không gian thứ hai là không gian đồng nghiệp sẽ không có ý nghĩa gì, ngoài việc làm để tranh giành nhau tiền

lượng, và quyền lợi vật chất. Thế gian này đã mệt mỏi nhiều chuyện rồi, thêm chuyện đó thì càng mệt mỏi thêm thôi. Không có không gian đồng nghiệp, thì không gian huyết thống cũng quá mệt nhọc. Nếu không có không gian rộng lớn của tâm linh, thì chúng ta khó vượt qua được những không gian thứ nhất và thứ hai. Do đó, không gian thứ ba là rất quan trọng trong đời sống của chúng ta!

Muốn thể hiện không gian đó, chúng ta phải làm gì? Chúng ta chỉ cần thực hiện chất liệu tin tưởng và thương yêu. Ngôn ngữ Phật giáo gọi đó là “Ái kính”. Mình phải bước tới không gian đó bằng niềm tin, bằng sự tin tưởng và ái mộ. Nên người ta gọi đó là tín ngưỡng. Tín ngưỡng là gì? Tín là tin; ngưỡng là ngưỡng mộ. Tín ngưỡng là ngưỡng mộ bằng đức tin, bằng niềm tin, chứ không phải bằng sự lý giải của tri thức hay khoa học. Trong cuộc sống con người có những điều tri thức lý giải được, nhưng có những điều thì không thể và có những điều khoa học chứng minh được, nhưng có những điều thì khoa học chưa thể và không thể, tại sao? Bởi vì, tri thức con người có giới

hạn, thực tại thì vô hạn, vũ trụ thì vô cùng, sự sống thì biến thiên vô tận; khoa học thì phải giới hạn để chứng minh mà cuộc sống thì linh hoạt và sống động vô cùng, vượt hẳn mọi giới hạn. Cuối cùng, ta muốn đi tới cái rộng lớn hơn thì không có gì khác hơn là phải đem đức tin, đem sự ngưỡng mộ mà hướng tới. Nên không gian tâm linh rộng lớn và sống động vô cùng, không thể dùng những con số theo quy ước của tri thức hay khoa học để cân, đo, đong, đếm.

Chúng ta muốn mở rộng không gian của ta đang sống, thì trước hết chúng ta phải mở rộng chất liệu tin yêu, ái kính ở trong đời sống của chúng ta. Khi chúng ta có tin yêu ai rồi, chúng ta mới giao việc cho họ. Chúng ta ái mộ ai rồi, thì chúng ta mới hy sinh hoàn toàn cho họ. Niềm tin và ái mộ sẽ giúp chúng ta đi tới với không gian tâm linh rộng lớn và biến ta trở thành không gian rộng lớn như niềm tin của chúng ta đã ngưỡng mộ. Cho nên, trong đời sống này, ta đang đứng ở đâu thì phải biết ta đang đứng ở đó, và phải biết làm đúng chức năng trong không gian ta đang đứng.

Ta đang đứng ở trong không gian huyết thống, thì ta phải biết làm con là hiếu thuận. Làm vợ, làm chồng thì phải chung thủy. Làm cha mẹ thì phải nghiêm trang và từ bi. Làm anh em với nhau thì phải tương kính, tương thuận. Nếu trong không gian huyết thống, chúng ta cùng nhau sống và hỗ trợ nhau, tùy theo vị trí của từng thành viên trong gia đình như vậy thì chúng ta sẽ thành công và không gian gia đình là một không gian hạnh phúc. Quý vị hãy thực tập đi! Nếu chiều nay quý vị thực tập, thì quý vị sẽ có hạnh phúc ngay ở trong không gian này.

Trong công ty, quý vị hãy thực tập nhiệt tình và chân thành với nhau. Quý vị thực tập giờ trước là giờ sau liền có kết quả. Không gian nhiệt tình và chân thành này liền cho ta cảm giác dễ chịu ngay. Mỗi người trong công ty là một đóa hoa, một đóa hoa phong phú. Mỗi người mỗi tài năng, mỗi người mỗi sở trường, mỗi người mỗi chuyên môn và vị Tổng giám đốc có khả năng tổng hợp, liên kết tất cả những đóa hoa đó lại thành một tràng hoa, để làm cho không gian này xinh đẹp và làm bạn với các không gian đồng

nghiệp khác và hiến tặng cho họ và xã hội những gì xinh đẹp của không gian mình.

Cuối cùng, các đồng nghiệp khác, họ sẽ học theo không gian đồng nghiệp của mình và họ thấy mình rất có ý nghĩa. Nghe danh tiếng của công ty FDI là người ta quý mến liền, người ta quý mến, không phải vì quý vị có nhiều tiền mà quý vị sống dễ thương với nhau trong chất liệu nhiệt tình và chân thành, khiến cho không gian của công ty mỗi ngày đều sáng và đẹp. Trong công ty đó, mỗi người đem tinh hoa của họ để hiến tặng cho không gian của họ rất nhiều màu sắc. Mỗi người mỗi công việc, hỗ trợ cho nhau để sự sống được linh hoạt và sống động.

Chúng ta muốn mở rộng không gian tâm linh, thì chúng ta phải có sự tin yêu. Không có niềm tin thì ta sẽ không làm được bất cứ công việc gì thấu đáo. Mình tin vào khả năng của chính mình, tin vào những gì tốt đẹp của mọi người chung quanh, đồng lòng với nhau, đưa niềm tin đó đi tới cùng một không gian tâm linh rộng lớn.

Khi chúng ta mở rộng không gian mà thiếu niềm tin, thì chúng ta không thể gắn kết được với nhau. Lúc đó, con người làm việc sẽ trở nên máy móc, thủ đoạn qua chữ nghĩa và tri thức, để kiếm lợi thì nhân cách con người sẽ không còn. Nền nhân văn của con người bị suy thoái, chính sự suy thoái đó kéo theo sự suy thoái khác.

Những vị lãnh đạo thế giới cần phải thấy rõ điểm này, khi thế giới con người suy thoái, trước hết là suy thoái về đạo đức, kéo luôn sự suy thoái nhân cách và suy thời của thời đại.

Suy thoái nhân cách, cũng do suy thoái đạo đức. Suy thoái đạo đức sẽ làm cho suy thoái luôn cả sự hiểu biết.

Hôm nay, tôi đã chia sẻ với quý vị đề tài: Ta đang đứng ở đâu? Thay vì các triết gia nói: “Ta là ai? Ta là gì?”. Đó là sự việc của triết gia, chúng ta không cần làm triết gia, chỉ cần làm con người thực tế đó là: “Ta đang đứng ở đâu?”.

Khi hiểu được thực tế đó, thì mọi việc khác, ta đều có thể hiểu. Thực tế, ta không biết ta đang đứng ở đâu, thì

mọi tầm nhìn của chúng ta sẽ bị hỏng. Chúng ta muốn nhìn cái gì thì chúng ta phải có không gian để đứng.

Mong rằng, quý vị hãy thực tập những điều tôi đã chia sẻ:

Thứ nhất là phải thực tập chất liệu *hiếu kính và hòa thuận* để làm đẹp không gian huyết thống.

Thứ hai là phải thực tập chất liệu *nhiệt tình và chân thành* để làm đẹp không gian đồng nghiệp.

Thứ ba là phải thực tập chất liệu *tin tưởng và ái kính* để làm đẹp không gian tâm linh.

Chúc quý vị an lành.

Đệ tử Hà Liên kính phiên tả

Ý Nghĩa Giới Học

I - Tổng Luận:

Chúng ta khổ là do chúng ta không thọ trì học giới và vì không thọ trì học giới, nên chúng ta mãi trôi lăn trong khổ đau của sinh tử luân hồi.

Vì vậy, chúng ta thọ trì học giới và sống đời sống có giới là để chúng ta có khả năng phòng hộ các ác nghiệp đạo của thân, ngữ và ý, khiến cho chúng ta có cơ hội thoát ly khổ đau của sinh tử luân hồi.

Người Phật tử khác với người không phải Phật tử là từ nơi thọ trì hay không thọ trì giới pháp - Nếu không có thọ trì giới pháp, thì ta sẽ không có thước đo về phẩm chất đạo đức và nếu không có thọ trì giới pháp, thì hết thấy chúng sanh dù sang hay hèn, dù trí hay ngu đều phạm phu như nhau, nghĩa là cùng chung số phận trôi lăn trong biển cả sinh tử luân hồi, không biết đâu là ngăn mé!

Giới tiếng Phạn là *sīla*. Pāli *sīla*. Hán phiên âm là Thi la và dịch là giới. Ấy là những điều răn dạy của đức Phật đối với những hàng xuất gia và tại gia đệ tử

của Ngài, khiến họ vâng hành để không bị rơi vào các ác nghiệp đạo liên hệ đến sinh tử. Giới liên hệ đến Niết bàn, nghĩa là từ nơi bản thể tịch tịnh của Niết bàn, đức Phật vận khởi tâm đại bi để thiết định giới học, giúp chúng ta thọ trì, nhằm thoát ly sanh tử, chứng nhập Niết bàn. Nên tác dụng của giới là thúc đẩy người thọ trì đi tới Niết bàn, mà không đi tới bất cứ phương hướng nào khác.

Giới được truyền trao trực tiếp từ một vị Thầy hay từ tác pháp yết ma của Tăng, để giới thể thanh tịnh sinh khởi ở nơi thân tâm của người cầu thọ, giới ấy gọi là biệt giải thoát luật nghi. Biệt giải thoát luật nghi là giới thể do Tăng tác pháp yết ma mà sinh khởi ở nơi thân tâm của một người cầu thọ, giới thể ấy có năng lực che chở, phòng hộ và thúc đẩy, khiến cho người lãnh thọ giới luôn luôn sống với tâm ly nhiễm, đi tới và thể nhập với tự tánh Niết bàn.

Nên, giữ gìn giới tướng là biểu hiện thực tế của đời sống an tịnh hay biểu hiện tự tánh Niết bàn ngay trong đời sống thực tế.

Và trong một ý nghĩa khác, giới cũng được sinh khởi từ định học hay tuệ học.

Giới sinh khởi từ định học, từ ngữ chuyên môn của Luận học gọi là Tịnh lự sanh luật nghi hay định sanh luật nghi. Luật nghi, Hán dịch ý từ chữ samvara của Phạn ngữ. Samvara đi từ động từ căn là vṛ, có nghĩa là bao trùm hay phòng hộ.

Nên, Tịnh lự sanh luật nghi, nghĩa là giới sinh khởi từ thiền định, có khả năng che chở và phòng hộ thân, ngữ và ý, khiến ba nghiệp đạo này thanh tịnh, không phạm vào các điều xấu ác, để không bị đọa vào các ác nghiệp đạo.

Giới sinh khởi từ tuệ học, từ ngữ chuyên môn của Luận học gọi là Đạo sanh luật nghi hay là Đạo cộng giới. Nghĩa là do trí tuệ vô lậu duyên vào bốn hành tướng Đạo - Như - Hành - Xuất của đạo Thánh đế, mà đoạn trừ những sai lầm rỉ chảy từ nơi nhận thức và tư duy, khiến trí tuệ vô lậu sinh khởi và cũng do giới sinh khởi từ nơi trí tuệ này, nên giới cũng còn gọi là vô lậu sinh luật nghi, nghĩa là do tiến trình đoạn trừ các lậu hoặc ở nơi tâm, khiến luật nghi sinh khởi,

có năng lực che chở và phòng hộ ba nghiệp, làm cho ba nghiệp hành hoạt trong sự thanh tịnh, không còn bị phiền não rỉ chảy rơi lọt để kết thành tác nhân sinh tử.

Như vậy, định và tuệ là chiều sâu của giới và giới là biểu hiện cụ thể của định và tuệ. Không có giới, chúng ta sẽ không có định, không có định thì không có tuệ.

Vì vậy, giới là nền tảng cho chúng ta tu tập để đi sâu vào định và tuệ, nhằm hướng tới đời sống giải thoát giác ngộ hay đời sống an tịnh Niết bàn của bậc Toàn giác.

II - Tám ý nghĩa của giới:

Giới có tám ý nghĩa như sau:

1- Tránh xa:

Khi người Phật tử chúng ta thọ trì giới pháp, thì cũng chính là lúc chúng ta bắt đầu tránh xa được các ác đạo. Nghĩa là tránh xa con đường xấu ác dẫn đến địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Nếu không thọ trì giới pháp, thì cho dù chúng ta cầu xin thoát khổ, cũng không ai có thể giúp được chúng ta và trên trời, dưới

đất cũng không ai có khả năng hay phép lạ thay thế khổ đau trong sanh tử cho chúng ta và cho phép chúng ta thoát ly khổ đau sanh tử.

Địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh là nơi đại cực khổ của những ai đã rơi vào đó. Ngoài ra giới pháp còn giúp chúng ta tránh xa hai cực đoan là ép xác khổ hạnh và buông lung trong các dục.

a/ Ép xác khổ hạnh:

Người Phật tử biết tu tập có giới, họ không sống đời sống ép xác khổ hạnh, mà sống đời sống của thiểu dục tri túc, để nhiếp phục phiền não làm dẫn sinh sự an lạc cho thân tâm.

b/ Buông lung trong các dục:

- Người Phật tử biết tu tập có giới, họ sống đời sống không buông lung trong các dục. Nghĩa là họ không chạy theo năm thứ tham muốn như: tiền tài, danh lợi, sắc ái, ăn uống và ngủ nghỉ.

- Đời sống của con người khổ đau, vì con người sống buông lung theo năm chất liệu của tham dục.

- Một người đối xử tệ với người khác là do lòng tham. Càng chạy theo lòng tham, ta càng đối xử tệ bạc với nhiều người và đối với tất cả.

- Tham có mặt ở đâu, thì cái tệ có mặt ở đó, và sẽ dẫn dắt chúng ta vào con đường tội lỗi.

Vì vậy, ý thức được những tệ hại do lòng tham gây ra, nên Phật tử chúng ta phải thọ và trì giới để tránh xa hai cực đoan ép xác khổ hạnh và buông lung theo các dục thế gian, dẫn đời sống đến chỗ an toàn và hạnh phúc.

2- Phòng hộ:

Giới có nghĩa là phòng hộ ý, vì khiến cho những phiền não chưa sinh, thì không thể sinh khởi trên ý; và nếu đã khởi sinh trên ý, thì không thể khởi sinh ra nơi những hoạt động thân và ngữ hay các quan năng.

Vì vậy, giới không những có ý nghĩa phòng hộ ý mà còn có nghĩa phòng hộ thân và ngữ hay các quan năng nhận thức, khiến chúng luôn luôn hoạt động trong sự thanh tịnh.

3- Thân cận:

Giới có nghĩa là thân cận với Định và Tuệ hay Niết Bàn.

Chúng ta thọ trì giới là có cơ hội sống đời sống đạo đức.

Chúng ta thọ trì năm giới mà đức Phật đã chế định để thành tựu phẩm chất đạo đức của một cư sĩ tại gia đệ tử của đức Thế Tôn. Và chính phẩm chất này làm nền tảng để bước tới gần với đời sống giải thoát giác ngộ của các bậc Thánh giả Thanh văn hay Phật. Năm giới ấy gồm:

a) Không sát sanh:

Không sát sanh, hẳn nhiên là đạo đức, vì có khả năng bảo vệ và tôn trọng sự sống. Sát sanh thì gây thiệt hại cho đạo đức cá nhân và cộng đồng.

b) Không trộm cắp:

Sống không trộm cắp là đời sống cao đẹp, đáng quý, vì có khả năng tôn trọng và bảo vệ tài sản cho cá nhân và cộng đồng, khiến cho cá nhân và cộng đồng

sống trong sự yên ổn. Nên, sống không trộm cắp là đời sống có đạo đức.

c) Không tà hạnh:

Sống đoan chính là đời sống đạo đức đáng kính, vì có khả năng giữ gìn sự đoan chính cá nhân và tiết hạnh cho cộng đồng. Nên, sống không tà hạnh là đời sống có đạo đức.

d) Không nói dối:

Sống biết tôn trọng sự thật và nói lời chân thật không hư dối với mọi người là sống đời sống cao đẹp, có lợi ích cho cá nhân và cộng đồng. Nên, sống không nói láo là sống đời sống có đạo đức.

e) Không uống rượu:

Sống biết trau dồi và tôn trọng trí tuệ, bằng cách không uống rượu say sưa là nếp sống cao quý và đạo đức. Nên, sống không uống rượu say sưa là nếp sống cao quý đạo đức, đem lại an ổn cho bản thân, gia đình và xã hội. Như vậy, không giết hại, không trộm cắp, không tà hạnh, không nói dối và không uống rượu là

nếp sống đạo đức, gần gũi với Niết Bàn, nên giới có nghĩa thân cận với Niết bàn.

4. Giải thoát:

- Giới cũng có nghĩa là giải thoát hay giải phóng. Giới giúp ta giải phóng phiền não ra khỏi tâm ta, ra khỏi mọi suy nghĩ và hành động của ta, đưa ta thoát ly sanh tử, chứng nhập Niết bàn.

- Ác nghiệp đạo đã trói ta ở trong sanh tử, buộc ràng ta ở trong lục đạo chúng sanh, giới có khả năng giúp ta giải thoát ác nghiệp đạo. Nên, giới có nghĩa là giải thoát.

- Giới không những giúp ta thoát khỏi ác nghiệp đạo ở trong thế gian, mà còn giúp ta thoát khỏi thiện nghiệp đạo của thế gian, đưa ta thành tựu các thiện pháp vô lậu giải thoát.

Vì vậy, giới có nghĩa là giải thoát.

5- Thận trọng:

- Giới sẽ giúp cho ta thận trọng từng lỗi nhỏ, chín chắn từng việc nhỏ, khiến cho những sai lầm nhỏ không thể xảy ra.

Kinh Đại bát Niết bàn có dạy:

“Mạc khinh tiểu tội

dĩ vi vô ương

thủy đích tuy vi

tiệm dinh đại khí”.

Nghĩa là:

- Đừng khinh tội nhỏ mà cho rằng, không làm cho mình ương lụy, giọt nước tuy nhỏ, nhưng chảy hoài dần dần cũng đầy chum lớn.

- Chúng ta phần nhiều chết bởi lỗi nhỏ, nguy hiểm nhỏ, chứ không phải lỗi lớn, nguy hiểm lớn, vì lỗi lớn và nguy hiểm lớn dễ thấy, dễ tránh hơn lỗi nhỏ, nguy hiểm nhỏ. Và nhiều nguy hiểm nhỏ tạo thành nguy hiểm lớn. Nếu không có những cái sai lầm nhỏ, thì làm gì có cái sai lầm lớn; không có cái nguy hiểm nhỏ, thì làm gì có cái nguy hiểm lớn?!

Nên, giới có nghĩa là thận trọng đối với những oai nghi tế hạnh, khiến những sai lầm lớn không có điều kiện để xảy ra.

6- Chế ngự:

- Giới có nghĩa là không chế và điều khiển thân ngữ ý không rơi vào ác nghiệp đạo.

- Giới có nghĩa là chế ngự đối với năm trường hợp:

a/ Thuận theo căn bản giới:

Do thuận theo căn bản giới, mà chế ngự được đối với ác pháp. Căn bản giới thuộc về Nhiếp luật nghi giới. Căn bản của giới Nhiếp luật nghi là không làm ác, nghĩa là hành trì thuận theo căn bản giới, nên suốt đời không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh, không nói dối và không uống rượu...

Do thực hành căn bản giới này mà chế ngự được ác pháp.

b/ Do chánh niệm:

- Chúng ta có chánh niệm, thì nhờ đó mà chế ngự được các lậu hoặc và chế ngự được các tạp niệm dấy khởi lên trong tâm.

- Lậu hoặc là những mê lầm do phiền não rỉ chảy ra trong đời sống, làm cho ta không ra khỏi sinh tử luân hồi. Tạp niệm cũng vậy, làm cho tâm chúng ta

rối loạn, mất bình tĩnh, không có khả năng để giải quyết các vấn đề bất ổn xảy đến với ta.

Vì vậy, chúng ta cần phải thực tập chánh niệm để nhìn vào tâm mình, mà gạt lọc tâm mình bằng giới, gạt bỏ những tạp niệm và lậu hoặc. Vì vậy, chánh niệm là chiều sâu của giới và giới là những hình thái biểu hiện cụ thể của chánh niệm.

Do đó, mỗi khi thiền tập, tạp niệm khởi lên, ta không để ý thức bị cuốn hút theo tạp niệm, mà bằng ý thức tỉnh giác, ta theo dõi hơi thở, đếm từ một đến mười và cứ như vậy mà thực tập cho đến khi chấm dứt tạp niệm gọi là pháp môn tùy tức. Pháp môn tùy tức là pháp môn bám lấy theo dõi hơi thở một cách đơn thuần không phản ứng, không phán xét.

Nhờ vậy, ta chế ngự được các tạp niệm ở nơi tâm.

c/ Do chánh kiến:

Do có cái thấy đúng, nên vô minh, hành, ái, thủ và hữu đều được chế ngự.

Vô minh và hành là nhân quá khứ của mười hai chi duyên khởi, muốn loại trừ vô minh và hành để

thoát ly sinh tử là phải có chánh kiến. Chánh kiến do đâu mà có? Do tu tập giới định tuệ mà có. Không có chánh kiến thì không có khả năng chế ngự được vô minh và hành, để chấm dứt sanh tử. Nên, nhờ có chánh kiến mà nhiếp phục được vô minh và chấm dứt sanh tử.

d/ Do kham nhẫn:

- Nhờ kham nhẫn, người Phật tử chế ngự được thèm muốn các dục vọng, chế ngự được sự nóng lạnh của thời tiết, sự khát khao của ăn uống v.v...

- Đối với tài, sắc, danh, thực, thụ là năm thứ đối với người đời thường ao ước, người Phật tử cũng đang sống trong dòng chảy đó, nhưng người Phật tử nhờ có giới, nên đã chế ngự được sự thèm khát đối với tiền tài, sắc dục, danh lợi, ăn uống và ngủ nghỉ.

Ví dụ: Đối với tiền bạc, nhờ kham nhẫn, chúng ta có thể khắc phục được ăn tiêu, khiến chúng ta có thì giờ để tu học và có cơ hội để nâng cao cuộc sống tâm linh, đạo đức, nhằm bước tới con đường thoát ly sinh tử.

Kham nhẫn là đức tính không thể thiếu được mỗi khi ta lạy Phật, ngồi thiền, tụng kinh, vào những

lúc thời tiết nóng bức hay lạnh buốt, hay những trở ngại do nghiệp duyên. Vì vậy, ta phải biết kham nhẫn để chế ngự những khó khăn nói trên.

Nên, do kham nhẫn mà chế ngự được các ác pháp.

e/ Do tinh tấn:

Tinh tấn sẽ giúp ta chế ngự được các điều ác chưa sinh. Nếu điều ác nào chưa sinh, thì mình đừng tạo điều kiện cho nó sinh. Nếu điều ác nào đã sinh, thì mình đừng tạo điều kiện cho nó sinh thêm.

Tâm ta là nơi đã tích chứa lâu đời những điều bất thiện, nên nếu không tinh tấn, thì ta không tài nào chế ngự được các ác pháp ấy. Vì vậy, ta cần phải tinh tấn để chế ngự điều xấu có thể xảy ra trong đời sống của ta.

Thực tập năm chất liệu này, giúp ta chế ngự được ác pháp trong đời sống, khiến cho các thiện pháp trong ta có điều kiện sinh khởi lớn lên.

7- Không nên vượt qua:

Giới ví như bờ đê, ngăn nước mặn không cho chảy tràn qua hay rỉ giọt vào ruộng lúa.

Cũng vậy, giới là bờ đê ngăn chặn không để cho ác pháp từ bên ngoài xâm nhập vào tâm ý, khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần.

Nếu ác pháp xâm nhập vào tâm, thông qua sáu căn, mắt tai mũi lưỡi thân và ý, thì những hạt giống tốt nơi tâm như tín, tầm quý, vô tham, vô sân, vô si, bất phóng dật... đều bị khô héo và tiêu dần.

Vì vậy, giới được xem như bờ đê, muốn thành tựu các thiện pháp, thì đừng để cho các sóng mồi của dục vọng, của nhận thức sai lầm vượt qua bờ đê ấy.

8- Giới có nghĩa là kết hợp:

Giới có nghĩa là kết hợp giữa thiện nghiệp đạo với thân ngữ ý; giới kết hợp giữa hành động con người với đạo đức; giới kết hợp giữa mọi hành vi của con người với thiện pháp.

Vì vậy, giới có nghĩa là kết hợp.

Hành vi của thân, ngữ và ý được giới gắn chặt với thiện pháp và thiện nghiệp đạo. Nhờ sự kết hợp này của giới, khiến cho các hành vi làm dẫn sanh các hoa trái an lạc, giải thoát.

Cũng vậy, ta muốn trồng cây ăn trái, ta phải biết kết hợp giữa hạt giống với thời tiết, chất đất, phân nước... Nếu không biết kết nhiều yếu tố trong việc trồng cây, ta sẽ không bao giờ thành công trong công việc này. Cũng vậy, muốn có đời sống giải thoát và giác ngộ, ta phải biết kết hợp hành động của ta với giới, với định và tuệ hay đối với hết thảy thiện pháp, thì đời sống giải thoát, giác ngộ mới thật sự xảy ra cho ta.

Vì vậy, giới có nghĩa là kết hợp.

Theo Luật và Luận, giới có nhiều ý nghĩa, nhưng ở đây chỉ nêu lên tám ý nghĩa cần thiết để thực tập đối với giới mà thôi.

III - Bản chất của giới:

Tránh xa ác pháp là bản chất của Thanh văn giới. Bản chất của Thanh văn giới là tránh xa sát sanh và do tránh xa sát sanh, nên tự tánh thiện không bị thương tổn; tránh xa trộm cắp và do tránh xa trộm cắp, nên tự tánh thiện không bị thương tổn; tránh xa tà hạnh hay tránh xa dâm dục và do tránh xa hạnh này, nên tự tánh thiện không bị thương tổn; tránh xa nói dối và do tránh xa nói dối, nên tự tánh thiện không bị

thương tổn. Thiện ấy là thiện ngay nơi bản chất. Thiện ấy là tự tánh Niết bàn. Giữ được bốn giới này là thành tựu bản chất của thiện pháp. Phạm vào bốn giới này là làm cho bản chất của thiện pháp bị thương tổn và âm mất, khiến bản chất của ác pháp sinh khởi.

Nên, trong Luật học, bốn giới này được các Luật sư xếp vào tánh giới. Nghĩa là giới pháp ngăn ngừa, không để phạm vào bản chất của tội lỗi.

Giết hại, trộm cắp, tà dâm, nói dối là rơi vào bản chất của tội lỗi, dù là Phật tử hay không phải là Phật tử, dù là người có tôn giáo hay không có tôn giáo đều bị rơi vào các ác nghiệp đạo và đều bị nhận lấy hậu quả của một đời sống xấu xa đau khổ, do ác nghiệp đạo dẫn sinh từ tác nhân của chính nó, mà hoàn toàn không do một thần linh nào từ trên trời cao có quyền uy trừng phạt.

Nguyên tránh xa giết hại, trộm cắp, tà dâm hay dâm dục và nói dối là ước nguyện thích ứng với bản chất của thiện pháp hay tự tánh Niết bàn. Và từ ước nguyện này, mà bản chất của thiện pháp sinh khởi, làm tác nhân dẫn sinh các thiện nghiệp đạo thù thắng,

đưa đến phước báo cao quý của cõi người, cõi trời, cõi của các bậc Thánh; và do thiện nghiệp đạo dẫn sinh từ tác nhân của chính nó, nên dẫn sinh đời sống an vui hạnh phúc, mà hoàn toàn không do bất cứ một thần linh nào có quyền uy ngự trị từ trên trời cao ban tặng hạnh phúc, an vui cho ta, ngoài các thiện nghiệp đạo dẫn sinh từ nơi tâm ta.

Vì vậy, bản chất của Thanh văn giới là tránh xa căn bản của hết thảy mọi điều xấu ác và làm nền tảng để phát triển các học giới Đại thừa Bồ tát, thực hành hết thảy điều thiện với tâm từ bi.

Thâu nhiếp hết thảy thiện pháp bằng tâm từ bi là bản chất của Đại thừa Bồ tát giới. Bản chất ấy được thấp sáng lên và quảng bá rộng ra từ một điểm cho đến toàn thể không gian và ngay khoảnh khắc thành tựu giới thể, từ tác pháp yết ma lần thứ ba và giới thể được nuôi lớn và phát triển liên tục đến tận biên cương của thời gian vị lai, qua sự thực hành thế và nguyện.

Nên, Đại thừa Bồ tát giới không những bảo trì bản chất của thiện là tự tánh Niết bàn, mà còn phát triển bản chất ấy, đến chỗ rộng lớn và cao tột cùng

khắp trong mọi không gian và mọi thời gian, cho đến khi tâm bồ đề kết thành hoa trái giác ngộ.

Bản chất của Đại thừa Bồ tát giới được thiết lập trên nền tảng của tâm bồ đề và tựu thành Bồ tát giới Đại thừa, qua phát khởi thệ và nguyện với đầy đủ sinh chất của trí tuệ và từ bi.

Sinh chất trí tuệ là từ nơi chiều sâu của tâm bồ đề mà sinh khởi. Và sinh chất từ bi cũng sinh ra và lớn lên từ nơi cái thấy tương quan duyên khởi, giữa mình và người; giữa mình với muôn loài và sinh môi.

Nên, thương yêu người khác cũng chính là đang thương yêu chính mình, bảo vệ và chăm sóc tốt những cái không phải mình là bảo vệ và chăm sóc mình một cách có ý nghĩa và lâu dài nhất. Nên, bản chất của Đại thừa Bồ tát giới, bao gồm đủ cả tránh xa hết thấy ác pháp, nắm giữ hết thấy thiện pháp và làm lợi ích cho hết thấy muôn loài, bằng thệ nguyện đầy đủ cả sinh chất trí tuệ và từ bi. Người thực hành Đại thừa Bồ tát giới là người quên mình trong tất cả mọi hành động của chính họ, cho lợi ích của mọi người và muôn loài chúng sanh, khiến sinh chất từ bi sinh khởi một cách

trộn vện trong đời sống của chính họ qua thân, ngữ và ý, dưới vô số hình thức khác nhau.

Không có trí tuệ, thì không thể nào thấy rõ cùng tốt sự thật của khổ đau là gì để tránh xa; không có trí tuệ thì không thấy rõ cùng tốt sự thật về tập khởi của khổ đau là gì để nhiếp phục và đoạn tận; không có trí tuệ thì không thể nào thấy rõ cùng tốt sự thật của con đường diệt khổ là gì để học hỏi và tu tập; và không có trí tuệ, thì không thể nào thấy rõ sự thật cùng tốt của diệt tận vô minh, phiền não là gì, để chúng nghiệm và thể nhập; và nếu không có trí tuệ, thì không thể biết rõ sự liên hệ giữa mình với người; giữa mình với muôn vật; giữa mình với thiên nhiên; giữa mình với đời này, đời trước và đời sau là gì, để khởi sinh lòng biết ân, tâm hiếu thuận và từ bi đối với hết thảy muôn loài.

Nên, nếu nguyên từ bi không phát khởi từ sinh chất bồ đề để hóa độ chúng sanh, thì bản chất của Đại thừa Bồ tát giới không thể viên thành Phật quả.

IV - Hiệu quả của giới học:

Khát vọng hay niềm mơ ước muôn thưở của con người là khát vọng tự do và ước mơ của con người là

sống đời hạnh phúc. Nhưng hạnh phúc của con người không hề được tạo nên từ những ước mơ, và sự tự do của con người không hề xảy ra từ những khát vọng.

Càng khát vọng, con người càng rớt bồng cuộc tìm và tiêu hao năng lượng của sự sống và càng ước mơ con người càng rượt chạy bươn về phía trước, như những chú ngựa rượt đuổi những gợn nước trên con đường nhựa giữa trưa hè nóng bồng!

Giới pháp đức Phật dạy, không phải là chất xúc tác thúc đẩy con người khởi sinh khát vọng và lại càng không phải là những dự tưởng hạnh phúc, để cho con người ước mơ hay những tín điều cứng đờ, để buộc ràng con người nơi những dự tưởng ước mơ ấy, để rồi bán đứng cuộc sống cho những tín điều dự tưởng xa xăm hư dối, mà giới đặt hạnh phúc, an lạc và tự do ngay nơi cuộc sống của con người với ý thức tự nguyện, tự giác qua thế và nguyện, được biểu lộ cụ thể qua những động tác của thân và ngữ, để giới thể vô biểu tự thành, và từ đó có năng lực thúc đẩy hành động vươn lên sống cùng và sống với tự do, giải thoát,

nhằm thành tựu ước nguyện hạnh phúc ngay trong cuộc sống này với tư cách của một bậc Thánh giả.

Không có tâm, con người tự biến mình trở thành gỗ đá, nhưng nếu có tâm mà thiếu ý thức tự nguyện, tự giác thì chính tâm ấy là nguồn gốc sinh khởi những phiền lụy và dẫn đến những hệ quả khổ đau đời đời.

Vì vậy, giới pháp Phật dạy là điều kiện giúp ta đứng dậy từ nơi đất tâm của chính chúng ta với ý thức tự nguyện, tự giác. Nhờ có ý thức tự nguyện, nên ta không hành động như những kẻ nô lệ, mà mọi hoạt động của ta là những hoạt động của những con người thực sự có tự do; và nhờ có ý thức tự giác, nên mọi hoạt động của ta không bị điều động bởi những thế lực vô minh vận hành tự nội, mà mọi hành hoạt của ta đều thuận với những chủng tử tâm thức vận hành theo tiến trình của tâm giải thoát.

Nên, trong Giới Kinh đức Phật dạy: “Giới thuận với căn bản giải thoát, nên ta mệnh danh là hướng tới giải thoát. Nhờ giới mà phát sinh thiện định và trí tuệ, có năng lực hủy diệt mọi thống khổ.

Thế nên, các Tỷ khuru phải giữ gìn tịnh giới, đừng để hủy phạm, thiếu sót. Ai giữ tịnh giới người đó có thiện pháp, không có tịnh giới thì mọi công đức không thể phát sinh.

Do đó, biết rằng, tịnh giới là chỗ an toàn nhất và là nơi trú ẩn cho mọi thứ công đức”. (Niết bàn lược thuyết giáo giới kinh, tr 111c, Đại Chính 12).

Có người hỏi rằng, tôi không thọ giới mà thực hành điều thiện, thì có lợi ích gì không? Hẳn nhiên là có lợi ích, nhưng lợi ích ấy không bằng một phần trăm, một phần ngàn, một phần triệu đối với người có thọ trì giới pháp thực hành điều thiện. Vì sao? Vì đối với người không thọ trì giới pháp mà thực hành điều thiện, thì việc thực hành điều thiện của họ không đặt trên một nền tảng hay một ý hướng nào cả, nên người ấy có thể thực hành điều thiện một cách bốc đồng, tùy tiện hay nửa vời. Và nếu không phải bốc đồng, tùy tiện và nửa vời đi nữa, thì sự thực hành điều thiện của họ không thiết lập trên nền tảng của giới pháp đã lãnh thọ, nên hiệu quả của việc làm, chỉ dẫn đến đời sống phước báo của hữu lậu, nghĩa là phước báo còn bị rĩ

chảy rơi lọt ở trong sanh tử luân hồi, mà không thể thành tựu phước báo vô lậu, dẫn sinh đời sống giải thoát sinh tử.

Người thực hành điều thiện dựa trên nền tảng giới pháp, tức là dựa trên nền tảng thoát ly sanh tử mà hành hoạt, nên ngay trong tác nhân của điều thiện, tự nó đã kết tinh để tựu thành hoa trái giải thoát, tự do, an toàn và ước nguyện sống đời hạnh phúc có thể thành tựu ngay nơi tâm vắng yên hết thủy phiền não.

Khi một vị thực hành viên mãn thanh tịnh đối với giới pháp, vị ấy sẽ thành tựu được các thánh quả giải thoát từ Dự lưu đến A la hán. A la hán là một phần thọ dụng thân của Phật. Nên, các kinh điển thuộc văn hệ Sanskrit và Pāli phần nhiều sử dụng Như lai, A la hán, Chánh biến tri... trong cấu trúc ngữ pháp đồng cách. Theo kinh Thắng Man, Phật mới đích thật là A la hán. A la hán thuộc hàng Thanh văn là dự phần vào thuộc tính giác ngộ của Phật mà chưa phải là Phật hay là bậc Toàn giác. Toàn giác hay Chánh biến tri là Phật.

Tuy đời sống của một vị A la hán chưa phải là bậc Toàn giác về mặt giác ngộ, nhưng rất hoàn thiện

về mặt giải thoát phiền não và tự tại đối với sanh tử, nên A la hán nghiêm nhiên trở thành bậc mô phạm, làm mẫu mực đạo đức cho đời và người đời nương tựa vào tư cách đạo đức của bậc A la hán, để thọ trì giới pháp tu tập, hướng tới đời sống giải thoát.

Nên, những vị thọ giới và giữ giới đều được các đồng phạm hạnh kính nể, ưa mến và được những bậc Thanh trí trong đời ca ngợi; vị ấy xuất hiện giữa các chúng Sa môn, Bà la môn, chính khách, đại gia một cách vững chãi, không sợ hãi, như voi chúa lâm trận bước đi hiên ngang giữa rừng gươm dao dáo mác của muôn ngàn cường địch.

Nói một cách khác, thọ trì giới luật, giúp ta đứng dậy và vươn lên một cách vững chãi từ bùn lầy sanh tử, để thành tựu mọi ước nguyện ngay trong cuộc sống này, như đức Phật dạy:

“Vị ấy muốn đồng phạm hạnh thương mến, yêu quý, cung kính và tôn trọng, thì phải thành tựu viên mãn giới luật;

Vị ấy muốn có đầy đủ y phục, thực phẩm, trú xứ, y dược trị bệnh, thì phải viên mãn giới luật;

Vị ấy muốn bà con huyết thống, khi mệnh chung nghĩ đến với tâm hoan hỷ, và có được quả báo lớn, lợi ích lớn, thì phải viên mãn giới luật;

Vị ấy có ước nguyện nhiếp phục niềm vui và không vui, thì phải viên mãn giới luật;

Vị ấy có ước nguyện nhiếp phục được khiếp đảm và sợ hãi, thì phải thành tựu viên mãn giới luật;

Vị ấy muốn được Tứ thiên, tâm tư thuần túy hiện tại lạc trú, thì phải thành tựu viên mãn giới luật;

Vị ấy ước nguyện có những giải thoát tịch tịnh, siêu Sắc giới, Vô sắc giới, thì phải thành tựu viên mãn giới luật;

Vị ấy ước nguyện trừ diệt ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, không còn bị đọa lạc, chắc chắn hướng đến Chánh giác, thì phải thành tựu viên mãn giới luật;

Vị ấy ước nguyện trừ diệt ba kiết sử, làm cho muội liệt tham sân si, chứng được quả Nhất lai, thì phải thành tựu viên mãn giới luật;

Vị ấy ước nguyện trừ diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, chứng Niết bàn ngay trong cảnh giới

hiện tại, thì phải thành tựu viên mãn giới luật;

Vị ấy ước nguyện chứng nhiều thần thông, thì phải thành tựu viên mãn giới luật;

Vị ấy ước nguyện chứng Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhiên, thì thành tựu viên mãn giới luật;

Vị ấy ước nguyện chứng Tha tâm thông thanh tịnh, thì phải thành tựu viên mãn giới luật;

Vị ấy ước nguyện chứng Túc mạng thông, biết được nhiều đời, thì phải thành tựu viên mãn giới luật;

Vị ấy ước nguyện muốn trừ diệt các lậu hoặc, để chứng đạt và an trú tâm giải thoát, tuệ giải thoát, thì phải thành tựu viên mãn giới luật.

Sau khi trình bày tất cả ước nguyện ấy, đức Phật gọi các Tỷ khuru mà bảo: Này các Tỷ khuru! Hãy sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống phòng hộ với sự phòng hộ của các giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm ngay trong từng các lỗi nhỏ, chơn chánh lãnh thọ và tu học các học giới. Như vậy, hễ đã nói gì, thì chính duyên ở đây mà nói vậy” (Kinh Ước nguyện, Trung I, tr 33 - 35, Đại Học Vạn Hạnh 1973).

Ở trong Thanh tịnh Đạo luận, có những bài kệ ca ngợi hiệu quả của vị thọ lãnh và hành trì viên mãn giới học như sau:

“Ai giữ giới toàn vẹn
thì việc mang y bát
gây lạc thú niềm tin
xuất gia có kết quả”.

“Tỷ khuru giới trong trắng
không sợ mình, trách mình
cũng như trong mặt trời
không thể có bóng tối”.

“Tỷ khuru giới trong trắng
sáng chói khổ hạnh lâm
như ánh trăng ngời sáng
chiếu tỏa bầu trời đêm”.

“Làn hương từ thân thể
của Tỷ khuru có giới
làm chư thiên hoan hỷ
huống chi làn giới hương”.

“Toàn bích hơn tất cả
những hương trên thế gian
hương giới không chương ngại
tỏa bay khắp mười phương”.

“Phục vụ người giới đức
dù ít, kết quả nhiều
bởi vậy người giới đức
là kho chứa danh xưng”.

“Không có lậu hoặc nào
ở trong đời hiện tại
bức bách người có giới
vị ấy còn đào hết

gốc rễ của khổ đau
trong những đời vị lai”.

“Muốn trở thành tối thượng
trong tất cả loài người
và cả trong chư thiên
không phải là chuyện khó
với người viên mãn giới”.

“Nhưng, vị viên mãn giới
thì không cầu gì khác
ngoài Niết bàn, tịch diệt
cảnh giới thuần thanh tịnh”.

“Quả báo giới tốt lành
đủ hình thức khác nhau
người trí nên biết sâu
gốc ấy, của mọi cảnh”.

(Visuddhimagga - Thanh tịnh đạo luận I, tr 90, Thích Nữ Trí Hải dịch, chùa Pháp Vân 850 W. Phillips Blvd. Pomona, CA 91766 - USA, PL 2535).

Kết luận:

Như vậy, ta thấy ý nghĩa của giới rất chuẩn xác, thực tế và sâu xa, bản chất của giới là thiện, là từ bi và trí tuệ; hiệu quả của giới học đem lại cho người lãnh thọ và hành trì là không thể nghĩ bàn. Không thể nghĩ bàn, vì chính nó là cuộc sống và sống với những gì tự nguyện thọ lãnh giới học bằng tất cả tấm lòng và hành trì giới học qua các oai nghi đi đứng nằm ngồi, nói năng, động tịnh trong mọi hành hoạt, trong mọi không gian và thời gian bằng ý thức tự giác, thì hoa trái giải thoát giác ngộ, không còn là những dự tưởng hay là những ước mơ, mà hiệu quả của chúng đang diễn ra và sẽ diễn ra, ngay trong từng động tác ở nơi thân tâm này, cho những ai biết tiêu hóa giới pháp để dưỡng nuôi tâm ly nhiễm, lắng tịnh mọi cấu trần, khiến giới không phải chỉ thành tựu các Thánh quả giải thoát Thanh văn hiện tại mà còn có khả năng dẫn sanh tuệ giác chánh biến tri của một bậc Giác ngộ hoàn toàn trong thời kỳ vị lai nữa.

Ý Nghĩa Phật Đản

NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Kính thưa quý vị,

Chúng ta kỷ niệm đại lễ Phật Đản, tức là chúng ta làm lễ kỷ niệm ngày ra đời của Đấng Thích Ca Mâu Ni, Đức từ phụ của chúng ta. Ngày ra đời của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở trong cõi Diêm Phù Đề này có những ý nghĩa trọng đại và sâu xa như sau:

Ý nghĩa thứ nhất:

Đức Phật ra đời là để khơi mở tuệ giác cho hết thảy chúng sinh: - Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, tất cả chúng sinh đều có trí tuệ, nhưng trí tuệ đã bị chôn vùi bởi hàng hàng, lớp lớp vô minh. Do đó, sự xuất hiện Đức Phật trong cõi đời này là để khơi mở trí tuệ cho chúng ta, cho hết thảy chúng sinh, phá trừ tất cả màn hắc ám vô minh đó, để cho hết thảy chúng ta nhận ra được Phật tính ở nơi chúng ta, nhận ra được trí tuệ ở nơi mỗi chúng ta. Tất cả chúng ta đều là dễ thương, hết thảy chúng sinh đều là dễ thương. Nhưng mà, chúng ta

có thể làm cho chúng ta xấu đi, mọi người có thể làm cho chính họ xấu đi do tâm ích kỷ, tâm hờn giận. Tâm ích kỷ, tâm hờn giận làm cho chính chúng ta xấu đi, làm cho chúng ta không còn dễ thương nữa. Tâm ích kỷ, tâm hờn giận làm cho hết thảy chúng sinh không còn là chúng sinh dễ thương nữa.

Do đó, sự ra đời của Đức Phật là khơi dậy tính dễ thương cho chúng ta, khơi dậy tính dễ thương cho tất cả chúng sanh, mà trong thuật ngữ Phật giáo, gọi sự ra đời của Đức Phật với chức năng là khai Phật tri kiến.

Ý nghĩa thứ hai:

Đức Phật ra đời là để chỉ bày cho chúng ta một con đường hạnh phúc. Đức Phật ra đời là chỉ bày cho chúng ta một con đường an lạc và nhận diện được đâu là con đường hạnh phúc, đâu là con đường khổ đau, đâu là giá trị cao quý, đâu là không có giá trị ở trong cuộc sống của chúng ta. Đức Phật đã chỉ cho chúng ta thấy rằng, một đời sống có thể trở thành cao quý khi lời nói, hành động, việc làm của họ được phát xuất từ một tâm hồn cao quý. Đức Phật đã chỉ bày cho chúng ta cũng như tất cả chúng sinh thấy rõ rằng, lời nói tầm

thường, hành động tâm thường, việc làm tâm thường có gốc rễ từ nơi một tâm hồn tâm thường.

Tâm hồn tâm thường là tâm hồn gì? Là tâm hồn ích kỷ, đầy dẫy tham lam, đầy dẫy sân si, đầy dẫy cố chấp, đầy dẫy kiêu ngạo. Lời nói nào phát xuất từ tâm hồn kiêu ngạo, từ tâm hồn ích kỷ, hẹp hòi... lẽ đương nhiên lời nói đó có khả năng tàn hoại hết thấy hạnh phúc, an lạc của chúng ta, có khả năng tàn phá hết đời sống cao quý của chúng ta. Muốn bảo toàn hạnh phúc, muốn bảo toàn an lạc, đức Phật đã chỉ bày cho chúng ta rất rõ là phải nuôi dưỡng tâm hồn từ, bi, hỷ, xả. Chúng ta muốn hạnh phúc, an lạc mà không biết nuôi dưỡng tâm hồn từ, bi, hỷ, xả thì hạnh phúc, an lạc không thể nào có được. Chúng ta muốn sống một đời sống cao thượng mà không biết nuôi dưỡng và phát triển tâm hồn từ, bi, hỷ, xả thì chúng ta không thể nào có đời sống cao thượng được.

Điều đó, đức Phật đã chỉ bày cho chúng ta cách đây hơn hai mươi lăm thế kỷ. Và hai mươi lăm thế kỷ như vậy, những người nghe lời đức Phật dạy, họ hành trì, họ thực tập và chính những người đó đã có hạnh

phúc, an lạc, không những hạnh phúc, an lạc ở đời sau mà hạnh phúc, an lạc ngay trong đời này. Bởi vậy, trong Kinh nói rằng, đức Phật ra đời là để “Thị Phật Tri Kiến” cho hết thấy chúng sinh. Thị Phật Tri Kiến là chỉ rõ bản chất giác ngộ cho hết thấy chúng sinh. Khi mà chúng sinh nhận ra, thấy rõ bản chất giác ngộ đó rồi, thì bắt đầu xây dựng đời sống hạnh phúc, an lạc cho mình và cho hết thấy mọi người.

Ý nghĩa thứ ba:

Đức Phật ra đời khiến cho chúng sinh, dạy cho chúng sinh thành tựu được giác ngộ ngay ở trong đời sống của chính mình. Giác ngộ là giác ngộ ngay trong đời sống của chính mình, ngoài đời sống của chính mình ra không có đời sống giác ngộ nào để cho chúng ta đi tìm kiếm. Chúng ta có thể tìm kiếm là tìm kiếm giác ngộ ngay ở thân và tâm của chúng ta. Chúng ta có thể đi tìm giác ngộ ngay trong đời sống của chúng ta, chúng ta không thể vứt bỏ cách đi, cách đứng, cách nằm, cách ngồi, cách tiếp xúc giao tiếp hằng ngày của chúng ta mà có sự giác ngộ. Do đó, đức Phật đã chỉ rõ cho chúng ta rằng, đời sống của chúng ta, dù một kẻ

tâm thường đến mức nào đi nữa cũng có khả năng giác ngộ. Một người đau khổ tột cùng cũng có thể vươn mình đi đến đời sống hạnh phúc, an lạc. Dù một kẻ rất tâm thường cũng có thể vươn mình đi đến đời sống thánh thiện, cao thượng.

Điều đó, đức Phật đã dạy cho chúng ta, cho hết thấy chúng sinh hơn hai mươi lăm thế kỷ. Trong lịch sử, cũng như trong đời sống thực tế, chúng ta đã thấy bao nhiêu kẻ trong đời sống tâm thường, họ không gặp Phật pháp, họ không nghe được lời giáo huấn cao quý của những bậc phạm hạnh, nhưng khi họ gặp được thì họ có cơ duyên trở thành người cao quý. Bao nhiêu kẻ bất hiếu với cha, bất hiếu với mẹ, nhưng khi gặp thầy hiền, bạn tốt, sống trong một khung cảnh dễ thương, họ trở thành một con người hiếu kính, một con người thuần thiện. Điều đó đã chứng tỏ rằng, chúng ta có thể giác ngộ được, nhận ra được cái tính chất cao thượng của chúng ta ngay trong đời sống của chúng ta.

Ngày xưa, khi vua A Dục chưa gặp Phật pháp là một vị vua hết sức tàn ác, tàn ác đến nỗi giết cha, giết chín mươi chín người anh để đoạt ngôi. Thế mà khi A

Dục gặp được một vị Thánh tăng giáo hóa, thì bao nhiêu điều xấu ác của ông đã trở thành con người hoàn thiện. Nói như vậy để cho tất cả chúng ta thấy rằng, cái ác, cái xấu ở giữa đời không đâu là không có, không lúc nào là không có và ở nơi ai mà không có. Vậy, chúng ta không sợ rằng chúng ta xấu, chúng ta không sợ rằng chúng ta ác, mà chỉ sợ rằng, chúng ta không nhận ra điều ác để tránh, không nhận ra được điều xấu để chúng ta từ bỏ. Chúng ta chỉ sợ rằng, chúng ta bị vô minh ám chướng, nhận thức sai lầm, để rồi bị đầu độc mà không nhận ra được giá trị cao quý trong đời sống của chúng ta, để chúng ta vơ mình đi tới cái cao quý, tốt đẹp.

Ngày xưa, có một vị Tổ dạy rằng:

“Bất úy tham sân khởi
duy khủng tự giác tri”.

Nghĩa là:

“Không sợ hãi tham sân khởi dậy,
mà chỉ sợ mình giác ngộ chậm”.

Nếu mình hiểu được đạo, giác ngộ được đạo, thì bao nhiêu xấu xa, bao nhiêu cái tầm thường ở trong đời sống của mình cũng được chuyển hóa thành cái cao thượng, có ý nghĩa. Bởi vậy, mà trong Kinh điển tả rằng, đức Phật ra đời với ý nghĩa là “Ngộ Phật Tri Kiến” cho hết thảy chúng sinh, nghĩa là làm cho hết thảy chúng sinh giác ngộ được những gì mà đức Phật đã giác ngộ, hiểu rõ bản thân mình đúng như những gì mà tuệ giác đã nhận ra, chứ không phải hiểu bản thân mình bằng vô minh, ái nghiệp.

Ý nghĩa thứ tư:

Đức Phật ra đời dạy dỗ, giáo hóa, diu dắt, hướng dẫn khiến cho chúng ta và hết thảy chúng sinh đều sống cuộc đời như Đức Phật đã sống. Nghĩa là, đức Phật đã sống như thế nào, đức Phật biết như thế nào thì Ngài sống như thế đó, Ngài nói như thế nào, thì Ngài làm như thế đó. Ngài làm như thế nào, thì Ngài nói như thế đó. Ngài biết rằng tham là nguy hiểm, tham là mất nhân cách, tham là làm cho mình nghèo đi, Ngài biết như vậy cho nên Ngài không tham. Còn ai thấy tham làm cho mình giàu, làm cho mình hạnh

phúc thì người đó cứ tham. Nhưng càng tham lam thì lại càng đau khổ, càng tham thì lại càng mất nhân cách. Đức Phật nói, càng tham thì lại càng làm cho mình tầm thường, càng tham thì làm cho mình càng nhỏ nhoi; càng tham thì lại càng làm cho cha con xa nhau, càng tham thì lại càng làm cho vợ chồng xa nhau, anh em xa nhau, bạn bè xa nhau.

Đức Phật đã nói điều đó hơn hai mươi lăm thế kỷ và những kẻ trí ở trong đời, họ đã đón nhận nó và đã sống. Những người nào sống trong đời sống với tâm ly tham thì người đó đầy đủ nhân cách, người đó thật sự hạnh phúc. Người đó sống trong gia đình họ hạnh phúc, người đó đi giữa họ hàng họ hạnh phúc, họ đi ra giữa xã hội họ hạnh phúc, họ đem được nhiều lợi ích cho bản thân, cho gia đình, cho xã hội và người đó không những hạnh phúc trong đời này, mà đời sau họ cũng hạnh phúc. Bởi vậy, Như Lai nói những gì Như Lai biết, Như lai đã làm, Như lai đã chứng nghiệm, Như Lai đã thấy rõ, Như Lai đã sống.

Như vậy, đức Phật ra đời với ý nghĩa thứ tư là những gì Ngài nói thì Ngài đã làm và những gì Ngài

đã làm thì Ngài mới nói. Còn tất cả chúng ta chưa làm mà đã nói, chưa làm được việc nào tốt đẹp cả mà khoa trương, lẩm lời về sự tốt đẹp. Tất cả chúng ta chỉ nói lên những lời tốt đẹp, mà không làm những điều tốt đẹp. Do đó, cái xấu, cái khổ, cái thất vọng vẫn luôn luôn theo đuổi chúng ta như bóng với hình. Với ý nghĩa thứ tư này, trong Kinh điển tả mục đích của Phật ra đời là “Nhập Phật Tri Kiến” cho hết thảy chúng sinh. Nghĩa là, đức Phật bước đi là bước đi bằng tuệ giác. Ngài đứng là cách đứng của tuệ giác. Ngài nằm là cách nằm của tuệ giác. Ngài ngồi là cách ngồi của tuệ giác. Ngài nhìn là cách nhìn của tuệ giác. Ngài nghe là cách nghe của tuệ giác. Ngài ngửi là cách ngửi của tuệ giác. Ngài thở là cách thở của tuệ giác. Bởi vì, tất cả những cái đi, đứng, nằm, ngồi, nói, cười, tiếp xúc bằng năng lượng tuệ giác đó, nên trong đời sống của đức Phật không còn mảy may sai lầm.

Còn chúng ta đi, đứng, nằm, ngồi bằng vọng niệm. Chúng ta nói, nhìn, nghe, ngửi, ăn bằng điên đảo tưởng. Chính cái điên đảo tưởng đó, thúc đẩy chúng ta đi vào con đường khổ đau, con đường bất ổn.

Bởi vậy, suốt hơn hai mươi lăm thế kỷ, bao nhiêu bậc Thánh trí ở trong đời, sau khi nghe những lời Phật dạy, đem những lời Phật dạy đó vào trong đời sống của mình để thực tập, để sống và bao nhiêu bậc Thánh trí ở trong đời đã có hạnh phúc, đã có an lạc.

Vua Trần Nhân Tông là một vị vua anh minh của Việt Nam, đã cảm nhận được Phật pháp rất sâu xa. Cho nên, vua đã phát biểu trước triều đình của nhân dân Việt Nam lúc bấy giờ như thế này: “Cảm Đức từ bi muôn kiếp nguyện cho thân cận!”. Sau khi Vua Trần Nhân Tông học Phật, tu Phật, thấy được cái cao quý của Phật, muốn mình trở thành như một vị Phật. Do đó, vua đã chọn cho mình một Pháp hiệu là: Điều Ngự Giác Hoàng. Giác Hoàng tức là nhà Vua giác ngộ. Điều Ngự là một trong những phẩm tính của Phật. Phẩm tính đó có khả năng thuần hóa hết thảy chúng sinh. Vua Trần Nhân Tông chọn cho mình phẩm hiệu là Điều ngự Giác hoàng. Nghĩa là, nhà Vua giác ngộ thuần hóa nhân dân Việt nam trong tinh thần Phật giáo, trong tinh thần của đạo lý giác ngộ.

Tại sao vua Trần Nhân Tông phải chọn Phật giáo làm một nền tảng giáo dục cho dân chúng sống đúng tinh thần Phật giáo. Vì, chỉ có tinh thần Phật giáo là tinh thần bao dung, tinh thần hỷ xả. Chỉ có xây dựng theo tinh thần Phật giáo mới làm cho gia đình bình ổn, làm cho tâm hồn của mỗi con người bình ổn. Từ tâm hồn của mỗi con người được bình ổn sẽ đưa đến gia đình bình ổn, và mỗi gia đình bình ổn sẽ đưa đến họ hàng bình ổn. Mỗi gia đình bình ổn sẽ đưa đến xóm làng bình ổn. Xóm làng bình ổn sẽ đưa đến từng phường, xã bình ổn. Từng phường xã bình ổn sẽ đưa đến quận huyện bình ổn. Nhiều quận, huyện bình ổn sẽ đưa đến phố thị bình ổn, tỉnh thị bình ổn. Nhiều tỉnh thị bình ổn sẽ đưa đến quốc gia bình ổn. Nhiều quốc gia bình ổn sẽ đưa đến thế giới bình ổn. Mỗi thế giới bình ổn sẽ đưa đến toàn thể vũ trụ sống trong một quy luật trật tự, hạnh phúc.

Như vậy, một trật tự lớn lao có thể bình ổn được khi tâm của mỗi chúng sinh bình ổn, nghĩa là phải khơi mở cho được Phật tính nơi họ. Mỗi người phải biết trở về sống với cái dễ thương nơi mình, cái dễ

thương nơi mình chính là Phật tính, cái quý giá nhất nơi mình chính là Phật tính. Chúng ta trở về lại với cái cao đẹp nhất nơi chúng ta là Phật tính.

Phật tính nằm ở đâu? Phật tính nằm trong tâm hồn của chúng ta. Chúng ta thấy rằng, đức Phật ra đời để khơi mở, chỉ cho chúng ta rằng trong tâm chúng ta có Phật tính. Ngài chỉ trong tâm chúng sanh có Phật tính, chúng sanh nào đã thấy thì ngộ, ai chưa thấy thì mê. Chúng ta thấy trong tâm của chúng ta có Phật tính thì chúng ta ngộ, chúng sẽ đi trên con đường sáng. Chúng ta không thấy trong tâm của chúng ta có Phật tính thì chúng ta mê. Mê thì chúng ta đi vào con đường tối tăm, mù mịt và dù có hai mắt mà vẫn tối, có hai chân mà vẫn què, có hai tay mà vẫn không nắm được gì, có mũi mà không ngửi được, có tai mà vẫn không nghe được. Nhưng, nếu chúng ta thấy trong tâm của chúng ta có Phật tính, giác ngộ được Phật tính và sống với Phật tính ấy, thì ta có cơ hội đi lên, có cơ hội đi tới với hạnh phúc, an lạc, với giải thoát, với không gian vô cùng và thời gian vô tận.

Ý nghĩa thứ năm:

Ngộ Phật tính chưa đủ, mà phải thể nhập với Phật tính, thể nhập Phật tính chưa đủ mà phải biểu hiện Phật tính trong đời sống hằng ngày của chúng ta. Như vậy, ngộ rồi thì phải nhập, nhập rồi thì phải xuất, nhập mà không xuất thì nghĩa nhập đó không thành. Bởi vì, nhập mà không xuất thì bí, cho nên nhập là phải xuất.

Trong vô lượng kiếp về trước, đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã từng hành Bồ tát đạo. Từ nơi đức Phật Oai Âm Vương cách đây hàng tỉ tỉ kiếp, đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã từng học với đức Phật Oai Âm Vương. Đức Phật Oai Âm Vương đã từng khai, thị, ngộ, nhập, tri, kiến cho Phật Thích Ca Mâu Ni. Và sau khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni thể nhập được Phật tri kiến, Ngài bắt đầu xuất hiện ở nơi thế giới Ta Bà này. Xuất hiện ở nơi thế giới Ta Bà này, Ngài vui với cái vui của chúng ta, buồn với cái buồn của chúng ta, Ngài nằm gai nếm mật với chúng ta. Khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện trong mười phương thế giới, xuất hiện trong cõi Ta bà này là Ngài bắt đầu đi con đường của Thánh đạo, con

đường Bồ Tát để đưa mình và hết thầy chúng sinh đi về với con đường giác ngộ.

Tiền thân của Phật Thích Ca Mâu Ni là ai? Tiền thân của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni mà trong Kinh Pháp Hoa đã ghi lại chính là Bồ tát Thường Bất Khinh. Bồ tát Thường Bất Khinh là một vị Bồ tát không dám khinh ai cả và là một vị Bồ tát chuyên thực hành hạnh không dám khinh ai cả. Vì sao Bồ tát Thường Bất Khinh là tiền thân của Phật Thích Ca Mâu Ni và Ngài không dám khinh ai cả? Bởi vì, Ngài thấy rõ chúng sinh dù tầm thường đến mức nào đi nữa, họ cũng có cái cao quý của họ. Sở dĩ họ tầm thường là vì họ không gặp được thầy, không gặp được bạn, không gặp được người cha, người mẹ, người anh, người chị dễ thương. Do đó, cái tầm thường mới lem ố ra trong đời sống của họ. Giá như những chúng sinh tầm thường đó mà gặp được thầy hiền, bạn tốt, gặp người cha dễ thương, người mẹ dễ thương, người anh, người chị dễ thương, thì nhất định sớm muộn gì họ cũng dễ thương thôi. Chúng sinh, tầm thường như vậy là vì họ sinh ra trong xã hội gặp vị vua, quan không dễ thương, cho nên, lâu

ngày cái không dễ thương của vua, quan làm lắm lem họ. Nếu họ có phước gặp được vị vua dễ thương, vị quan dễ thương, vị minh quân dễ thương, vị minh chúa dễ thương... thì người dân đó lâu ngày cũng trở thành dễ thương, hiền thiện, quý báu.

Bồ tát Thường Bất Khinh thấy rõ như thế và yêu đời như thế. Cho nên, Bồ tát Thường Bất Khinh thấy một người tầm thường, Ngài cũng không thất vọng. Ngài thấy một người tầm thường Ngài cũng đứng ở xa kính lễ và Ngài nói rằng: “Tôi không dám khinh các Người, tôi không dám khinh các Ngài, các Ngài sẽ đi trên con đường Thánh đạo, các Ngài sẽ đi trên con đường Bồ tát đạo, các Ngài tương lai sẽ làm Phật”. Tôi không dám khinh các Ngài, lời nói cao đẹp đó, dù bị đôi đá, dù bị nguyên rửa... Bồ tát Thường Bất Khinh vẫn không hề nổi cơn giận dữ, vẫn không hề trề nải nói lên những lời tốt đẹp đó. Chúng ta có biết, Bồ Tát Thường Bất Khinh ở trong Kinh Pháp Hoa là ai không? Vị đó là tiền thân của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Ngài thể nhập được Phật tính rồi, thì bây giờ Ngài phải xuất Phật tính ra, phải thể hiện Phật tính ra cho mọi người

thấy và biết. Thể hiện Phật tính là thể hiện tính không giận dữ, trước những cảnh đối nghịch. Thể hiện Phật tính là thể tính không thuận hành, không tham đắm đối với mọi quyền uy chức tước. Đứng trước một nghịch cảnh, mình đem lời chúc tụng cho người, thế mà người không nhận lại còn thóa mạ, còn vác đá ném mình nữa, nhưng Ngài vẫn không giận dữ. Ngài vẫn thương người vác đá ném mình một cách chân tình: “Tôi không dám khinh Người đâu, Người chưa biết thì vác đá ném tôi như vậy đó, nhưng mai một Người biết rồi, thì Người hết ném tôi thôi. Tôi không dám khinh quý vị đâu, tôi không dám giận quý vị đâu. Mặc dầu hôm nay, tôi biết quý vị nói xấu tôi đó, tìm cách hại tôi đó, tìm cách nhục mạ tôi đó, nhưng tôi không dám khinh quý vị đâu, tôi không giận quý vị đâu, tôi rất thương quý vị. Bởi vì, quý vị chưa hiểu tôi thì quý vị nguyên rửa tôi là phải; quý vị chưa nhận ra tôi thì quý vị nguyên rửa tôi là phải, nhưng, ngày mai quý vị nhận ra được sự thật rồi, thì khi đó không ai bảo quý vị phải thương tôi, mà quý vị vẫn thương như thường”.

Công trình tu học đó là công trình mà đức phật Thích Ca Mâu Ni đã thực hành trải dài hàng thế kỷ. Bây giờ, chúng ta làm lễ kỷ niệm đức Phật Thích Ca Mâu Ni ra đời, có phải chúng ta làm lễ kỷ niệm suông không? Có phải chúng ta đến nơi lễ đài để lạy Phật, nhưng xong rồi chúng nào vẫn giữ tật nấy hay không? Nếu chúng ta đến nơi một lễ đài, để rồi chen nhau lạy, sau đó về nhà và chúng nào vẫn giữ tật nấy, xem người như rom rác, thì thiết lập lễ đài để làm gì? Chúng ta phải thiết lập lễ đài ngay chính trong tâm hồn chúng ta. Chúng ta phải xây dựng cho được lễ đài ngay trong đời sống của chúng ta, cái lễ đài đó mới thật sự quan trọng. Chúng ta đừng khờ khạo góp tiền hàng triệu bạc, hàng chục triệu bạc để rồi làm công việc đã tràng xe cát biển đông. Chúng ta đừng bỏ ra cả một đời người để làm một công việc như vậy. Chúng ta phải biến lễ đài thành lễ đài ngay chính trong tâm hồn chúng ta và lễ đài khi đã được thiết trí trong tâm hồn của chúng ta, thì lễ đương nhiên chúng ta đi đâu, ở đâu, lúc nào, ngủ, thức đều có Phật cả.

Thưa quý vị! Tại sao đức Phật Thích Ca Mâu Ni, khi thực hành Bồ tát đạo, Ngài làm được những việc khó làm như thế? Bởi vì, Ngài ngộ được tri kiến Phật, Ngài nhập được tri kiến Phật. Và khi ngộ, nhập Phật tri kiến rồi, Ngài thương hết thấy chúng sinh. Cho nên, Ngài mới xuất hiện trong cõi Diêm Phù Đề này với chúng ta. Nhưng tại sao Ngài không xuất hiện trên loài hoa Sứ mà lại chọn hoa Sen để xuất hiện?

Ngài xuất hiện trên hoa Sen có ý nghĩa gì? Nghĩa là khi một Đấng giác ngộ đã khơi mở được Phật tính nơi chính mình, đã thấy rõ được Phật tính nơi chính mình, đã giác ngộ được Phật tính nơi chính mình và đã thể nhập trọn vẹn được Phật tính nơi chính mình qua đời sống hằng ngày, thì vị đó sống giữa trần thế mà không bị ô nhiễm. Vị đó đi vào danh mà không bị danh làm cho ô nhiễm, đi vào trong lợi mà không bị lợi làm cho ô nhiễm. Vị đó đi vào trong danh mà không bị danh trói buộc, đi vào trong lợi mà không bị lợi trói buộc, đi vào trong cái mùi vị mà không bị cái ăn trói buộc, mặc áo mà không bị vải vóc, gấm lụa trói buộc, uống nước mà không bị rượu, bia, bò húc, trói buộc.

Tất cả những cái ô nhiễm, không bị trói buộc đó là biểu tượng cho hoa Sen. Hoa Sen ở trong bùn mà không bị ô nhiễm. Bởi vậy, đức Phật xuất hiện trên cõi đời, Ngài đi trên bảy hoa Sen là vậy đó. Hoa Sen là vô nhiễm, là không còn mắc kẹt bởi nước, bởi bùn, mặc dù hoa Sen từ bùn, từ nước mà lớn lên và trưởng thành.

Khi một Đấng tuệ giác mà thành tựu Phật tri kiến rồi, Phật tri kiến đó từ chúng sinh mà ra, nhưng khi đã thành tựu Phật tri kiến thì không còn mắc kẹt cái tầm thường của chúng sinh nữa. Bởi vậy, đức Phật Thích Ca Mâu Ni từ cung trời Đâu Suất đã hóa thân thị hiện trong cõi Diêm Phù Đề này và nằm trong bụng Ma Ya phu nhân. Ngài không phải nằm trong bụng mẹ như những thai nhi khác, Ngài nằm nơi đó vì đại nguyện, đại trí, đại bi. Còn chúng ta vì vô minh ái nghiệp, vì u mê ám chướng mà vào nằm trong bụng mẹ. Bởi vậy, trong Kinh Hoa Nghiêm dạy rằng: “Khi Bồ tát Tất-đạt-đa nằm trong thai tạng hoàng hậu Ma Ya, Ngài đã thuyết pháp cho hàng Bồ tát khắp cả mười phương thế giới”.

Chúng ta đừng cho rằng đây là một ảo tưởng, mà phải biết rằng, đây là một tuệ giác, đây là một điều

khoa học có thể chứng minh được. Đức Phật khi nằm trong thai tạng hoàng hậu Ma Ya, Ngài thuyết pháp bằng năng lượng của tuệ giác, thuyết pháp bằng ánh sáng của tuệ giác. Từ trong thai tạng mà tỏa ra vô số ánh sáng, giao tiếp với vô số Bồ tát khắp cả mười phương. Và Bồ tát khắp cả mười phương vẫn ngồi ở thế giới của mình để tiếp nhận ánh sáng tuệ giác đó mà nói chuyện với Bồ tát Tất-đạt-đa. Bồ tát Tất-đạt-đa dù nằm trong thai mẹ, vẫn thường phóng ánh sáng bằng năng lượng tuệ giác để cùng đàm đạo với các vị Bồ tát đang hành đạo khắp cả mười phương thế giới. Trao đổi với nhau bằng những ký hiệu và năng lượng của ánh sáng và qua năng lượng ánh sáng mà nhận biết được nhiều vấn đề hữu ích, điều này đối với khoa học không phải là ảo tưởng mà là một thực tế mà chính bản thân của những nhà khoa học đang ứng dụng. Một thai phụ ở bên Mỹ, bằng tia laser ta có thể ngồi ở Việt Nam mà nhìn được thai nhi. Bây giờ khoa học mới tìm tòi, phát hiện được tính nam hay nữ của thai nhi từ 4 đến 6 tháng bằng siêu âm. Cho nên, những gì đức Phật dạy là những gì mới tinh của khoa

học và khoa học là một học trò sơ cơ của Phật giáo. Tôi nói khoa học là học trò sơ cơ, ngây ngô của Phật giáo, cho nên, quý vị Phật tử đừng có ảo tưởng là duy khoa học! Có đôi người mù quáng, tầm thường, thấy khoa học thành công một vài lãnh vực thì đã hô hào duy khoa học, nhưng cái duy khoa học chỉ là cái học sơ cơ của Phật giáo mà thôi!

Bởi vậy, đức Phật xuất hiện trong cõi đời này, Ngài đi trên bảy hoa Sen để chứng tỏ rằng, Ngài xuất hiện trên cõi đời này với tâm vô nhiễm, với trí vô nhiễm, với tuệ vô nhiễm. Ngài thương yêu mà vô nhiễm, còn chúng ta thương là nhiễm, chúng ta không thương thì thôi, còn thương là nhiễm, thương là kẹt. Bồ tát thương không kẹt, Phật thương không kẹt, cũng như hoa Sen sinh ra từ bùn mà không kẹt bùn, nó sinh ra từ nước mà nó không kẹt nước, nó sinh ra từ sự tanh hôi mà nó không kẹt bởi sự tanh hôi đó. Vì ý nghĩa này, mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Ngài xuất hiện trên hoa sen, Ngài ngồi trên hoa Sen, Ngài đứng trên hoa Sen.

Ý nghĩa thứ sáu:

Tại sao đức Phật xuất hiện trên cõi đời này, Ngài đi bảy bước trên hoa Sen? Một đặc điểm khác nữa của hoa Sen là Hoa nở Sen hiện. Nghĩa là, đức Phật, dạy giáo pháp của Ngài, nếu chúng ta quyết tâm hành trì, thì sẽ có an lạc ngay, đó là “Hoa nở Sen hiện”. Không tu thì thôi, tu là tức khắc có an lạc ngay! Cho nên, những ai tu tập mà không có an lạc thì phải coi chừng! Phải tu lại! Ta tu một giờ là ta có hạnh phúc một giờ, không có lý do gì mà tu một giờ mà không có hạnh phúc, an lạc một giờ. Nếu tu một giờ mà khổ đau một giờ thì đừng tu, cho nên, ta tu một giờ là ta có hạnh phúc, an lạc một giờ, đó là hoa nở Sen hiện. Tu một giờ là có hạnh phúc, an lạc một giờ. Tu hai giờ là có hạnh phúc, an lạc hai giờ. Tu mười năm là có hạnh phúc, an lạc mười năm. Tu một trăm năm là có hạnh phúc, an lạc một trăm năm. Không có lý do gì tu mà khổ cả, đó là “Hoa nở sen hiện”! Nhiều người Phật tử thường đi chùa, nhưng có những lời nói thiếu ý thức. Có người con muốn xuất gia, nhưng cha mẹ không đồng ý, vì cho rằng, đi tu phải thức khuya, dậy

sớm rất khổ. Vậy thì ai thức khuya dậy sớm để bây giờ dạy đạo, giảng đạo cho mình? Quý vị nhìn lại về cách hiểu đạo, cách tu tập của mình! Chỉ có người không biết tu tập mới khổ mà thôi. Tôi nhắc lại với quý vị rằng, chỉ có người không tu tập mới khổ, còn chúng ta tu tập một ngày là hạnh phúc một ngày, tu hai ngày là hạnh phúc hai ngày, tu cả đời là hạnh phúc cả đời, tu hằng kiếp là hạnh phúc hằng kiếp. Tu là có hạnh phúc, đó là “Hoa nở Sen hiện”.

Vì vậy, đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Ngài vui với cái vui rất trọn vẹn. Do vậy mà các nghệ sĩ đã điêu khắc tượng của Ngài chỉ cười mỉm thôi, cười nửa miệng thôi! Chỉ có cười mỉm là cái cười trọn vẹn. Tôi nhắc lại chỉ có cười mỉm mới là cái cười trọn vẹn. Cười mỉm là cái cười của trung đạo, còn cái cười toe toét như cái cười đi dự tiệc cưới là cái cười mang tính chất thất vọng, khổ đau sau đó! Và cũng không phải cái mặt méo mó như đi thăm đám ma! Đám cưới và đám ma là hai thái cực của cuộc sống. Chỉ có cười mỉm mới là cái cười độ đo của cuộc sống. Chỉ khi nào có tuệ giác mới cười mỉm được. Thấy tiệc cưới

cũng cười mỉm, thấy đám ma cũng cười mỉm, người ta khen mình cũng cười mỉm, người ta chê mình cũng cười mỉm. Như vậy cái cười mỉm là cái cười độc đáo nhất mà chỉ có đức Phật mới cười nổi vậy! Vì sao, vì đức Phật đã thể nhập được Phật tính và thường xuyên sống với Phật tính ấy.

Ý nghĩa thứ bảy:

Một đặc điểm nữa là, Đức Phật xuất hiện trên cõi đời này, trên hoa Sen là bởi vì, hoa Sen còn có một đặc điểm nữa là “hoa rụng Sen thành, Hoa nở thì Sen hiện”. Sự xuất hiện của Đức Phật trên hoa Sen để nói cho chúng ta thấy rằng, cái chết là bắt đầu của cái sống, cái sống đây là bắt đầu của cái chết. Sự xuất hiện cũng có nghĩa là bắt đầu của một sự ẩn khuất. Ngài ẩn khuất ở nơi thế giới Liên Hoa Đài Tạng thì Ngài có mặt ngay nơi thế giới Ta Bà này. Rụng là rụng từ thế giới Liên Hoa Đài Tạng, mà thành là thành nơi thế giới Ta Bà. Cho nên, đối với cái sống, cái chết ở trong đạo Phật không còn là cái gì nữa để chúng ta sợ hãi, lo âu. Chúng ta vắng mặt ở nơi này thì ta có

mặt ở nơi kia, chúng ta vắng mặt ở nơi gia đình chúng ta thì chúng ta có mặt ở nơi chùa Phước Duyên, chúng ta vắng mặt ở chùa Phước Duyên thì chúng ta có mặt ở nơi gia đình chúng ta.

“Hoa rụng Sen thành”, Bồ tát Tất Đạt Đa vắng mặt ở thế giới Liên Hoa Đài Tạng, thì Ngài có mặt ở nơi thế giới Ta Bà này. Đức Phật vắng mặt ở nơi cõi Ta Bà này, thì Ngài có mặt ở thế giới Liên Hoa Đài Tạng, Đức Phật xuất hiện trên cõi đời này, Ngài không đi trên hoa Sứ, Ngài không đi trên hoa Cúc. Mặc dù, hoa Cúc được xem là biểu tượng cho những nhà ẩn sĩ, đạo sĩ. Nhưng Đức Phật không xuất hiện trên hoa Cúc, mà Ngài chỉ xuất hiện trên hoa Sen thôi. Bởi vì, hoa Cúc không phải là vô nhiễm, hoa Cúc không phải là “hoa nở Cúc hiện, hoa rụng Cúc thành”, mà chỉ có hoa Sen mới có những đặc điểm như thế. Cho nên, Đức Phật mới xuất hiện trên hoa Sen và Ngài đi bảy bước.

Tại sao Ngài đi bảy bước mà không đi tám bước hay một bước, mười bước? Bởi vì, sự cấu hợp của vũ trụ không ra ngoài con số bảy, sự có mặt của tất cả

chúng ta không ra ngoài con số bảy: địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại, không đại, tâm đại, thức đại. Toàn thể vũ trụ hay sự hình thành của chúng sinh không ra ngoài bảy yếu tố này. Sự có mặt của chúng ta là do sự có mặt của bảy yếu tố trên. Và sự có mặt của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là sự có mặt của bảy yếu tố đó. Chính từ bảy yếu tố đó, mà một vị thể nhập được cái “tri kiến Phật” thì sẽ thành tựu được bảy yếu tố giác ngộ, gọi là thất bồ đề phần. Bảy yếu tố: địa, thủy, hỏa, phong, không, tâm, thức tạo nên hình hài, tâm trạng, tinh thần của mỗi chúng sinh, thì bảy yếu tố là “thất bồ đề phần” tạo nên của Đấng Giác Ngộ. Cho nên bảy yếu tố tạo nên chúng sinh và bảy yếu tố tạo nên Đấng Giác Ngộ. Bởi vậy, Đức Phật xuất hiện trên cõi đời này, Ngài không đi tám bước mà Ngài đi bảy bước thôi!

Ý nghĩa thứ tám:

Thế thì, ngày hôm nay chúng ta làm lễ kỷ niệm Đức Phật ra đời, có phải rằng chúng ta chỉ biết nấu vài chén chè, vài đĩa xôi đặt lên bàn Phật không? Chúng ta có thể nấu vài đĩa xôi, vài chén chè đặt trên bàn

Phật với tâm hồn nào? Chúng ta đặt trên bàn Phật với tâm trạng một lữ khách đang thực tập khai Phật tri kiến, thì Phật tri kiến, ngộ Phật tri kiến, nhập Phật tri kiến thì chè, xôi đó cũng trở thành pháp lạc, cũng trở thành đề hồ. Trái lại, chúng ta đặt xôi, chè lên bàn Phật với u mê, tham lam, ích kỷ, hẹp hòi, tầm thường, hèn mạt, thì xôi, chè đó trở thành đất, đá.

Thưa quý vị!

Chúng ta làm lễ kỷ niệm ngày đản sanh của Đức Phật, chúng ta phải làm thế nào đó để Đức Phật trong chúng ta phải ra đời mỗi ngày. Chúng ta làm lễ Đức Phật đản sanh, nghĩa là chúng ta có khả năng làm cho Đức Phật trong ta đản sanh mỗi ngày và chúng ta làm được như thế là chúng ta rất giàu! Chứ chúng ta không đợi 365 ngày mới đến chùa làm lễ đản Sanh, Phật tử đâu mà nghèo nàn đến như thế, tu hành đâu mà tội nghiệp như thế! Chúng ta phải làm như thế nào đó để Đức Phật trong chính chúng ta đản sanh mỗi ngày và mỗi ngày chúng ta phải thấy được Phật đản sanh. Còn ai mà không có khả năng làm cho Đức Phật của mình

đản sanh hằng ngày, thì cứ đợi đi! Lo về chợ Đông Ba mà mua bán cho gặt, tới các cơ quan mà làm việc cho gặt, rồi đợi 365 ngày đến chùa Từ Đàm mà làm lễ, đến chùa Phước Duyên mà làm lễ, đến chùa Từ Hiếu mà làm lễ và nếu rủi ro, không gặp ngày chủ nhật, mình phải đi thi hoặc đi chấm thi... thì coi như Đức Phật tắt ngòi, hết ra đời luôn! Hết đản sinh luôn! Còn nếu chúng ta thông minh, chúng ta biết làm cho Đức Phật chúng ta đản sinh mỗi ngày, thì Ma vương phải khóc, quỷ thần phải khóc, những kẻ manh tâm phá hoại Phật giáo phải khóc, phải dong tay đầu hàng.

Chúng ta có khả năng làm cho Đức Phật chúng ta ra đời mỗi ngày, thì chúng ta không cần phải xin phép ai để tổ chức đại lễ cả. Nhưng vì u mê, chúng ta không làm cho Đức Phật trong chúng ta đản sanh mỗi ngày, nên chúng ta phải xin phép tổ chức lễ Phật Đản. Cái u mê đó chúng ta đem mà hoằng pháp, thì pháp bị bế tắc, chúng ta đem dạy cho đời, thì đời càng thêm đau khổ, chúng ta càng lãnh đạo, thì đạo không có đường để đi! Cho nên, chúng tôi nói với tất cả quý vị là Phật tử thì

chúng ta phải thông minh, làm cho Phật trong mỗi chúng ta đản sinh mỗi ngày và mỗi ngày chúng ta được đánh lễ Phật đản sinh của chúng ta, đó mới thật sự là người đệ tử của Phật làm lễ kỷ niệm đản sinh một cách thông minh, một cách tài tình, một cách có trí tuệ và là một phương tiện thiện xảo. Ta mới có khả năng đi những bước vững chãi trên những hoa Sen, còn nếu không thì chỉ là hoa Sen vẽ trên giấy mà thôi.

Trước khi dứt lời, cầu nguyện Tam Bảo gia hộ cho tất cả quý vị sống một cuộc đời luôn luôn có Phật Đản Sinh.

Vi tính:

Bảo An - Minh Tâm

Chính tả:

Nguyễn Ngọc - Hoàng Anh

Công án:

Nhuận Pháp Minh

Nhuận Phật Minh

Nhuận Pháp Nguyên

Nhuận Kỳ Duyên